

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /2015/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2015

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 6
	Ngày: 11 / 6

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bình Định

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bình Định.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bình Định.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2015.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Bình Định;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng Thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDDVN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHÂN ĐẤT LIÊN TỈNH BÌNH ĐỊNH

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 23 /2015/TT-BTNMT
 ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liên tỉnh Bình Định được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phân đất liên tỉnh Bình Định được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố, thị xã và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa. Địa danh có kèm theo ký hiệu dấu “*” là địa danh thuộc vùng tranh chấp.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh, trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư, SV là nhóm địa danh sơn văn, TV là nhóm địa danh thủy văn, KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 sử dụng để thống kê địa danh.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ
PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Bình Định gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Quy Nhơn	3
2	Thị xã An Nhơn	11
3	Huyện An Lão	20
4	Huyện Hoài Ân	26
5	Huyện Hoài Nhơn	35
6	Huyện Phù Cát	47
7	Huyện Phù Mỹ	58
8	Huyện Tây Sơn	71
9	Huyện Tuy Phước	79
10	Huyện Vân Canh	86

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
quốc lộ 1A	KX	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-C-b+D-a; D-49-51-A-d		
Khu vực 1	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 46' 09"	109° 08' 48"					D-49-51-A-d		
Khu vực 2	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 45' 56"	109° 08' 53"					D-49-51-A-d		
Khu vực 3	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 45' 48"	109° 08' 56"					D-49-51-A-d		
Khu vực 4	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 46' 15"	109° 08' 53"					D-49-51-A-d		
Khu vực 5	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 45' 47"	109° 09' 11"					D-49-51-A-d		
Khu vực 6	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 45' 21"	109° 09' 29"					D-49-51-A-d		
Khu vực 7	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 44' 50"	109° 09' 04"					D-49-51-C-b+D-a		
Khu vực 8	DC	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 42' 37"	109° 10' 08"					D-49-51-C-b+D-a		
hồ Bàu Lát	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 46' 26"	109° 09' 25"					D-49-51-A-d		
núi Bồ Câu	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 41' 21"	109° 11' 06"					D-49-51-C-b+D-a		
đèo Cù Mông	KX	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 41' 02"	109° 10' 32"					D-49-51-C-b+D-a		
núi Dông Song	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 40' 47"	109° 09' 14"					D-49-51-C-b+D-a		
Suối Dừa	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn					13° 43' 51"	109° 09' 28"	D-49-51-C-b+D-a		
suối Đất Vò	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn					13° 43' 15"	109° 08' 38"	D-49-51-C-b+D-a		
đèo Hoa Lộc	KX	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 44' 19"	109° 08' 32"					D-49-51-C-b+D-a		
núi Hòn Chà	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 45' 19"	109° 08' 03"					D-49-51-A-d		
núi Khe Xiên	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 46' 37"	109° 10' 25"					D-49-51-A-d		
suối Lò Gạch	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn			13° 44' 43"	109° 09' 28"	13° 45' 09"	109° 09' 14"	D-49-51-C-b+D-a		
Suối Lở	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn			13° 42' 42"	109° 10' 02"	13° 43' 51"	109° 09' 29"	D-49-51-C-b+D-a		
Suối Mơ	TV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn			13° 41' 16"	109° 09' 54"	13° 42' 42"	109° 10' 02"	D-49-51-C-b+D-a		
đốc Ông Phạt	KX	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 44' 18"	109° 09' 04"					D-49-51-C-b+D-a		
cầu Suối Dừa	KX	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 43' 49"	109° 09' 27"					D-49-51-C-b+D-a		
núi Trại Bà Lý	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 41' 41"	109° 11' 20"					D-49-51-C-b+D-a		
núi Văng Chua	SV	P. Bùi Thị Xuân	TP. Quy Nhơn	13° 44' 17"	109° 11' 02"					D-49-51-C-b+D-a		
Khu vực 1	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 14"	109° 12' 22"					D-49-51-A-d		
Khu vực 2	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 19"	109° 12' 29"					D-49-51-A-d		
Khu vực 3	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 17"	109° 12' 36"					D-49-51-A-d		
Khu vực 4	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 14"	109° 12' 40"					D-49-51-A-d		
Khu vực 5	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 02"	109° 12' 50"					D-49-51-A-d		
Khu vực 6	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 09"	109° 12' 50"					D-49-51-A-d		
Khu vực 7	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 05"	109° 13' 02"					D-49-51-A-d		
Khu vực 8	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 18"	109° 13' 06"					D-49-51-A-d		
Khu vực 9	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 38"	109° 12' 36"					D-49-51-A-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
Khu vực 10	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 23"	109° 12' 59"						D-49-51-A-d	
Khu vực 11	DC	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 27"	109° 12' 51"						D-49-51-A-d	
núi Bà Hoà	SV	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 12' 32"						D-49-51-A-d	
Tháp Đôi	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 13"	109° 12' 33"						D-49-51-A-d	
dại lộ Đồng Đa	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn			13° 47' 03"	109° 13' 05"	13° 46' 48"	109° 14' 38"		D-49-51-A-d	
sông Hà Thanh	TV	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn			13° 48' 09"	109° 09' 04"	13° 47' 12"	109° 13' 05"		D-49-51-A-d	
đường dẫn Hà Thanh	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn			13° 47' 03"	109° 13' 05"	13° 48' 42"	109° 13' 44"		D-49-51-A-d; D-49-51-B-c	
đường Hùng Vương	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 47' 17"	109° 12' 11"		D-49-51-A-d	
Núi Một	SV	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 22"	109° 12' 22"						D-49-51-A-d	
nhà thờ Qui Đức	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 47' 18"	109° 12' 26"						D-49-51-A-d	
đám Thị Nại	TV	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn	13° 49' 47"	109° 13' 59"						D-49-51-A-d	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Đồng Đa	TP. Quy Nhơn			13° 47' 17"	109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"		D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 41' 15"	109° 13' 41"						D-49-51-C-b+D-a	
quốc lộ 1D	KX	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 40' 22"	109° 13' 52"		D-49-51-A-d; D-49-51-C-b+D-a	
Khu vực 2	DC	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 43' 20"	109° 12' 32"						D-49-51-C-b+D-a	
Khu vực 3	DC	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 44' 36"	109° 12' 29"						D-49-51-C-b+D-a	
Khu vực 4	DC	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 44' 52"	109° 12' 39"						D-49-51-C-b+D-a	
Khu vực 5	DC	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 45' 00"	109° 12' 32"						D-49-51-A-d	
suối Bãi Xếp	TV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn			13° 41' 26"	109° 12' 40"	13° 41' 28"	109° 13' 34"		D-49-51-C-b+D-a	
suối Đồng Đũa	TV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn			13° 44' 34"	109° 11' 28"	13° 42' 55"	109° 13' 00"		D-49-51-C-b+D-a	
đèo Quy Hoà	KX	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 44' 06"	109° 12' 30"						D-49-51-C-b+D-a	
núi Tóp Vung	SV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 41' 14"	109° 12' 11"						D-49-51-C-b+D-a	
núi Trại Bà Lý	SV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 41' 41"	109° 11' 20"						D-49-51-C-b+D-a	
núi Vũng Chua	SV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 44' 17"	109° 11' 02"						D-49-51-C-b+D-a	
núi Xuân Vân	SV	P. Ghềnh Ráng	TP. Quy Nhơn	13° 44' 08"	109° 12' 43"						D-49-51-C-b+D-a	
Khu vực 1	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 13' 52"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 13' 55"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 14' 02"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 38"	109° 14' 10"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 33"	109° 14' 13"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 28"	109° 14' 31"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 20"	109° 14' 46"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 22"	109° 14' 53"						D-49-51-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Khu vực 9	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 45' 49"	109° 15' 14"						D-49-51-A-d	
Khu vực 10	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 48"	109° 14' 10"						D-49-51-A-d	
khu vực 11	DC	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 26"	109° 14' 20"						D-49-51-A-d	
đại lộ Đồng Đa	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn			13° 47' 03"	109° 13' 05"	13° 46' 48"	109° 14' 38"		D-49-51-A-d	
Công ty cổ phần dịch vụ công nghiệp Hàng Hải	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 43"	109° 14' 28"						D-49-51-A-d	
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn			13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 23"	109° 14' 31"		D-49-51-A-d	
đường Phan Chu Trinh	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn			13° 46' 52"	109° 14' 17"	13° 46' 31"	109° 14' 11"		D-49-51-A-d	
núi Phương Mai	SV	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 56"	109° 16' 03"						D-49-51-B-c	
nhà thờ chính toà giáo phận Quy Nhơn	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 20"	109° 13' 52"						D-49-51-A-d	
cảng Quy Nhơn	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 51"	109° 14' 38"						D-49-51-A-d	
Mũi Tấn	TV	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 09"	109° 14' 56"						D-49-51-A-d	
đầm Thị Nai	TV	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 49' 47"	109° 13' 59"						D-49-51-A-d	
cảng Thị Nai	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 46' 16"	109° 14' 57"						D-49-51-A-d	
tượng đài Trần Hưng Đạo	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn	13° 45' 48"	109° 14' 59"			13° 47' 17"	109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn					13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 22"	109° 14' 48"	
đường Xuân Diệu	KX	P. Hải Cảng	TP. Quy Nhơn								D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 30"	109° 13' 32"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 35"	109° 13' 30"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 38"	109° 13' 26"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 49"	109° 13' 23"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 54"	109° 13' 12"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 43"	109° 13' 19"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 33"	109° 13' 01"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 27"	109° 13' 01"						D-49-51-A-d	
núi Bà Hoà	SV	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 12' 32"						D-49-51-A-d	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn			13° 46' 49"	109° 13' 25"	13° 46' 12"	109° 13' 41"		D-49-51-A-d	
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn			13° 46' 37"	109° 13' 23"	13° 45' 23"	109° 12' 24"		D-49-51-A-d	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Hồng Phong	TP. Quy Nhơn				109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"		D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 25"	109° 13' 41"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 21"	109° 13' 41"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 16"	109° 13' 41"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 20"	109° 13' 52"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 26"	109° 13' 55"						D-49-51-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Khu vực 6	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 29"	109° 13' 51"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 31"	109° 14' 02"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 23"	109° 14' 08"						D-49-51-A-d	
Khu vực 9	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 29"	109° 14' 06"						D-49-51-A-d	
Khu vực 10	DC	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 26"	109° 13' 44"						D-49-51-A-d	
Trung tâm Thương mại An Phú Thịnh	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 29"	109° 13' 54"						D-49-51-A-d	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn			13° 46' 49"	109° 13' 25"	13° 46' 12"	109° 13' 41"		D-49-51-A-d	
chợ Lớn Quy Nhơn	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn	13° 46' 28"	109° 14' 13"						D-49-51-A-d	
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn			13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 23"	109° 14' 31"		D-49-51-A-d	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn			13° 47' 17"	109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"		D-49-51-A-d	
đường Xuân Diệu	KX	P. Lê Lợi	TP. Quy Nhơn			13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 22"	109° 14' 48"		D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	13° 46' 19"	109° 13' 08"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	13° 46' 30"	109° 13' 09"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	13° 46' 32"	109° 13' 20"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	13° 46' 28"	109° 13' 24"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn	13° 46' 20"	109° 13' 25"						D-49-51-A-d	
đường Ngô Mây	KX	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn			13° 45' 56"	109° 12' 46"	13° 45' 44"	109° 13' 07"		D-49-51-A-d	
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn			13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 23"	109° 14' 31"		D-49-51-A-d	
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn			13° 46' 37"	109° 13' 23"	13° 45' 23"	109° 12' 24"		D-49-51-A-d	
đường Xuân Diệu	KX	P. Lý Thường Kiệt	TP. Quy Nhơn			13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 22"	109° 14' 48"		D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 15"	109° 13' 05"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 14"	109° 12' 59"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 01"	109° 12' 49"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 01"	109° 12' 57"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 45' 57"	109° 12' 48"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 45' 56"	109° 13' 00"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 14"	109° 12' 51"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 20"	109° 12' 53"						D-49-51-A-d	
Khu vực 9	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 45' 51"	109° 13' 02"						D-49-51-A-d	
Khu vực 10	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 22"	109° 13' 04"						D-49-51-A-d	
khu vực 11	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 12"	109° 12' 44"						D-49-51-A-d	
khu vực 12	DC	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 06"	109° 12' 42"						D-49-51-A-d	
núi Bà Hoà	SV	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 12' 32"						D-49-51-A-d	
đường Ngô Mây	KX	P. Ngô Mây	TP. Quy Nhơn			13° 45' 56"	109° 12' 46"	13° 45' 44"	109° 13' 07"		D-49-51-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Ngổ Mây	TP. Quy Nhơn					13° 46' 37"	109° 13' 23"	13° 45' 23"	109° 12' 24"	D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 10"	109° 12' 37"							D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 20"	109° 12' 39"							D-49-51-A-d
Khu vực 3	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 36"	109° 12' 58"							D-49-51-A-d
Khu vực 4	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 25"	109° 12' 29"							D-49-51-A-d
Khu vực 5	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 37"	109° 12' 41"							D-49-51-A-d
Khu vực 6	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 38"	109° 12' 35"							D-49-51-A-d
Khu vực 7	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 51"	109° 12' 43"							D-49-51-A-d
Khu vực 8	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 49"	109° 12' 45"							D-49-51-A-d
Khu vực 9	DC	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 47"	109° 12' 49"							D-49-51-A-d
đường Ngổ Mây	KX	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn					13° 45' 56"	109° 12' 46"	13° 45' 44"	109° 13' 07"	D-49-51-A-d
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Nguyễn Văn Cừ	TP. Quy Nhơn					13° 46' 37"	109° 13' 23"	13° 45' 23"	109° 12' 24"	D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 47' 30"	109° 11' 53"							D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 47' 49"	109° 11' 25"							D-49-51-A-d
Khu vực 3	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 47' 52"	109° 11' 54"							D-49-51-A-d
Khu vực 4	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 48' 32"	109° 12' 40"							D-49-51-A-d
Khu vực 5	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 48' 49"	109° 12' 25"							D-49-51-A-d
Khu vực 6	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 48' 45"	109° 11' 06"							D-49-51-A-d
Khu vực 7	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 48' 59"	109° 11' 42"							D-49-51-A-d
Khu vực 8	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 49' 10"	109° 11' 02"							D-49-51-A-d
Khu vực 9	DC	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 49' 25"	109° 10' 44"							D-49-51-A-d
đường Đào Tấn	KX	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			13° 47' 27"	109° 11' 33"	13° 49' 26"	109° 10' 14"			D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"			D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			13° 48' 09"	109° 09' 04"	13° 47' 12"	109° 13' 05"			D-49-51-A-d
						13° 47' 03"	109° 13' 05"	13° 48' 42"	109° 13' 44"			D-49-51-A-d; D-49-51-D-c
đường dẫn Hà Thanh	KX	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 47' 17"	109° 12' 11"			D-49-51-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn			13° 49' 47"	109° 13' 59"					D-49-51-A-d
đầm Thị Nại	TV	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 49' 47"	109° 13' 59"							D-49-51-A-d; D-49-51-B-c
cầu Thị Nại	KX	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 48' 52"	109° 14' 35"							D-49-51-A-d
núi Trường Úc	SV	P. Nhơn Bình	TP. Quy Nhơn	13° 49' 30"	109° 10' 26"							D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 48' 53"	109° 10' 30"							D-49-51-A-d
quốc lộ 1D	KX	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 40' 22"	109° 13' 52"			D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 48' 11"	109° 09' 40"							D-49-51-A-d
Khu vực 3	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 48' 09"	109° 10' 05"							D-49-51-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Khu vực 4	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 48' 12"	109° 10' 48"					D-49-51-A-d
Khu vực 5	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 47' 49"	109° 10' 29"					D-49-51-A-d
Khu vực 6	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 47' 09"	109° 11' 20"					D-49-51-A-d
Khu vực 7	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 47' 17"	109° 10' 55"					D-49-51-A-d
Khu vực 8	DC	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 53"	109° 11' 11"					D-49-51-A-d
đường Đào Tấn	KX	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn			13° 47' 27"	109° 11' 33"	13° 49' 26"	109° 10' 14"	D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn			13° 48' 09"	109° 09' 04"	13° 47' 12"	109° 13' 05"	D-49-51-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 47' 17"	109° 12' 11"	D-49-51-A-d
núi Khe Xiên	SV	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 37"	109° 10' 25"					D-49-51-A-d
Viện Sốt rét - Ký Sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn	KX	P. Nhơn Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 53"	109° 11' 01"					D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 55"	109° 12' 33"					D-49-51-A-d
quốc lộ 1D	KX	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn			13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 40' 22"	109° 13' 52"	D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 45"	109° 12' 32"					D-49-51-A-d
Khu vực 3	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 36"	109° 12' 17"					D-49-51-A-d
Khu vực 4	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 46"	109° 12' 03"					D-49-51-A-d
Khu vực 5	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 46' 03"	109° 11' 50"					D-49-51-A-d
Khu vực 6	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 46"	109° 12' 19"					D-49-51-A-d
Khu vực 7	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 45' 53"	109° 12' 11"					D-49-51-A-d
Khu vực 8	DC	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 46' 10"	109° 12' 06"					D-49-51-A-d
núi Bà Hoà	SV	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 12' 32"					D-49-51-A-d
núi Khe Xiên	SV	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 46' 37"	109° 10' 25"					D-49-51-A-d
đường Nguyễn Thái Học	KX	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn			13° 46' 37"	109° 13' 23"	13° 45' 23"	109° 12' 24"	D-49-51-A-d
hồ Phú Hoà	TV	P. Quang Trung	TP. Quy Nhơn	13° 46' 36"	109° 11' 31"					D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 47' 02"	109° 13' 08"					D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 47' 05"	109° 13' 23"					D-49-51-A-d
Khu vực 3	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 47' 01"	109° 13' 30"					D-49-51-A-d
Khu vực 4	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 47' 02"	109° 13' 16"					D-49-51-A-d
Khu vực 5	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 46' 54"	109° 13' 25"					D-49-51-A-d
Khu vực 6	DC	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 46' 53"	109° 13' 31"					D-49-51-A-d
đại lộ Đồng Đa	KX	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn			13° 47' 03"	109° 13' 05"	13° 46' 48"	109° 14' 38"	D-49-51-A-d
đám Thị Nại	TV	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn	13° 49' 47"	109° 13' 59"					D-49-51-A-d
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Thị Nại	TP. Quy Nhơn			13° 47' 17"	109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"	D-49-51-A-d
Khu vực 1	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 55"	109° 13' 19"					D-49-51-A-d
Khu vực 2	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 47"	109° 13' 34"					D-49-51-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Khu vực 3	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 44"	109° 13' 42"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 41"	109° 13' 50"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 38"	109° 13' 50"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 33"	109° 13' 48"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 39"	109° 13' 34"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 35"	109° 13' 41"			13° 46' 49"	109° 13' 25"	13° 46' 12"	109° 13' 41"	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 31"	109° 13' 40"						D-49-51-A-d	
chùa Long Khánh	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn	13° 46' 32"	109° 13' 37"						D-49-51-A-d	
sân vận động Quy Nhơn	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn					13° 47' 17"	109° 12' 11"	13° 46' 17"	109° 14' 56"	
đường Trần Hưng Đạo	KX	P. Trần Hưng Đạo	TP. Quy Nhơn								D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 13"	109° 13' 47"						D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 07"	109° 13' 40"						D-49-51-A-d	
Khu vực 3	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 05"	109° 13' 35"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 45' 58"	109° 13' 25"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 00"	109° 13' 20"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 14"	109° 13' 30"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 46' 23"	109° 13' 32"			13° 46' 49"	109° 13' 25"	13° 46' 12"	109° 13' 41"	
đường Lê Hồng Phong	KX	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn					13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 23"	109° 14' 31"	
đường Nguyễn Huệ	KX	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn					13° 45' 44"	109° 13' 07"	13° 46' 22"	109° 14' 48"	
đường Xuân Diệu	KX	P. Trần Phú	TP. Quy Nhơn	13° 47' 48"	109° 09' 25"						D-49-51-A-d	
Khu vực 1	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn					14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	
quốc lộ 1A	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn					13° 47' 41"	109° 08' 45"	13° 40' 22"	109° 13' 52"	
quốc lộ 1D	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn								D-49-51-A-d	
Khu vực 2	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 40"	109° 09' 22"						D-49-51-A-d	
Khu vực 4	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 46' 46"	109° 09' 03"						D-49-51-A-d	
Khu vực 5	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 46' 49"	109° 08' 48"						D-49-51-A-d	
Khu vực 6	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 21"	109° 08' 42"						D-49-51-A-d	
Khu vực 7	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 34"	109° 08' 50"						D-49-51-A-d	
Khu vực 8	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 46"	109° 08' 42"						D-49-51-A-d	
Khu vực 9	DC	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 54"	109° 08' 54"						D-49-51-A-d	
Xí nghiệp 380	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 46' 32"	109° 08' 54"						D-49-51-A-d	
hồ Bàu Lát	TV	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 46' 26"	109° 09' 25"						D-49-51-A-d	
cầu Điều Trị	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 59"	109° 08' 45"						D-49-51-A-d	
sông Hà Thanh	TV	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn					13° 48' 09"	109° 09' 04"	13° 47' 12"	109° 13' 05"	
sông Hà Thanh	TV	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn					13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên biểu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)		
núi Hòn Chà	SV	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 45' 19"	109° 08' 03"						D-49-51-A-d
đường Hùng Vương	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn								D-49-51-A-d
núi Khe Xiền	SV	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 46' 37"	109° 10' 25"			13° 37' 41"	109° 08' 45"	13° 47' 17"	D-49-51-A-d
Công ty cổ phần Cơ khí và Xây dựng Quang Trung	KX	P. Trần Quang Diệu	TP. Quy Nhơn	13° 47' 02"	109° 08' 38"						D-49-51-A-d
thôn Hải Bắc	DC	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 46' 18"	109° 17' 19"						D-49-51-B-c
thôn Hải Đông	DC	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 46' 11"	109° 17' 17"						D-49-51-B-c
thôn Hải Giang	DC	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 45' 44"	109° 16' 16"						D-49-51-B-c
thôn Hải Nam	DC	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 46' 01"	109° 17' 17"						D-49-51-B-c
núi Mũi Yển	SV	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 45' 48"	109° 17' 00"						D-49-51-B-c
núi Phương Mai	SV	xã Nhơn Hải	TP. Quy Nhơn	13° 46' 56"	109° 16' 03"			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	D-49-51-A-a
quốc lộ 19B	KX	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn					14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	D-49-51-A-b; D-49-51-A-d; D-49-51-B-c
đường tỉnh 639	KX	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn								
Suối Cá	TV	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 50' 57"	109° 16' 57"			13° 51' 23"	109° 16' 37"	13° 49' 15"	D-49-51-B-c
Núi Đen	SV	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 48' 52"	109° 15' 13"						D-49-51-B-c
núi Hang Dơi	SV	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 48' 17"	109° 15' 43"						D-49-51-B-c
thôn Hội Lợi	DC	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 50' 27"	109° 15' 18"						D-49-51-B-c
thôn Hội Tân	DC	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 52' 09"	109° 15' 02"						D-49-51-A-b
thôn Hội Thành	DC	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 49' 15"	109° 15' 29"						D-49-51-B-c
Núi Một	SV	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 53' 23"	109° 14' 53"						D-49-51-A-d
thôn Nhơn Phước	DC	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 53' 23"	109° 14' 53"						D-49-51-A-d
đầm Thị Nại	TV	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 49' 47"	109° 13' 59"						D-49-51-A-d
cầu Thị Nại	KX	xã Nhơn Hội	TP. Quy Nhơn	13° 48' 52"	109° 14' 35"						D-49-51-A-d; D-49-51-B-c
quốc lộ 19B	KX	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	D-49-51-A-a
Suối Cá	TV	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn					13° 51' 59"	109° 16' 44"	13° 53' 16"	D-49-51-B-a; D-49-51-B-c
Núi Cẩm	SV	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 04"	109° 17' 35"						D-49-51-B-a
Núi Đen	SV	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 50' 57"	109° 16' 57"						D-49-51-B-c
Eo Gió	TV	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 15"	109° 17' 28"						D-49-51-B-a
thôn Lý Chánh	DC	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 52' 50"	109° 17' 31"						D-49-51-B-a
thôn Lý Hoà	DC	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 52' 42"	109° 17' 24"						D-49-51-B-a
thôn Lý Hưng	DC	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 10"	109° 17' 06"						D-49-51-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn Lý Lương	DC	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 15"	109° 17' 20"						D-49-51-B-a	
tỉnh xá Ngọc Hoà	KX	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 12"	109° 17' 24"						D-49-51-B-a	
Đồn Biên phòng Nhơn Lý	KX	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 53' 03"	109° 17' 12"						D-49-51-B-a	
chùa Phước Sa	KX	xã Nhơn Lý	TP. Quy Nhơn	13° 52' 48"	109° 17' 38"						D-49-51-B-a	
Suối Cà	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 37' 22"	109° 06' 01"	13° 39' 53"	109° 05' 40"		D-49-51-C-a; D-49-51-C-c	
súi Cầu Ké	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 43' 31"	109° 07' 05"	13° 45' 33"	109° 07' 08"		D-49-51-A-c; D-49-51-C-a	
súi Cây Cắm	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 37' 54"	109° 08' 35"	13° 39' 53"	109° 08' 06"		D-49-51-C-b+D-a	
súi Cây Cắm	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 39' 53"	109° 08' 06"	13° 42' 00"	109° 06' 47"		D-49-51-C-b+D-a D-49-51-C-a	
núi Dòng Song	SV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 40' 47"	109° 09' 14"						D-49-51-C-b+D-a	
sông Hà Thanh	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"		D-49-51-A-c; D-49-51-C-a	
đèo Hoa Lộc	KX	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 44' 19"	109° 08' 32"						D-49-51-C-b+D-a	
núi Hòn Chà	SV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 45' 19"	109° 08' 03"						D-49-51-A-d	
núi Hòn Gió	SV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 36' 33"	109° 06' 49"						D-49-51-C-c	
núi Hòn Quỳ	SV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 42' 03"	109° 05' 27"						D-49-51-C-a	
hồ Long Mỹ	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 42' 31"	109° 07' 44"						D-49-51-C-b+D-a	
thôn Long Thành	DC	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 42' 49"	109° 07' 08"						D-49-51-C-a	
thôn Mỹ Lợi	DC	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 44' 52"	109° 06' 47"						D-49-51-C-a	
sông Nhị Hà	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 42' 00"	109° 06' 47"	13° 44' 44"	109° 06' 29"		D-49-51-C-a	
súi Nước Nóng	TV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn			13° 38' 54"	109° 07' 23"	13° 42' 00"	109° 06' 47"		D-49-51-C-a	
núi San Sẻ	SV	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 39' 40"	109° 06' 11"						D-49-51-C-a	
thôn Thanh Long	DC	xã Phước Mỹ	TP. Quy Nhơn	13° 43' 58"	109° 07' 34"						D-49-51-C-b+D-a	
quốc lộ 1A	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"		D-49-51-A-a	
đường tỉnh 636B	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn			13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"		D-49-51-A-a	
cầu An Ngãi 4	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 39"	109° 06' 41"						D-49-51-A-a	
ga Bình Định	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 18"	109° 05' 58"						D-49-51-A-a	
cầu Bình Định 1	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 31"	109° 06' 41"						D-49-51-A-a	
Sông Cồn	TV	P. Bình Định	TX. An Nhơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-a; D-49-51-A-c	
khuvực Kim Châu	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 11"	109° 05' 42"						D-49-51-A-a	
khuvực Liêm Trục	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 52' 47"	109° 06' 40"						D-49-51-A-a	
khuvực Mai Xuân Thưởng	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 10"	109° 06' 30"						D-49-51-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
khu vực Minh Khai	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 09"	109° 06' 14"					D-49-51-A-a
khu vực Ngô Gia Tự	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 24"	109° 06' 21"					D-49-51-A-a
khu vực Quang Trung	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 18"	109° 06' 20"					D-49-51-A-a
cầu Tân An	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 52' 32"	109° 07' 22"					D-49-51-A-a
chùa Tịnh Liễm	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 00"	109° 07' 15"					D-49-51-A-a
khu vực Trần Phú	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 20"	109° 06' 30"					D-49-51-A-a
chùa Trúc Lâm	KX	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 09"	109° 06' 54"					D-49-51-A-a
khu vực Vĩnh Liễm	DC	P. Bình Định	TX. An Nhơn	13° 53' 16"	109° 06' 58"					D-49-51-A-a
quốc lộ 1A	KX	P. Đập Đá	TX. An Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-a
khu vực Bà Canh	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 51"	109° 04' 42"					D-49-51-A-a
khu vực Bắc Phương Danh	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 23"	109° 05' 00"					D-49-51-A-a
khu vực Bằng Châu	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 43"	109° 05' 29"					D-49-51-A-a
hồ Bàu Bè	TV	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 42"	109° 04' 44"					D-49-51-A-a
mương Cây Sung	TV	P. Đập Đá	TX. An Nhơn					13° 56' 20"	109° 06' 11"	D-49-51-A-a
sông Đập Đá	TV	P. Đập Đá	TX. An Nhơn			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a
cầu Đập Đá	KX	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 08"	109° 05' 23"					D-49-51-A-a
khu vực Đông Phương Danh	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 12"	109° 05' 07"					D-49-51-A-a
khu vực Mỹ Hoà	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 56' 17"	109° 05' 28"					D-49-51-A-a
khu vực Nam Phương Danh	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 05"	109° 05' 03"					D-49-51-A-a
chùa Ngưỡng Quan	KX	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 56' 06"	109° 05' 03"					D-49-51-A-a
khu vực Tây Phương Danh	DC	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 55' 14"	109° 04' 44"					D-49-51-A-a
cầu Vạn Thuận 2	KX	P. Đập Đá	TX. An Nhơn	13° 56' 20"	109° 04' 50"					D-49-51-A-a
quốc lộ 1A	KX	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-a; D-49-51-A-c; D-49-51-A-d
quốc lộ 19	KX	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-51-A-c; D-49-51-A-d
khu vực An Lộc	DC	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 52' 04"	109° 06' 04"					D-49-51-A-c
sông An Tượng	TV	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn			13° 48' 26"	109° 00' 14"	13° 52' 15"	109° 04' 55"	D-49-51-A-c
cầu Bà Đôn	KX	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 51' 22"	109° 06' 29"					D-49-51-A-c
cầu Bà Nghè	KX	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 51' 12"	109° 05' 42"					D-49-51-A-c
chùa Bửu Nam	KX	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 52' 13"	109° 07' 52"					D-49-51-A-d
Núi Chà	SV	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 50' 18"	109° 04' 59"					D-49-51-A-c
núi Chà Rang	SV	P. Nhơn Hoà	TX. An Nhơn	13° 50' 59"	109° 05' 13"					D-49-51-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Sông Côn	TV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-51-A-a; D-49-51-A-b; D-49-51-A-c; D-49-51-A-d		
Cầu Đen	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 19"	109° 04' 08"					D-49-51-A-c		
núi Đông Triều	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 43"	109° 07' 34"					D-49-51-A-d		
Cầu Gánh	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 02"	109° 07' 41"					D-49-51-A-d		
Suối Hàng	TV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon			13° 49' 57"	109° 05' 24"	13° 51' 00"	109° 05' 30"	D-49-51-A-c		
khu vực Hoà Nghi	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 32"	109° 06' 00"					D-49-51-A-a		
núi Hòn Cầm	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 50' 14"	109° 06' 17"					D-49-51-A-c		
núi Hòn Dung	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 50' 49"	109° 06' 53"					D-49-51-A-c		
núi Hòn Ngựa	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 50' 24"	109° 05' 28"					D-49-51-A-c		
khu vực Huỳnh Kim	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 16"	109° 07' 34"					D-49-51-A-d		
chùa Kim Long	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 14"	109° 07' 23"					D-49-51-A-c		
Xí nghiệp Khai thác Chế biến Nông lâm Khoáng sản Xuất khẩu Lam Sơn	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 12"	109° 06' 18"					D-49-51-A-c		
khu vực Long Quang	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 22"	109° 05' 10"					D-49-51-A-c		
kênh N2	TV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon			13° 49' 37"	109° 00' 29"	13° 52' 20"	109° 04' 43"	D-49-51-A-c		
khu vực Nghiễm Hoà	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 42"	109° 05' 49"					D-49-51-A-c		
núi Nhon Nhon	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 07"	109° 07' 05"					D-49-51-A-c		
hợp tác xã nông nghiệp Phú Hoà	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 32"	109° 06' 35"					D-49-51-A-c		
khu vực Phú Quang	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 25"	109° 04' 30"					D-49-51-A-c		
khu vực Phú Sơn	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 49"	109° 06' 32"					D-49-51-A-c		
đầy núi Sơn Triều	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 50' 37"	109° 06' 30"					D-49-51-A-c		
núi Sơn Triều	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 49' 47"	109° 05' 41"					D-49-51-A-c		
cầu Tân An	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 32"	109° 07' 22"					D-49-51-A-a		
khu vực Tân Hoà	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 32"	109° 05' 49"					D-49-51-A-c		
cầu Trắng 1	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 15"	109° 04' 44"					D-49-51-A-c		
Núi Trại	SV	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 02"	109° 06' 40"					D-49-51-A-c		
khu vực Trung Ái	DC	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 51' 17"	109° 04' 31"					D-49-51-A-c		
cầu Trường Thi	KX	P. Nhom Hoà	TX. An Nhon	13° 52' 49"	109° 06' 19"					D-49-51-A-a		
quốc lộ 1A	KX	P. Nhom Hưng	TX. An Nhon			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-a		
đường tỉnh 636	KX	P. Nhom Hưng	TX. An Nhon			13° 55' 03"	109° 05' 27"	13° 55' 08"	109° 12' 25"	D-49-51-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
đường tỉnh 636B	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn			13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"	D-49-51-A-a		
khu vực An Ngãi	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 53' 52"	109° 06' 22"					D-49-51-A-a		
cầu An Ngãi 1	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 08"	109° 06' 17"					D-49-51-A-a		
cầu An Ngãi 2	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 01"	109° 06' 23"					D-49-51-A-a		
cầu An Ngãi 3	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 53' 50"	109° 06' 33"					D-49-51-A-a		
cầu An Ngãi 4	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 53' 39"	109° 06' 41"					D-49-51-A-a		
cầu Cẩm Tiên 1	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 57"	109° 05' 35"					D-49-51-A-a		
cầu Cẩm Tiên 2	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 34"	109° 05' 56"					D-49-51-A-a		
khu vực Cẩm Văn	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 52"	109° 05' 37"					D-49-51-A-a		
Cầu Chàm	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 53' 57"	109° 05' 24"					D-49-51-A-a		
khu vực Chánh Thành	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 29"	109° 05' 17"	13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a		
sông Đập Đá	TV	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn			13° 55' 08"	109° 05' 23"			D-49-51-A-a		
cầu Đập Đá	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 53' 50"	109° 05' 35"	13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"	D-49-51-A-a		
sông Gò Chàm	TV	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 55' 04"	109° 05' 35"					D-49-51-A-a		
khu vực Hoà Cư	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 15"	109° 06' 54"					D-49-51-A-a		
chùa Khánh Sơn	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 22"	109° 06' 29"					D-49-51-A-a		
khu vực Phò An	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 28"	109° 05' 06"					D-49-51-A-a		
chùa Thanh Quang	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 13"	109° 06' 07"					D-49-51-A-a		
chùa Thiên Quan	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn	13° 54' 03"	109° 05' 13"					D-49-51-A-a		
khu vực Tiên Hoà	DC	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-a		
Cầu Xanh	KX	P. Nhơn Hưng	TX. An Nhơn			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-51-A-a		
quốc lộ 1A	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn							D-49-51-A-a		
quốc lộ 19B	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 55' 59"	109° 06' 44"					D-49-51-A-a		
khu vực An Lợi	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 03"	109° 06' 52"					D-49-51-A-a		
chùa Bảo Phước	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 11"	109° 03' 48"					D-49-51-A-a		
cầu Bến Gỗ	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn			13° 56' 20"	109° 03' 52"	13° 56' 09"	109° 06' 11"	D-49-51-A-d		
mương Cây Sung	TV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 46"	109° 04' 53"					D-49-51-A-a		
khu vực Châu Thành	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 40"	109° 04' 36"					D-49-51-A-a		
cầu Châu Thành	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a		
sông Đập Đá	TV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn			14° 00' 01"	109° 02' 42"	13° 57' 14"	109° 07' 53"	D-49-51-A-a		
sông La Vi	TV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn							D-49-51-A-a		
khu vực Lý Tây	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 31"	109° 05' 52"					D-49-51-A-a		
núi Ma Ha	SV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 39"	109° 06' 42"					D-49-51-A-a		
núi Mỏ O	SV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 48"	109° 06' 28"					D-49-51-A-a		
khu vực Nhơn Thuận	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 14"	109° 06' 37"					D-49-51-A-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
tháp Phú Lộc	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 57' 21"	109° 05' 16"						D-49-51-A-a	
khuvực Phú Thành	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 58"	109° 05' 32"						D-49-51-A-a	
chùa Phước Lộc	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 57' 00"	109° 05' 31"						D-49-51-A-a	
chùa Quan Âm	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 57' 16"	109° 04' 14"						D-49-51-A-a	
chùa Thập Tháp	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 27"	109° 04' 28"			13° 55' 00"	109° 03' 03"	13° 57' 14"	109° 06' 05"	
sông Thị Lự	TV	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn									
khuvực Tiên Hội	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 52"	109° 04' 27"							
khuvực Vạn Thuận	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 30"	109° 04' 24"							
cầu Vạn Thuận 1	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 35"	109° 04' 39"							
cầu Vạn Thuận 2	KX	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 20"	109° 04' 50"							
khuvực Vĩnh Phú	DC	P. Nhơn Thành	TX. An Nhơn	13° 56' 45"	109° 03' 44"							
đường tỉnh 636	KX	xã Nhơn An	TX. An Nhơn					13° 55' 03"	109° 05' 27"	13° 55' 08"	109° 12' 25"	
sông Đập Đá	TV	xã Nhơn An	TX. An Nhơn					13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	
								13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"	
sông Gò Chàm	TV	xã Nhơn An	TX. An Nhơn									
thôn Háo Đức	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 55' 06"	109° 06' 07"							
chùa Hưng Long	KX	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 54' 29"	109° 06' 52"							
chùa Long Đa	KX	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 54' 40"	109° 08' 17"							
thôn Tân Dân	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 54' 49"	109° 08' 17"							
thôn Tân Dương	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 54' 30"	109° 07' 34"							
thôn Thanh Liêm	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 55' 35"	109° 05' 35"							
thôn Thuận Thái	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 55' 47"	109° 06' 29"							
thôn Trung Định	DC	xã Nhơn An	TX. An Nhơn	13° 55' 02"	109° 06' 47"							
sông Văn Triều	TV	xã Nhơn An	TX. An Nhơn					13° 54' 44"	109° 06' 29"	13° 54' 32"	109° 13' 19"	
đường tỉnh 636	KX	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn					13° 55' 03"	109° 05' 27"	13° 55' 08"	109° 12' 25"	
thôn Bình An	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 55' 55"	109° 09' 50"							
thôn Dương Xuân	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 56' 48"	109° 09' 22"							
thôn Định Thuận	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 55' 58"	109° 09' 04"							
thôn Hoà Đông	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 56' 31"	109° 10' 23"							
thôn Hoà Tây	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 57' 04"	109° 09' 43"							
thôn Lộc Thuận	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 55' 45"	109° 10' 16"							
thôn Nhơn Thiện	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 56' 09"	109° 09' 17"							
chợ Quán Mới	KX	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 55' 35"	109° 10' 12"							
thôn Thái Xuân	DC	xã Nhơn Hạnh	TX. An Nhơn	13° 56' 15"	109° 09' 25"							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Thanh Mai	DC	xã Nhom Hạng	TX. An Nhon	13° 55' 27"	109° 09' 00"						D-49-51-A-b	
thôn Tinh Bình	DC	xã Nhom Hạng	TX. An Nhon	13° 55' 53"	109° 09' 36"						D-49-51-A-b	
thôn Tinh Hoà	DC	xã Nhom Hạng	TX. An Nhon	13° 55' 17"	109° 10' 30"						D-49-51-A-b	
sông Ván Triều	TV	xã Nhom Hạng	TX. An Nhon					13° 54' 44"	109° 06' 29"	13° 54' 32"	109° 13' 19"	D-49-51-A-b
thôn Xuân Mai	DC	xã Nhom Hạng	TX. An Nhon	13° 55' 18"	109° 08' 28"							D-49-51-A-b
Miêu Bà	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 31"	109° 04' 09"							D-49-51-A-a
thôn Bắc Nhạn Tháp	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 30"	109° 04' 14"							D-49-51-A-a
thôn Bắc Thuận	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 57"	109° 04' 07"							D-49-51-A-a
cầu Bến Gỗ	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 56' 11"	109° 03' 48"							D-49-51-A-a
tháp Cánh Tiên	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 47"	109° 04' 24"							D-49-51-A-a
mương Cây Sung	TV	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon					13° 56' 20"	109° 03' 52"	13° 56' 09"	109° 06' 11"	D-49-51-A-d
Cầu Chàm	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 53' 57"	109° 05' 24"							D-49-51-A-a
thôn Đại Hoà	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 50"	109° 03' 29"							D-49-51-A-a
sông Đập Đá	TV	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon					13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a
sông Gò Chàm	TV	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon					13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"	D-49-51-A-a
thành Hoàng Đế	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 41"	109° 04' 09"							D-49-51-A-a
thôn Nam Nhạn Tháp	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 00"	109° 04' 07"							D-49-51-A-a
thôn Nam Tân	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 40"	109° 04' 28"							D-49-51-A-a
thôn Ngải Chánh	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 54"	109° 04' 54"							D-49-51-A-a
cầu Ngải Chánh	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 24"	109° 04' 52"							D-49-51-A-a
Bàu Sen	TV	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 12"	109° 04' 24"							D-49-51-A-a
miếu Sờ Đông	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 55' 07"	109° 03' 40"							D-49-51-A-a
miếu Sờ Nam	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 54"	109° 03' 45"							D-49-51-A-a
thôn Thạnh Danh	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 53' 50"	109° 04' 45"			13° 55' 00"	109° 03' 03"	13° 57' 14"	109° 06' 05"	D-49-51-A-a
sông Thị Lỵ	TV	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 58"	109° 03' 10"							D-49-51-A-a
cầu Thị Lỵ	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 57"	109° 03' 21"							D-49-51-A-a
thôn Thiết Trụ	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 58"	109° 04' 10"							D-49-51-A-a
thôn Ván Sơn	DC	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon	13° 54' 03"	109° 05' 13"							D-49-51-A-a
Cầu Xanh	KX	xã Nhom Hậu	TX. An Nhon					13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"	D-49-51-A-a
đường tỉnh 636B	KX	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 35"	109° 04' 41"							D-49-51-A-a
thôn An Hoà	DC	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 54"	109° 02' 29"							D-49-51-A-a
cầu Bà Cũ	KX	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-51-A-a
Sông Cồn	TV	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon					13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"	D-49-51-A-a
sông Gò Chàm	TV	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon									D-49-51-A-a
thôn Hiền An	DC	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 37"	109° 03' 04"							D-49-51-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Khánh Hoà	DC	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 28"	109° 03' 36"						D-49-51-A-a	
cầu Phú Ngọc	KX	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 56"	109° 02' 20"						D-49-51-A-a	
cầu Phú Ngọc	KX	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 50"	109° 02' 20"						D-49-51-A-a	
thôn Quan Quang	DC	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 54' 10"	109° 03' 07"						D-49-51-A-a	
chùa Tịnh Hoà	KX	xã Nhom Khánh	TX. An Nhon	13° 53' 33"	109° 03' 43"						D-49-51-A-a	
đường tỉnh 639B	KX	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"		D-49-51-A-a; D-49-51-A-c	
thôn An Thành	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 47"	109° 02' 53"						D-49-51-A-a	
núi Chà Rầy	SV	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 42"	109° 00' 42"						D-49-51-A-a	
Gò Chùa	SV	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 40"	109° 01' 16"						D-49-51-A-a	
Sông Cồn	TV	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	D-49-51-A-a	
thôn Cù Lãm	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 59"	109° 01' 59"						D-49-51-A-a	
thôn Đồng Lãm	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 42"	109° 02' 24"						D-49-51-A-a	
chùa Minh Long	KX	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 53' 07"	109° 01' 37"						D-49-51-A-a	
Gò Mít	SV	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 24"	109° 01' 44"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Lập	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 25"	109° 02' 31"						D-49-51-A-c	
thôn Trảng Long	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 53' 10"	109° 01' 30"						D-49-51-A-a	
thôn Trường Cửu	DC	xã Nhom Lộc	TX. An Nhon	13° 52' 46"	109° 03' 54"						D-49-51-A-a	
quốc lộ 19B	KX	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	D-49-51-A-a	
chùa Bửu Tháp	KX	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 54' 46"	109° 02' 44"						D-49-51-A-a	
Núi Chè	SV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 57' 41"	109° 01' 07"						D-49-51-A-a	
Núi Chè	SV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 57' 38"	109° 01' 18"						D-49-51-A-a	
Sông Cồn	TV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-a	
thôn Đại An	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 55' 33"	109° 02' 05"						D-49-51-A-a	
thôn Đại Bình	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 55' 24"	109° 01' 42"						D-49-51-A-a	
sông Đập Đá	TV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"		D-49-51-A-a	
sông Gò Chàm	TV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon			13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"		D-49-51-A-a	
thôn Hoà Phong	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 54' 15"	109° 02' 21"						D-49-51-A-a	
chùa Hoà Quang	KX	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 54' 48"	109° 01' 51"						D-49-51-A-a	
núi Hòn Chùa	SV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 55' 39"	109° 02' 06"						D-49-51-A-a	
thôn Nghĩa Hoà	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 56' 11"	109° 02' 06"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Đức	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 56' 26"	109° 01' 34"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Kiều	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 54' 40"	109° 02' 43"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Nghi	DC	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon	13° 57' 17"	109° 01' 49"						D-49-51-A-a	
sông Thị Lụa	TV	xã Nhom Mỹ	TX. An Nhon			13° 55' 00"	109° 03' 03"	13° 57' 14"	109° 06' 05"		D-49-51-A-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ. (độ,phút,gây)	VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
cầu Thị Lừa	KX	xã Nhơn Mỹ	TX. An Nhơn	13° 54' 58"	109° 03' 10"							D-49-51-A-a
thôn Thiết Trảng	DC	xã Nhơn Mỹ	TX. An Nhơn	13° 55' 40"	109° 02' 54"							D-49-51-A-a
thôn Thuận Đức	DC	xã Nhơn Mỹ	TX. An Nhơn	13° 56' 07"	109° 02' 27"							D-49-51-A-a
đường tỉnh 636	KX	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn			13° 55' 03"	109° 05' 27"	13° 55' 08"	109° 12' 25"			D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
Núi Đất	SV	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 56' 49"	109° 07' 59"							D-49-51-A-b
thôn Kim Tài	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 45"	109° 08' 06"							D-49-51-A-b
thôn Liêm Định	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 56' 07"	109° 08' 19"							D-49-51-A-b
thôn Liêm Lợi	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 56' 27"	109° 08' 44"							D-49-51-A-a
chùa Phước Quang	KX	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 41"	109° 07' 19"							D-49-51-A-a
thôn Tam Hoà	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 55"	109° 08' 26"							D-49-51-A-b
thôn Thanh Danh	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 29"	109° 07' 40"							D-49-51-A-b
thôn Thanh Giang	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 54' 40"	109° 07' 16"							D-49-51-A-a
chùa Thiên Bình	KX	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 39"	109° 07' 32"							D-49-51-A-b
thôn Trung Lý	DC	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn	13° 55' 56"	109° 07' 56"							D-49-51-A-b
sông Văn Triều	TV	xã Nhơn Phong	TX. An Nhơn			13° 54' 44"	109° 06' 29"	13° 54' 32"	109° 13' 19"			D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
đường tỉnh 636B	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn					13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"	D-49-50-B-b; D-49-51-A-a
đường tỉnh 639B	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn									D-49-51-A-a
thôn An Thái	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 23"	109° 00' 58"							D-49-51-A-a
cầu An Thái	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 46"	109° 00' 45"			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-51-A-a
Sông Côn	TV	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn									D-49-51-A-a
thôn Hoà Mỹ	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 25"	109° 00' 32"					13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-51-A-a
chùa Hội Quán	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 42"	109° 01' 00"							D-49-51-A-a
chùa Huệ Khánh	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 35"	109° 00' 53"							D-49-51-A-a
thôn Mỹ Thạnh	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 45"	109° 01' 27"							D-49-51-A-a
thôn Nhơn Nghĩa Đông	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 33"	109° 01' 25"							D-49-51-A-a
thôn Nhơn Nghĩa Tây	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 46"	109° 01' 07"							D-49-51-A-a
thôn Phú Ngọc	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 09"	109° 02' 03"							D-49-51-A-a
cầu Phú Ngọc	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 56"	109° 02' 20"							D-49-51-A-a
cầu Phú Ngọc	KX	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 50"	109° 02' 20"							D-49-51-A-a
thôn Thái Thuận	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 53' 58"	109° 00' 53"							D-49-51-A-a
thôn Thắng Công	DC	xã Nhơn Phúc	TX. An Nhơn	13° 54' 34"	109° 00' 39"							D-49-51-A-a
quốc lộ 19	KX	xã Nhơn Tân	TX. An Nhơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"			D-49-51-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
đường tỉnh 639B	KX	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
sông An Tượng	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
núi Ba Nhân	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 45' 31"	109° 01' 16"							D-49-51-A-c
Bàu Dơi	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 50' 30"	109° 01' 55"							D-49-51-A-c
suối Bến Gỗ	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
núi Chà Rây	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 52' 42"	109° 00' 42"	13° 47' 47"	109° 02' 38"	13° 49' 42"	109° 01' 21"			D-49-51-A-c
núi Đồng Cây	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 51' 01"	109° 00' 24"							D-49-51-A-a
núi Đồng Ông Công	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 51' 35"	109° 00' 25"							D-49-51-A-c
Núi Dung	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 48' 24"	109° 02' 31"							D-49-51-A-c
Suối Dung	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
suối Đá Ló	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-50-B-d
núi Hóc Giếng	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn			13° 49' 39"	108° 57' 12"	13° 48' 13"	108° 58' 23"			D-49-51-A-c
núi Hòn Tượng	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn			13° 48' 02"	109° 00' 28"	13° 48' 49"	109° 00' 36"			D-49-51-A-c
Núi Một	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 51' 15"	109° 00' 22"							D-49-51-A-c
Suối Mun	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 49' 39"	108° 59' 06"							D-49-50-B-d
kênh N1	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 47' 55"	108° 58' 14"							D-49-51-A-c
kênh N2	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
thôn Nam Tượng 1	DC	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 51' 38"	109° 01' 12"							D-49-51-A-c
thôn Nam Tượng 2	DC	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 51' 37"	109° 02' 17"							D-49-51-A-c
thôn Nam Tượng 3	DC	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 50' 31"	109° 01' 41"							D-49-51-A-c
hồ Núi Mật	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 47' 24"	108° 58' 41"							D-49-50-B-d
đập Núi Mật	KX	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 48' 32"	109° 00' 07"							D-49-51-A-c
núi Ông Dầu	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 46' 50"	109° 01' 36"							D-49-51-A-c
núi Rét Yên	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 47' 57"	108° 59' 46"							D-49-50-B-d
suối Sinh Môn	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn									D-49-51-A-c
núi Sóc Xiêm	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 49' 55"	108° 56' 52"	13° 46' 22"	109° 00' 14"	13° 48' 49"	109° 00' 36"			D-49-51-A-c
núi Song Cao	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 45' 50"	109° 01' 43"							D-49-50-B-d
Suối Thi	TV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn			13° 49' 42"	109° 01' 21"	13° 49' 59"	109° 01' 30"			D-49-51-A-c
thôn Thọ Tân Bắc	DC	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 49' 33"	109° 01' 05"							D-49-51-A-c
thôn Thọ Tân Nam	DC	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 47' 36"	109° 00' 18"							D-49-51-A-c
Núi Thơm	SV	xã Nhom Tân	TX. An Nhơn	13° 52' 09"	109° 00' 58"							D-49-51-A-c
quốc lộ 19	KX	xã Nhom Thọ	TX. An Nhơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"			D-49-51-A-c
sông An Tượng	TV	xã Nhom Thọ	TX. An Nhơn			13° 48' 26"	109° 00' 14"	13° 52' 15"	109° 04' 55"			D-49-51-A-c
núi Chóp Vung	SV	xã Nhom Thọ	TX. An Nhơn	13° 48' 23"	109° 04' 00"							D-49-51-A-c
chùa Diệu Quang	KX	xã Nhom Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 19"	109° 03' 43"							D-49-51-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
Núi Dung	SV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 48' 24"	109° 02' 31"							D-49-51-A-c
Cầu Đen	KX	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 19"	109° 04' 08"							D-49-51-A-c
thôn Đồng Bình	DC	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 50' 50"	109° 03' 32"							D-49-51-A-c
Núi Hát	SV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 48' 00"	109° 04' 06"							D-49-51-A-c
núi Hòn Mơ	SV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 21"	109° 02' 28"							D-49-51-A-c
nhà thờ Kiệt Lâm	KX	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 22"	109° 03' 47"							D-49-51-A-c
chùa Lộc Sơn	KX	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 31"	109° 02' 40"							D-49-51-A-c
núi Mâm Xôi	SV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 49' 40"	109° 04' 33"							D-49-51-A-c
kênh N2	TV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn					13° 49' 37"	109° 00' 29"	13° 52' 20"	109° 04' 43"	D-49-51-A-c
thôn Ngọc Thạch	DC	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 24"	109° 03' 51"							D-49-51-A-c
Suối Thị	TV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn					13° 49' 42"	109° 01' 21"	13° 49' 59"	109° 01' 30"	D-49-51-A-c
xóm Thọ An Bắc	DC	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 50' 08"	109° 02' 20"							D-49-51-A-c
thôn Thọ Lộc 1	DC	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 49' 51"	109° 03' 22"							D-49-51-A-c
thôn Thọ Lộc 2	DC	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 49' 50"	109° 01' 52"							D-49-51-A-c
cầu Trảng 2	KX	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn	13° 51' 22"	109° 03' 22"							D-49-51-A-c
Suối Yên	TV	xã Nhơn Thọ	TX. An Nhơn					13° 47' 32"	109° 03' 36"	13° 50' 06"	109° 02' 38"	D-49-51-A-c
Thôn 2	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 29"	108° 53' 20"							D-49-26-D-d
đường 5B	KX	TT. An Lão	H. An Lão					14° 37' 13"	108° 53' 42"	14° 40' 51"	108° 55' 10"	D-49-26-D-b; D-49-26-D-d
Thôn 7	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 37' 38"	108° 53' 24"							D-49-26-D-d
Thôn 9	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 48"	108° 53' 26"							D-49-26-D-d
đường tỉnh 629	KX	TT. An Lão	H. An Lão					14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"	D-49-26-D-b; D-49-26-D-d
sông An Lão	TV	TT. An Lão	H. An Lão					14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-26-D-d
Đèo Cạnh	KX	TT. An Lão	H. An Lão	14° 37' 02"	108° 52' 59"							D-49-26-D-d
Sông Đình	TV	TT. An Lão	H. An Lão					14° 33' 38"	108° 46' 03"	14° 36' 29"	108° 53' 48"	D-49-26-D-b; D-49-26-D-d
thôn Gò Bù	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 56"	108° 53' 41"							D-49-26-D-d
thôn Hưng Nhơn	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 35' 59"	108° 53' 46"							D-49-26-D-d
thôn Hưng Nhơn Bắc	DC	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 10"	108° 53' 44"							D-49-26-D-d
Suối Le	TV	TT. An Lão	H. An Lão					14° 37' 20"	108° 57' 03"	14° 36' 34"	108° 53' 38"	D-49-26-D-d
suối Nước Trảng	TV	TT. An Lão	H. An Lão					14° 33' 49"	108° 50' 20"	14° 36' 15"	108° 52' 12"	D-49-26-D-c
cầu Sông Đình	KX	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 55"	108° 53' 29"							D-49-26-D-d
thủy điện Sông Vó	KX	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 14"	108° 52' 52"							D-49-26-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Sông Vồ	TV	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 15"	108° 52' 30"					D-49-26-D-c; D-49-26-D-d
cầu Sông Vồ	KX	TT. An Lão	H. An Lão	14° 36' 26"	108° 53' 38"					D-49-26-D-d
Sông Vồ	TV	TT. An Lão	H. An Lão							D-49-26-D-d
Thôn 1	DC	xã An Dũng	H. An Lão	14° 39' 56"	108° 49' 26"			14° 36' 19"	108° 53' 46"	D-49-26-D-a
Thôn 2	DC	xã An Dũng	H. An Lão	14° 39' 22"	108° 48' 14"					D-49-26-D-a
Thôn 3	DC	xã An Dũng	H. An Lão	14° 38' 38"	108° 47' 28"					D-49-26-D-a
Thôn 4	DC	xã An Dũng	H. An Lão	14° 39' 41"	108° 49' 52"					D-49-26-D-a
Suối Bò	TV	xã An Dũng	H. An Lão			14° 40' 47"	108° 49' 37"	14° 39' 58"	108° 49' 41"	D-49-26-D-a
Núi Bò	SV	xã An Dũng	H. An Lão							D-49-26-D-a
Sông Đình	TV	xã An Dũng	H. An Lão	14° 37' 16"	108° 49' 34"					D-49-26-D-c
núi Glau	SV	xã An Dũng	H. An Lão			14° 33' 38"	108° 46' 03"	14° 36' 29"	108° 53' 48"	D-49-26-D-a
núi KLang	SV	xã An Dũng	H. An Lão	14° 40' 28"	108° 45' 43"					D-49-26-D-a
Núi Nát	SV	xã An Dũng	H. An Lão	14° 37' 49"	108° 49' 44"					D-49-26-D-a
suối Nước Kriêng	TV	xã An Dũng	H. An Lão	14° 38' 18"	108° 49' 12"			14° 37' 49"	108° 48' 47"	D-49-26-D-a
suối Nước Ly	TV	xã An Dũng	H. An Lão					14° 39' 14"	108° 46' 25"	D-49-26-D-a
suối Nước Oai	TV	xã An Dũng	H. An Lão					14° 39' 41"	108° 47' 16"	D-49-26-D-a
suối Pa Lông	TV	xã An Dũng	H. An Lão					14° 37' 52"	108° 48' 18"	D-49-26-D-a
Núi Sơn	SV	xã An Dũng	H. An Lão	14° 38' 57"	108° 49' 41"			14° 34' 13"	108° 54' 07"	D-49-26-D-a
đường 5B	KX	xã An Hoà	H. An Lão					14° 25' 32"	109° 00' 08"	D-49-26-D-d
đường tỉnh 629	KX	xã An Hoà	H. An Lão					14° 36' 29"	108° 53' 48"	D-49-26-D-d
sông An Lão	TV	xã An Hoà	H. An Lão							D-49-26-D-d
cầu An Lão	KX	xã An Hoà	H. An Lão	14° 34' 25"	108° 54' 00"			14° 32' 11"	108° 55' 11"	D-49-26-D-d
suối Bà Nhỏ	TV	xã An Hoà	H. An Lão							D-49-26-D-d
núi Bà Sóc	SV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 32' 06"	108° 52' 41"					D-49-26-D-d
cầu Bến Nhom	KX	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 26"	108° 53' 46"					D-49-26-D-d
Mương Bèo	TV	xã An Hoà	H. An Lão					14° 34' 00"	108° 54' 43"	D-49-26-D-d
núi Đa Đan	SV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 34' 50"	108° 56' 27"			14° 30' 24"	108° 52' 31"	D-49-26-D-d
suối Hóc Giang	TV	xã An Hoà	H. An Lão							D-49-26-D-d
hồ Hóc Tranh	TV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 31' 04"	108° 53' 06"					D-49-26-D-d
hồ Hưng Long	TV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 34' 05"	108° 54' 54"					D-49-26-D-d
thôn Hưng Nhượng	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 37"	108° 54' 04"					D-49-26-D-d
thôn Long Hoà	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 34' 16"	108° 54' 09"					D-49-26-D-d
suối Nước Huy	TV	xã An Hoà	H. An Lão			14° 36' 28"	108° 56' 46"	14° 35' 20"	108° 54' 43"	D-49-26-D-d
sông Nước Xang	TV	xã An Hoà	H. An Lão			14° 31' 44"	108° 48' 05"	14° 32' 44"	108° 53' 35"	D-49-26-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
núi Sóng Trầu	SV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 31' 14"	108° 52' 30"					D-49-26-D-c
thôn Trà Cong	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 31' 26"	108° 54' 22"					D-49-26-D-d
núi Tranh Lớn	SV	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 50"	108° 56' 20"					D-49-26-D-d
thôn Vạn Khánh	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 32' 15"	108° 54' 01"					D-49-26-D-d
thôn Vạn Long	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 32' 38"	108° 53' 59"					D-49-26-D-d
thôn Vạn Xuân	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 31' 26"	108° 53' 46"					D-49-26-D-d
thôn Xuân Phong Bắc	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 42"	108° 53' 59"					D-49-26-D-d
thôn Xuân Phong Nam	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 19"	108° 54' 00"					D-49-26-D-d
thôn Xuân Phong Tây	DC	xã An Hoà	H. An Lão	14° 33' 08"	108° 53' 26"					D-49-26-D-b
Thôn 1	DC	xã An Hưng	H. An Lão	14° 39' 24"	108° 54' 04"					D-49-26-D-b
Thôn 2	DC	xã An Hưng	H. An Lão	14° 37' 53"	108° 53' 42"					D-49-26-D-b
Thôn 3	DC	xã An Hưng	H. An Lão	14° 40' 46"	108° 54' 54"					D-49-26-D-d
Thôn 4	DC	xã An Hưng	H. An Lão	14° 37' 02"	108° 54' 11"					D-49-26-D-d
Thôn 5	DC	xã An Hưng	H. An Lão	14° 40' 17"	108° 54' 05"					D-49-26-D-b;
đường 5B	KX	xã An Hưng	H. An Lão			14° 37' 13"	108° 53' 42"	14° 40' 51"	108° 55' 10"	D-49-26-D-d
đường tỉnh 629	KX	xã An Hưng	H. An Lão			14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"	D-49-26-D-d
núi Chóp Vinh	SV	xã An Hưng	H. An Lão	14° 41' 11"	108° 54' 18"					D-49-26-D-b
Núi Chùa	SV	xã An Hưng	H. An Lão	14° 40' 26"	108° 58' 17"					D-49-26-D-b
núi Đông Xoài	SV	xã An Hưng	H. An Lão	14° 38' 12"	108° 54' 18"					D-49-26-D-b
cầu Đất Dài	KX	xã An Hưng	H. An Lão	14° 37' 44"	108° 53' 20"			14° 33' 38"	108° 46' 03"	D-49-26-D-b
Sông Đình	TV	xã An Hưng	H. An Lão			14° 38' 11"	108° 55' 52"			D-49-26-D-b
núi Hoàng Vồng	SV	xã An Hưng	H. An Lão				108° 57' 03"	14° 36' 34"	108° 53' 38"	D-49-26-D-b;
Suối Le	TV	xã An Hưng	H. An Lão							D-49-26-D-d
Núi Lở	SV	xã An Hưng	H. An Lão	14° 38' 04"	108° 53' 10"					D-49-26-D-b
suối Nước Bo	TV	xã An Hưng	H. An Lão			14° 39' 19"	108° 56' 42"	14° 40' 53"	108° 55' 06"	D-49-26-D-b
suối Nước Lở	TV	xã An Hưng	H. An Lão			14° 39' 43"	108° 57' 25"	14° 41' 30"	108° 55' 05"	D-49-26-D-b
Sông Re	TV	xã An Hưng	H. An Lão			14° 41' 48"	108° 55' 01"	14° 37' 45"	108° 53' 24"	D-49-26-D-b
núi Vàng Bun	SV	xã An Hưng	H. An Lão	14° 40' 47"	108° 53' 49"					D-49-26-D-b
Thôn 1	DC	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 28' 42"	108° 50' 48"					D-49-38-B-a
Thôn 2	DC	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 28' 36"	108° 50' 33"					D-49-38-B-a
Thôn 3	DC	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 28' 56"	108° 52' 12"					D-49-38-B-a
Thôn 4	DC	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 29' 43"	108° 49' 38"					D-49-38-B-a
Thôn 5	DC	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 28' 17"	108° 49' 27"					D-49-38-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
núi Hòn Che	SV	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 29' 25"	108° 53' 17"							D-49-38-B-b
núi Kon Kan	SV	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 30' 00"	108° 52' 17"							D-49-26-D-c
sông Nước Lương	TV	xã An Nghĩa	H. An Lão			14° 29' 00"	108° 47' 17"	14° 17' 32"	108° 54' 10"			D-49-38-B-a
suối Nước Roon	TV	xã An Nghĩa	H. An Lão			14° 29' 04"	108° 50' 46"	14° 31' 30"	108° 51' 29"			D-49-26-D-c; D-49-38-B-a
sông Nước Xang	TV	xã An Nghĩa	H. An Lão			14° 31' 44"	108° 48' 05"	14° 32' 44"	108° 53' 35"			D-49-26-D-c
Núi Seo	SV	xã An Nghĩa	H. An Lão	14° 29' 40"	108° 46' 12"							D-49-38-B-a
suối Thác Đồ	TV	xã An Nghĩa	H. An Lão				108° 52' 08"	14° 30' 30"	108° 54' 11"			D-49-38-B-a; D-49-38-B-b
Thôn 2	DC	xã An Quang	H. An Lão	14° 32' 33"	108° 52' 26"							D-49-26-D-c
Thôn 3	DC	xã An Quang	H. An Lão	14° 32' 5"	108° 51' 52"							D-49-26-D-c
Thôn 4	DC	xã An Quang	H. An Lão	14° 31' 54"	108° 51' 56"							D-49-26-D-c
Thôn 5	DC	xã An Quang	H. An Lão	14° 30' 54"	108° 48' 44"							D-49-26-D-c
Thôn 6	DC	xã An Quang	H. An Lão	14° 31' 47"	108° 48' 07"							D-49-26-D-c
núi Bà Sóc	SV	xã An Quang	H. An Lão	14° 32' 06"	108° 52' 41"							D-49-26-D-d
núi Đông Quyết	SV	xã An Quang	H. An Lão	14° 31' 00"	108° 46' 52"							D-49-26-D-c
suối Nước Con	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 30' 59"	108° 51' 58"	14° 31' 51"	108° 51' 58"	D-49-26-D-c
suối Nước Lú	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 30' 35"	108° 47' 10"	14° 31' 53"	108° 48' 00"	D-49-26-D-c
suối Nước Ráp	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 31' 34"	108° 46' 08"	14° 33' 37"	108° 46' 01"	D-49-26-D-c
suối Nước Roon	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 29' 04"	108° 50' 46"	14° 31' 30"	108° 51' 29"	D-49-26-D-c
suối Nước Xang	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 31' 29"	108° 45' 36"	14° 31' 44"	108° 48' 05"	D-49-26-D-c
sông Nước Xang	TV	xã An Quang	H. An Lão					14° 31' 44"	108° 48' 05"	14° 32' 44"	108° 53' 35"	D-49-26-D-c; D-49-26-D-d
núi Sóng Trâu	SV	xã An Quang	H. An Lão	14° 31' 14"	108° 52' 30"							D-49-26-D-c
cầu Sông Xang	KX	xã An Quang	H. An Lão	14° 31' 51"	108° 51' 58"							D-49-26-D-c
Núi Tia	SV	xã An Quang	H. An Lão	14° 32' 44"	108° 46' 44"							D-49-26-D-c
Núi Voi	SV	xã An Quang	H. An Lão	14° 33' 49"	108° 53' 10"							D-49-26-D-d
đường 5B	KX	xã An Tân	H. An Lão					14° 34' 13"	108° 54' 07"	14° 40' 51"	108° 55' 10"	D-49-26-D-b; D-49-26-D-d
đường tỉnh 629	KX	xã An Tân	H. An Lão					14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"	D-49-26-D-d
sông An Lão	TV	xã An Tân	H. An Lão					14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-26-D-d
cầu An Lão	KX	xã An Tân	H. An Lão	14° 34' 25"	108° 54' 00"							D-49-26-D-d
cầu Bến Nhon	KX	xã An Tân	H. An Lão	14° 33' 26"	108° 53' 46"							D-49-26-D-d
thôn Gò Đồn	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 34' 09"	108° 53' 20"							D-49-26-D-d
Núi Một	SV	xã An Tân	H. An Lão	14° 35' 06"	108° 53' 56"							D-49-26-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
suối Nước Huy	TV	xã An Tân	H. An Lão			14° 36' 28"	108° 56' 46"	14° 35' 20"	108° 54' 43"	D-49-26-D-d
thôn Tân An	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 34' 39"	108° 53' 48"					D-49-26-D-d
thôn Tân Lập	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 35' 03"	108° 53' 42"					D-49-26-D-d
thôn Thanh Sơn	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 35' 24"	108° 54' 27"					D-49-26-D-d
thôn Thuận An	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 34' 24"	108° 53' 46"					D-49-26-D-d
thôn Thuận Hoà	DC	xã An Tân	H. An Lão	14° 33' 37"	108° 53' 31"					D-49-26-D-d
suối Thuận Hoà	TV	xã An Tân	H. An Lão			14° 34' 39"	108° 52' 52"	14° 34' 16"	108° 53' 38"	D-49-26-D-d
Núi Voi	SV	xã An Tân	H. An Lão	14° 33' 49"	108° 53' 10"					D-49-26-D-d
Thôn 1	DC	xã An Toàn	H. An Lão	14° 32' 26"	108° 40' 19"					D-49-26-C-d
Thôn 2	DC	xã An Toàn	H. An Lão	14° 32' 06"	108° 43' 34"					D-49-26-C-d
Thôn 3	DC	xã An Toàn	H. An Lão	14° 30' 36"	108° 45' 32"					D-49-26-D-c
núi Bãi Cỏ	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 32' 34"	108° 44' 10"					D-49-26-C-d
núi Cha Huỳnh	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 21' 53"	108° 46' 20"					D-49-38-B-c
Sông Côn	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-26-C-d; D-49-38-A-b
suối Đắc Sranh	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 26' 29"	108° 42' 11"	14° 24' 09"	108° 43' 16"	D-49-38-A-b
núi Gò Hoi Tu Trí	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 34' 27"	108° 42' 29"					D-49-26-C-d
núi Kon Chư Răng	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 23' 31"	108° 44' 53"					D-49-38-A-b
núi Kon Đrang	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 27' 57"	108° 39' 04"					D-49-38-A-b
núi Kông Bóc Róc	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 28' 51"	108° 43' 41"					D-49-38-A-b
núi Kông Khơ	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 30' 26"	108° 44' 31"					D-49-26-C-d
núi Kông Roi	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 33' 28"	108° 42' 47"					D-49-26-C-d
núi La Dang	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 24' 59"	108° 46' 50"					D-49-38-B-a
Núi Mốc	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 32' 55"	108° 42' 00"					D-49-26-C-d
Suối Nga	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 27' 09"	108° 38' 13"	14° 26' 29"	108° 39' 11"	D-49-38-A-b
núi Nước Dô	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 27' 20"	108° 47' 02"					D-49-38-B-a
suối Nước Kou	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 24' 24"	108° 43' 48"	14° 24' 07"	108° 43' 16"	D-49-38-A-b
suối Nước Mía	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 31' 40"	108° 42' 11"	14° 30' 47"	108° 40' 16"	D-49-26-C-d
suối Nước Mía	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 34' 36"	108° 39' 29"	14° 30' 36"	108° 39' 40"	D-49-26-C-d
suối Nước Miên	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 28' 49"	108° 41' 42"	14° 22' 56"	108° 42' 43"	D-49-38-A-b
										D-49-26-C-d; D-49-38-A-b; D-49-38-B-a; D-49-38-B-c
suối Nước Trinh	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 30' 32"	108° 44' 13"	14° 19' 38"	108° 45' 36"	D-49-38-B-c
suối Nước Xang	TV	xã An Toàn	H. An Lão			14° 31' 29"	108° 45' 36"	14° 31' 44"	108° 48' 05"	D-49-26-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
núi Póc Ca Đo	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 31' 40"	108° 44' 04"						D-49-26-C-d	
núi Póc Vúc	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 32' 29"	108° 38' 38"						D-49-26-C-d	
Núi Seo	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 29' 40"	108° 46' 12"						D-49-38-B-a	
Núi Uyñh	SV	xã An Toàn	H. An Lão	14° 33' 04"	108° 44' 17"						D-49-26-C-d	
Thôn 1	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 37' 35"	108° 52' 41"						D-49-26-D-b	
Thôn 3	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 38' 54"	108° 52' 41"						D-49-26-D-b	
Thôn 4	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 38' 21"	108° 52' 01"						D-49-26-D-a	
Thôn 5	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 38' 44"	108° 51' 25"						D-49-26-D-a	
Thôn 6	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 39' 02"	108° 50' 28"						D-49-26-D-a	
Thôn 8	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 39' 23"	108° 52' 34"						D-49-26-D-b	
Núi Bò	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 37' 16"	108° 49' 34"						D-49-26-D-c	
Núi Bút	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 41' 03"	108° 53' 06"						D-49-26-D-b	
Núi Cheo	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 34' 55"	108° 49' 19"						D-49-26-D-c	
Sông Đình	TV	xã An Trung	H. An Lão			14° 33' 38"	108° 46' 03"	14° 36' 29"	108° 53' 48"		D-49-26-D-a; D-49-26-D-b	
núi Gông Canh	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 39' 29"	108° 51' 29"						D-49-26-D-a	
núi Gông Ten	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 38' 14"	108° 50' 24"						D-49-26-D-a	
núi Hoắc Dơ Reng	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 41' 13"	108° 50' 56"						D-49-26-D-a	
Núi Lơ	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 38' 04"	108° 53' 10"						D-49-26-D-b	
suối Nước Góp	TV	xã An Trung	H. An Lão			14° 41' 23"	108° 51' 50"	14° 37' 47"	108° 52' 55"		D-49-26-D-a; D-49-26-D-b	
suối Nước Nhon	TV	xã An Trung	H. An Lão			14° 40' 22"	108° 51' 07"	14° 39' 14"	108° 51' 00"		D-49-26-D-a	
suối Nước Trắng	TV	xã An Trung	H. An Lão			14° 33' 49"	108° 50' 20"	14° 36' 15"	108° 52' 12"		D-49-26-D-c	
núi Sông Trầu	SV	xã An Trung	H. An Lão	14° 33' 57"	108° 50' 06"						D-49-26-D-c	
thôn Tư Mang Gheng	DC	xã An Trung	H. An Lão	14° 37' 50"	108° 53' 14"						D-49-26-D-b	
Thôn 1	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 38' 04"	108° 46' 44"						D-49-26-D-a	
Thôn 2	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 37' 04"	108° 46' 48"						D-49-26-D-c	
Thôn 3	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 36' 04"	108° 47' 06"						D-49-26-D-c	
Thôn 4	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 35' 30"	108° 47' 10"						D-49-26-D-c	
Thôn 5	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 36' 00"	108° 46' 34"						D-49-26-D-c	
Thôn 6	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 34' 39"	108° 45' 41"						D-49-26-D-c	
Thôn 7	DC	xã An Vinh	H. An Lão	14° 34' 47"	108° 47' 31"						D-49-26-D-c	
Núi Bò	SV	xã An Vinh	H. An Lão	14° 37' 16"	108° 49' 34"						D-49-26-D-c	
Núi Chè	SV	xã An Vinh	H. An Lão	14° 36' 01"	108° 45' 40"						D-49-26-D-c	
Núi Cheo	SV	xã An Vinh	H. An Lão	14° 34' 55"	108° 49' 19"						D-49-26-D-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình				
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối						
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)					
Suối Đak	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 35' 09"	108° 49' 16"	14° 36' 15"	108° 47' 06"	D-49-26-D-c
Suối Đỉnh	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 33' 37"	108° 46' 01"	14° 36' 43"	108° 46' 55"	D-49-26-D-c
Sông Đỉnh	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 33' 38"	108° 46' 03"	14° 36' 29"	108° 53' 48"	D-49-26-D-a; D-49-26-D-c
suối Nước Ráp	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 31' 34"	108° 46' 08"	14° 33' 37"	108° 46' 01"	D-49-26-D-c
Sông Ráp	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 34' 41"	108° 47' 23"	14° 36' 15"	108° 47' 06"	D-49-26-D-c
Núi Ráp	SV	xã An Vinh	H. An Lão											D-49-26-D-c
Gò Ráp	TV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 35' 11"	108° 48' 40"			D-49-26-D-c
núi Sông Trầu	SV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 33' 57"	108° 50' 06"			D-49-26-D-c
Núi Tia	SV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 32' 44"	108° 46' 44"			D-49-26-D-c
Núi Uyển	SV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 33' 04"	108° 44' 17"			D-49-26-C-d
núi Văng Pra	SV	xã An Vinh	H. An Lão							14° 35' 14"	108° 44' 13"			D-49-26-C-d
suối XumH	TV	xã An Vinh	H. An Lão											D-49-26-D-c
đường tỉnh 630	KX	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 34' 45"	108° 48' 50"	14° 34' 42"	108° 47' 24"	D-49-26-D-c
Núi Chợ	SV	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 22' 31"	108° 58' 27"			D-49-38-B-b
thôn Du Tự	DC	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 22' 55"	108° 58' 19"			D-49-38-B-b
thôn Gia Chiêu 1	DC	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 21' 46"	108° 57' 33"			D-49-38-B-d
thôn Gia Chiêu 2	DC	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 21' 59"	108° 57' 44"			D-49-38-B-d
cầu Giáo Ba	KX	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 22' 55"	108° 58' 47"			D-49-38-B-b
thôn Gò Cau	DC	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 22' 15"	108° 58' 21"			D-49-38-B-d
núi Hòn Bò	SV	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 23' 17"	108° 59' 18"			D-49-38-B-b
sông Kim Sơn	TV	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân									14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-38-B-b; D-49-38-B-d
Núi Một	SV	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 10' 45"	108° 53' 22"			D-49-38-B-d
cầu Phong Thanh	KX	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 21' 25"	108° 57' 54"			D-49-38-B-d
thôn Thanh Tú	DC	TT. Tăng Bạt Hổ	H. Hoài Ân							14° 22' 42"	108° 58' 11"			D-49-38-B-b
đường tỉnh 630	KX	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 22' 16"	108° 57' 38"			D-49-38-B-d
đường tỉnh 639B	KX	xã Ân Đức	H. Hoài Ân									14° 24' 20"	108° 53' 24"	D-49-38-B-b; D-49-38-B-d
Di tích Lịch sử Chàng Lúa	KX	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-B-d
Trưởng Mây	TV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 20' 58"	108° 56' 41"			D-49-38-B-d
suối Đá Trắng	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 21' 15"	108° 54' 54"	14° 22' 07"	108° 56' 29"	D-49-38-B-d
thôn Đức Long	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 21' 54"	108° 56' 50"			D-49-38-B-d
thôn Gia Đức	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân							14° 22' 13"	108° 56' 21"			D-49-38-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn Gia Trĩ	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 22' 19"	108° 57' 15"						D-49-38-B-d	
núi Hóc Mít	SV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 21' 27"	108° 55' 45"						D-49-38-B-d	
hồ Hóc Sấu	TV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 20' 48"	108° 56' 10"						D-49-38-B-d	
núi Hòn Xây	SV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 19' 52"	108° 58' 00"						D-49-38-B-d	
núi Ka Tu	SV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 21' 46"	108° 54' 38"						D-49-38-B-d	
thôn Khoa Trường	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 20' 33"	108° 57' 27"						D-49-38-B-d	
sông Kim Sơn	TV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân			14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 24' 47"	109° 00' 10"		D-49-38-B-b; D-49-38-B-d	
Núi Một	SV	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 20' 50"	108° 56' 30"						D-49-38-B-d	
cầu Mực Kiến	KX	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 20' 14"	108° 57' 14"						D-49-38-B-d	
thôn Phú Thuận	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 21' 02"	108° 57' 09"						D-49-38-B-d	
chùa Viên Đức	KX	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 21' 20"	108° 57' 35"						D-49-38-B-d	
thôn Vĩnh Hoà	DC	xã Ân Đức	H. Hoài Ân	14° 20' 17"	108° 57' 03"						D-49-38-B-d	
đường tỉnh 629	KX	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân			14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"		D-49-38-B-b; D-49-26-D-d	
sông An Lão	TV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân			14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"		D-49-26-D-d; D-49-38-B-b	
suối Bà Nhỏ	TV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân			14° 32' 11"	108° 55' 11"	14° 30' 53"	108° 54' 29"		D-49-26-D-d	
thôn Bình Hoà Bắc	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 30' 21"	108° 54' 40"						D-49-26-D-d	
thôn Bình Hoà Nam	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 29' 54"	108° 54' 50"						D-49-38-B-b	
chùa Bình Sơn	KX	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 30' 06"	108° 54' 46"						D-49-26-D-d	
núi Cà Lang	SV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 30' 11"	108° 56' 29"						D-49-26-D-d	
thôn Cẩm Đức	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 29' 41"	108° 54' 56"						D-49-38-B-b	
Khu di tích Chiến thắng Đồi Mít	KX	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 30' 49"	108° 54' 38"						D-49-26-D-d	
thôn Hội Long	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 28' 28"	108° 55' 14"						D-49-38-B-b	
hồ Hội Long	TV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 28' 52"	108° 55' 27"						D-49-38-B-b	
thôn Hội Trung	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 27' 30"	108° 55' 17"						D-49-38-B-b	
suối Nước Cẩm Đức	TV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân			14° 32' 06"	108° 57' 12"	14° 28' 51"	108° 55' 05"		D-49-26-D-d; D-49-38-B-b	
thôn Phước Bình	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 26' 39"	108° 55' 30"						D-49-38-B-b	
suối Thác Đổ	TV	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân			14° 31' 49"	108° 57' 22"	14° 31' 42"	108° 59' 44"		D-49-27-C-c	
thôn Vạn Hoà	DC	xã Ân Hào Đông	H. Hoài Ân	14° 29' 16"	108° 54' 54"						D-49-38-B-b	
sông An Lão	TV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân			14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"		D-49-26-D-d; D-49-38-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
thôn Châu Sơn	DC	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 26' 40"	108° 54' 47"						D-49-38-B-b	
Núi Dang	SV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 29' 37"	108° 53' 36"						D-49-38-B-b	
suối Hóc Giang	TV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân			14° 30' 24"	108° 52' 31"	14° 31' 06"	108° 54' 02"		D-49-26-D-d	
núi Hòn Che	SV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 29' 25"	108° 53' 17"						D-49-38-B-b	
núi Kon Kan	SV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 30' 00"	108° 52' 17"						D-49-38-B-a	
thôn Tân Sơn	DC	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 29' 33"	108° 54' 28"						D-49-38-B-b	
thôn Tân Xuân	DC	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 30' 58"	108° 53' 35"						D-49-26-D-d	
suối Thác Đồ	TV	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân			14° 29' 00"	108° 52' 09"	14° 30' 30"	108° 54' 11"		D-49-26-D-d; D-49-38-B-b	
thôn Vạn Tín	DC	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 28' 30"	108° 54' 40"						D-49-38-B-b	
thôn Vạn Trung	DC	xã Ân Hào Tây	H. Hoài Ân	14° 28' 11"	108° 54' 49"						D-49-38-B-b	
cầu Bằng Lăng	KX	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 17' 38"	108° 54' 17"						D-49-38-B-d	
suối Đá Trắng	TV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân			14° 21' 15"	108° 54' 54"	14° 22' 07"	108° 56' 29"		D-49-38-B-d	
Khu di tích Đồi Xuân Sơn	KX	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 17' 44"	108° 53' 41"						D-49-38-B-d	
suối Gia Simg	TV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân			14° 21' 15"	108° 54' 54"	14° 21' 06"	108° 54' 10"		D-49-38-B-d	
núi Gò Công	SV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 18' 22"	108° 53' 46"						D-49-38-B-d	
thôn Hà Đông	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 18' 58"	108° 55' 46"						D-49-38-B-d	
hồ Hóc Mỹ	TV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 19' 42"	108° 54' 16"						D-49-38-B-d	
thôn Hội Nhon	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 19' 16"	108° 54' 51"						D-49-38-B-d	
núi Hòn Cầm	SV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 19' 43"	108° 54' 43"						D-49-38-B-d	
núi Hòn Mác	SV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 21' 37"	108° 53' 13"						D-49-38-B-d	
núi Ka Tu	SV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 21' 46"	108° 54' 38"						D-49-38-B-d	
sông Kim Sơn	TV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân			14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 24' 47"	109° 00' 10"		D-49-38-B-d	
thôn Liên Hội	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 18' 44"	108° 54' 18"						D-49-38-B-d	
sông Nước Lương	TV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân			14° 29' 00"	108° 47' 17"	14° 17' 32"	108° 54' 10"		D-49-38-B-c; D-49-38-B-d	
thôn Phú Văn 1	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 18' 16"	108° 53' 19"						D-49-38-B-d	
thôn Phú Văn 2	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 19' 10"	108° 52' 41"						D-49-38-B-d	
núi Tông Đình	SV	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 19' 45"	108° 51' 54"						D-49-38-B-c	
thôn Xuân Sơn	DC	xã Ân Hữu	H. Hoài Ân	14° 17' 57"	108° 54' 03"						D-49-38-B-d	
đồi 174	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 26' 17"	108° 57' 44"						D-49-38-B-b	
đường tỉnh 629	KX	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân			14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"		D-49-38-B-b	
đường tỉnh 639B	KX	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"		D-49-38-B-b	
sông An Lão	TV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân			14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"		D-49-38-B-b	
gò Bà Nông	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 26' 02"	108° 58' 27"						D-49-38-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
suối Cà Tang	TV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân			14° 29' 14"	108° 57' 01"	14° 26' 14"	108° 57' 20"	D-49-38-B-b		
gò Dốc Lết	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 27' 31"	108° 58' 19"					D-49-38-B-b		
gò Đông Bo	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 28' 00"	108° 58' 51"					D-49-38-B-b		
thôn Đại Định	DC	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 53"	108° 57' 19"					D-49-38-B-b		
Gò Định	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 38"	108° 58' 47"					D-49-38-B-b		
núi Gò Một	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 24' 49"	108° 57' 43"					D-49-38-B-b		
cầu trên đập Lại Giang	KX	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 24' 56"	108° 59' 28"					D-49-38-B-b		
Núi Lở	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 28' 41"	108° 58' 43"					D-49-38-B-b		
thôn Long Mỹ	DC	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 07"	108° 58' 56"					D-49-38-B-b		
thôn Long Quang	DC	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 37"	108° 58' 06"					D-49-38-B-b		
thôn Mỹ Đức	DC	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 26' 21"	108° 57' 22"					D-49-38-B-b		
hồ Mỹ Đức	TV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 26' 52"	108° 57' 27"					D-49-38-B-b		
thôn Mỹ Thành	DC	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 36"	108° 56' 18"					D-49-38-B-b		
núi Phước Dinh	SV	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 29' 27"	108° 57' 47"					D-49-38-B-b		
Cầu Voi	KX	xã Ân Mỹ	H. Hoài Ân	14° 25' 30"	108° 59' 24"					D-49-38-B-b		
đường tỉnh 630	KX	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân			14° 24' 20"	109° 00' 50"	14° 17' 02"	108° 53' 24"	D-49-38-B-c; D-49-38-B-d		
Sông Biên	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân			14° 14' 31"	108° 57' 02"	14° 13' 51"	108° 53' 58"	D-49-38-D-b		
thôn Bình Sơn	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 15' 20"	108° 52' 41"					D-49-38-B-d		
sông Bù Núi	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân			14° 15' 56"	108° 50' 06"	14° 15' 36"	108° 52' 49"	D-49-38-B-c; D-49-38-B-d		
núi Cái Gông Xi Xong	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 11' 52"	108° 55' 47"					D-49-38-D-b		
núi Cây Đa	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 17' 56"	108° 50' 34"					D-49-38-B-c		
suối Cây Dừa	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân			14° 11' 57"	108° 55' 00"	14° 13' 50"	108° 53' 58"	D-49-38-D-b		
núi Cây Kho	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 16' 53"	108° 51' 00"					D-49-38-B-c		
núi Công Đèo	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 16' 13"	108° 51' 45"					D-49-38-B-c		
núi Đông Chục	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 15' 19"	108° 54' 59"					D-49-38-B-d		
núi Đông Ổ	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 14' 58"	108° 53' 32"					D-49-38-D-b		
núi Đá Chông	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 18' 53"	108° 50' 38"					D-49-38-B-c		
suối Đá Lửa	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân			14° 13' 46"	108° 49' 30"	14° 13' 11"	108° 51' 09"	D-49-38-D-a		
hồ Đồng Quang	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 15' 45"	108° 53' 55"					D-49-38-B-d		
núi Hà Giang	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 12' 12"	108° 53' 50"					D-49-38-D-b		
hồ Hóc Còi	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 16' 28"	108° 52' 58"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Hoàng	SV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 13' 24"	108° 56' 58"					D-49-38-D-b		
thôn Hương Quang	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 16' 46"	108° 53' 37"					D-49-38-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm				Toạ độ điểm đầu				
				VT độ		Kinh độ		VT độ		Kinh độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
Trại giam Kim Sơn	KX	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 15' 41"	108° 51' 43"							D-49-38-B-c
thôn Kim Sơn	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 17' 31"	108° 53' 38"							D-49-38-B-d
sông Kim Sơn	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-38-B-d
Sông Lớn	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 12' 52"	108° 52' 02"	14° 15' 36"	108° 52' 49"	D-49-38-D-a
Sông Lớn	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 13' 50"	108° 53' 58"	14° 15' 53"	108° 53' 30"	D-49-38-B-d; D-49-38-D-b
thôn Nghĩa Điền	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 13' 21"	108° 51' 23"							D-49-38-D-a
thôn Nghĩa Nhon	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 17' 35"	108° 52' 41"							D-49-38-B-c
thôn Nhon Sơn	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 17' 54"	108° 51' 21"							D-49-38-B-d
suối Nước Dâng	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 14' 47"	108° 49' 04"	14° 15' 36"	108° 51' 15"	D-49-38-B-c
suối Nước Đổ	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 11' 01"	108° 50' 09"	14° 12' 50"	108° 50' 53"	D-49-38-D-a
sông Nước Lương	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 29' 00"	108° 47' 17"	14° 17' 32"	108° 54' 10"	D-49-38-B-c
thôn Phú Ninh	DC	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân	14° 15' 32"	108° 53' 34"							D-49-38-B-d
Suối Tem	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 20' 26"	108° 49' 45"	14° 17' 51"	108° 52' 54"	D-49-38-B-c; D-49-38-B-d
suối Thới Thỏ	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 13' 23"	108° 49' 14"	14° 13' 08"	108° 51' 08"	D-49-38-D-a
suối Trại Mây	TV	xã Ân Nghĩa	H. Hoài Ân					14° 12' 36"	108° 50' 04"	14° 12' 50"	108° 50' 53"	D-49-38-D-a
thôn An Chiêu	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 57"	108° 58' 46"							D-49-38-B-d
thôn An Đôn	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 58"	109° 00' 43"							D-49-39-A-c
hồ An Đôn	TV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 32"	109° 00' 50"							D-49-39-A-c
thôn An Hậu	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 39"	108° 58' 13"							D-49-38-B-d
thôn An Hoà	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 49"	108° 59' 53"							D-49-38-B-d
thôn An Thiện	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 20"	108° 59' 40"							D-49-38-B-d
hồ Cây Điều	TV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 14"	108° 58' 20"							D-49-38-B-d
hồ Đá Bàn	TV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 45"	108° 59' 17"							D-49-38-B-d
núi Gò Nhon	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 19' 53"	108° 59' 34"							D-49-39-A-c
núi Gò Xáy	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 54"	109° 01' 35"							D-49-38-B-d
núi Hồ Đông	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 19' 39"	108° 59' 33"							D-49-38-B-d
hồ Hóc Kỳ	TV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 55"	108° 58' 23"							D-49-38-B-d
hồ Hóc Tháo	TV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 40"	109° 00' 23"							D-49-39-A-c
núi Hòn Bò	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 23' 17"	108° 59' 18"							D-49-38-B-b
núi Hòn Xáy	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 19' 52"	108° 58' 00"							D-49-38-B-d
núi Lai Khan	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 21"	109° 01' 18"							D-49-39-A-c
thôn Linh Chiêu	DC	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 20' 48"	108° 59' 32"							D-49-38-B-d
Núi Một	SV	xã An Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 25"	108° 57' 54"							D-49-38-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
địa đạo Núi Bụt	KX	xã Ân Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 53"	108° 58' 41"					D-49-38-B-d
cầu Vực Lở	KX	xã Ân Phong	H. Hoài Ân	14° 21' 43"	108° 59' 53"					D-49-38-B-d
Thôn 1	DC	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 23' 26"	108° 54' 42"					D-49-38-B-b
Thôn 2	DC	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 23' 34"	108° 54' 36"					D-49-38-B-b
Suối Cái	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân			14° 23' 50"	108° 54' 42"	14° 25' 10"	108° 56' 24"	D-49-38-B-b
Suối Cái	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân			14° 27' 56"	108° 52' 04"	14° 24' 28"	108° 53' 50"	D-49-38-B-a; D-49-38-B-b
Núi Chùa	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 27' 38"	108° 51' 45"					D-49-38-B-a
núi Đất Sét	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 24' 50"	108° 54' 38"					D-49-38-B-b
núi Hèo Du Du	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 23' 26"	108° 52' 32"					D-49-38-B-b
Núi Hòn	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 27' 53"	108° 51' 18"					D-49-38-B-a
núi Hòn Da Dai	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 25' 52"	108° 52' 39"					D-49-38-B-b
núi Ka Rôm	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 22' 50"	108° 53' 12"					D-49-38-B-b
Núi Lớn	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 23' 14"	108° 54' 10"					D-49-38-B-b
Núi Mút	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 24' 32"	108° 50' 48"					D-49-38-B-a
suối Nước Đình	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân			14° 23' 25"	108° 52' 52"	14° 23' 53"	108° 53' 51"	D-49-38-B-b
suối Nước Ré	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân			14° 24' 37"	108° 52' 17"	14° 24' 09"	108° 53' 41"	D-49-38-B-a; D-49-38-B-b
suối Nước Roong	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân			14° 29' 01"	108° 51' 23"	14° 23' 53"	108° 51' 19"	D-49-38-B-a
núi Ông Thu	SV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 25' 54"	108° 53' 57"					D-49-38-B-b
hồ Vạn Hội	TV	xã Ân Sơn	H. Hoài Ân	14° 23' 52"	108° 54' 15"					D-49-38-B-b
đường tỉnh 639B	KX	xã Ân Thành	H. Hoài Ân			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-B-b
sông An Lão	TV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân			14° 36' 29"	108° 53' 48"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-38-B-b; D-49-39-A-a;
thôn An Thường 1	DC	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 23' 03"	108° 56' 10"					D-49-38-B-b
thôn An Thường 2	DC	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 23' 00"	108° 57' 47"					D-49-38-B-b
dãy núi Đồng Hầm	SV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 24' 07"	108° 56' 34"					D-49-38-B-b
hồ Đập Bàu Đa	TV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 24' 21"	108° 58' 00"					D-49-38-B-b
núi Gò Một	SV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 24' 49"	108° 57' 43"					D-49-38-B-b
hồ Hồ Chuối	TV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 24' 30"	108° 57' 22"					D-49-38-B-b
núi Hồ Đa	SV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 24' 28"	108° 56' 58"					D-49-38-B-b
hồ Học Cù	TV	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 23' 33"	108° 56' 43"					D-49-38-B-b
thôn Hội An	DC	xã Ân Thành	H. Hoài Ân	14° 25' 06"	108° 58' 19"					D-49-38-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
suối Cây Sanh	TV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân			14° 15' 41"	108° 58' 08"	14° 18' 30"	108° 58' 54"	D-49-38-B-d		
thôn Diêu Tường	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 55"	108° 58' 44"					D-49-38-B-d		
núi Hố Đông	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 19' 39"	108° 59' 33"					D-49-38-B-d		
hồ Hóc Sim	TV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 57"	108° 59' 44"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Giang	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 15' 41"	108° 57' 41"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Khó	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 15' 44"	108° 59' 16"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Ông	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 16' 55"	108° 58' 03"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Xáy	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 19' 52"	108° 58' 00"					D-49-38-B-d		
Suối Lâm	TV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân			14° 15' 58"	108° 57' 28"	14° 19' 04"	108° 57' 47"	D-49-38-B-d		
thôn Lộc Giang	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 22"	108° 58' 49"					D-49-38-B-d		
Núi Ông	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 14' 48"	108° 59' 42"					D-49-38-D-b		
thôn Tân Thành	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 41"	108° 57' 51"					D-49-38-B-d		
hồ Thạch Khê	TV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 16' 30"	109° 00' 05"					D-49-39-A-c		
thôn Thạch Long 1	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 17' 23"	108° 59' 31"					D-49-38-B-d		
thôn Thạch Long 2	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 17' 08"	108° 59' 23"					D-49-38-B-d		
thôn Trì Tường	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 06"	108° 59' 32"					D-49-38-B-d		
thôn Vĩnh Viễn	DC	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 48"	108° 59' 28"					D-49-38-B-d		
Núi Voi	SV	xã Ân Tường Đông	H. Hoài Ân	14° 18' 30"	108° 59' 52"					D-49-38-B-d		
đường tỉnh 630	KX	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 24' 20"	109° 00' 50"	14° 17' 02"	108° 53' 24"	D-49-38-B-d		
đường tỉnh 631	KX	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 12' 56"	109° 03' 49"	14° 19' 09"	108° 57' 20"	D-49-38-B-d		
cầu Bàng Lăng	KX	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 17' 38"	108° 54' 17"					D-49-38-B-d		
suối Bến Vách	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân							D-49-38-B-d		
Sông Biền	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 19' 04"	108° 57' 47"	14° 19' 39"	108° 57' 16"	D-49-38-B-d		
núi Dốc Đỏ	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 18' 22"	108° 56' 46"					D-49-38-D-b		
núi Đông Chục	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 15' 19"	108° 54' 59"					D-49-38-B-d		
thôn Hà Tây	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 19' 31"	108° 56' 58"					D-49-38-B-d		
núi Hố Sơn	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 15' 52"	108° 55' 47"					D-49-38-B-d		
núi Hố Trọng	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 17' 42"	108° 55' 47"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Giang	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 15' 41"	108° 57' 41"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Giếng	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 13' 52"	108° 58' 29"					D-49-38-D-b		
núi Hòn Hoàng	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 13' 24"	108° 56' 58"					D-49-38-D-b		
núi Hòn Một	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 16' 29"	108° 55' 37"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Ông	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 16' 55"	108° 58' 03"					D-49-38-B-d		
núi Hòn Xáy	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 19' 52"	108° 58' 00"					D-49-38-B-d		
sông Kim Sơn	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-38-B-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Lâm	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 15' 58"	108° 57' 28"	14° 19' 04"	108° 57' 47"	D-49-38-B-d
núi Nước Ó	SV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 14' 05"	108° 57' 55"					D-49-38-D-b
thôn Phú Hữu 1	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 17' 22"	108° 54' 16"					D-49-38-B-d
thôn Phú Hữu 2	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 18' 24"	108° 54' 47"					D-49-38-B-d
thôn Phú Khương	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 18' 57"	108° 56' 52"					D-49-38-B-d
hồ Phú Khương	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 18' 17"	108° 56' 21"					D-49-38-B-d
Suối Rùn	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân			14° 16' 51"	108° 55' 07"	14° 17' 44"	108° 54' 21"	D-49-38-B-d
hồ Suối Rùn	TV	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 16' 35"	108° 55' 10"					D-49-38-B-d
thôn Tân Thanh	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 19' 21"	108° 57' 27"					D-49-38-B-d
thôn Tân Thịnh	DC	xã Ân Tường Tây	H. Hoài Ân	14° 18' 34"	108° 57' 28"					D-49-38-B-d
núi Bà Bền	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 15' 33"	108° 49' 40"					D-49-38-B-c
núi Bà Bơi	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 39"	108° 48' 38"					D-49-38-B-c
suối Bò Cá	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 12' 27"	108° 49' 32"	14° 12' 36"	108° 50' 04"	D-49-38-D-a
núi Bò Cá	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 12' 44"	108° 49' 23"			14° 16' 42"	108° 48' 25"	D-49-38-B-c
suối Bù Nù	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 15' 56"	108° 50' 06"	14° 15' 36"	108° 52' 49"	D-49-38-B-d
sông Bù Nù	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân							D-49-38-B-c
núi Cây Đa	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 17' 56"	108° 50' 34"					D-49-38-B-c
núi Cây Kho	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 16' 53"	108° 51' 00"					D-49-38-B-c
núi Con Pơ Đó	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 19' 25"	108° 48' 30"					D-49-38-B-c
núi Đá Chông	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 53"	108° 50' 38"					D-49-38-B-c
suối Đá Lừa	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 13' 46"	108° 49' 30"	14° 13' 11"	108° 51' 09"	D-49-38-D-a
núi Đèo Giác Dọc	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 12' 16"	108° 49' 37"					D-49-38-D-a
núi Hòn Hóp	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 09' 38"	108° 51' 32"					D-49-38-D-a
núi Kon Kriêng	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 17"	108° 47' 58"					D-49-38-B-c
núi Kon Trú	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 19' 38"	108° 48' 02"					D-49-38-B-c
núi Mã Liêng	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 10"	108° 48' 54"					D-49-38-B-c
suối Nước Dâng	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 14' 47"	108° 49' 04"	14° 15' 36"	108° 51' 15"	D-49-38-B-c; D-49-38-D-a
suối Nước Dơi	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 23' 03"	108° 46' 56"	14° 19' 47"	108° 45' 41"	D-49-38-B-c
suối Nước Dung	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 17' 46"	108° 48' 48"	14° 18' 15"	108° 50' 12"	D-49-38-B-c
suối Nước Đò	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 11' 01"	108° 50' 09"	14° 12' 50"	108° 50' 53"	D-49-38-D-a
núi Nước Ray	SV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 16' 34"	108° 48' 12"					D-49-38-B-c
suối Nước Tán	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 10' 01"	108° 51' 24"	14° 08' 13"	108° 47' 28"	D-49-38-D-a
đốc Ông Thọ	KX	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 13' 24"	108° 49' 05"					D-49-38-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
Di tích Lịch sử Sư Đoàn 3 Sao Vàng	KX	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 33"	108° 49' 30"							D-49-38-B-c
thôn T1	DC	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 19' 16"	108° 50' 13"							D-49-38-B-c
thôn T2	DC	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 18' 25"	108° 50' 05"							D-49-38-B-c
thôn T4	DC	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 15' 56"	108° 50' 21"							D-49-38-B-c
thôn T5	DC	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 15' 42"	108° 50' 50"							D-49-38-B-c
thôn T6	DC	xã Bok Tới	H. Hoài Ân	14° 17' 32"	108° 49' 40"							D-49-38-B-c
Suối Tem	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 20' 26"	108° 49' 45"	14° 17' 51"	108° 52' 54"			D-49-38-B-c
suối Thị Thổ	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 13' 23"	108° 49' 14"	14° 13' 08"	108° 51' 08"			D-49-38-D-a
suối Trại Máy	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 12' 36"	108° 50' 04"	14° 12' 50"	108° 50' 53"			D-49-38-D-a
suối Tùng Tô	TV	xã Bok Tới	H. Hoài Ân			14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 12' 52"	108° 52' 02"			D-49-38-D-a; D-49-38-D-b
núi Cha Huỳnh	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 21' 53"	108° 46' 20"							D-49-38-B-c
núi Hèo Du Du	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 23' 26"	108° 52' 32"							D-49-38-B-b
núi Hòn Chiềng	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 28' 34"	108° 47' 48"							D-49-38-B-a
núi Ka Bang	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 21' 45"	108° 48' 33"							D-49-38-B-c
núi La Dang	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 24' 59"	108° 46' 50"							D-49-38-B-a
Núi Mút	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 24' 32"	108° 50' 48"							D-49-38-B-a
suối Nước Lương	TV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân			14° 27' 32"	108° 47' 10"	14° 29' 00"	108° 47' 17"			D-49-38-B-a
sông Nước Lương	TV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân			14° 29' 00"	108° 47' 17"	14° 17' 32"	108° 54' 10"			D-49-38-B-a; D-49-38-B-c
suối Nước Ly	TV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân			14° 22' 09"	108° 49' 55"	14° 22' 45"	108° 50' 13"			D-49-38-B-a; D-49-38-B-c
sông Nước Mang	TV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân			14° 27' 26"	108° 48' 15"	14° 22' 23"	108° 51' 21"			D-49-38-B-a; D-49-38-B-c
suối Nước Roong	TV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân			14° 29' 01"	108° 51' 23"	14° 23' 53"	108° 51' 19"			D-49-38-B-a
làng O6	DC	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 20' 59"	108° 51' 32"							D-49-38-B-c
làng O10	DC	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 20' 46"	108° 51' 44"							D-49-38-B-c
làng O11	DC	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 20' 51"	108° 51' 10"							D-49-38-B-c
làng T6	DC	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 21' 17"	108° 51' 44"							D-49-38-B-c
núi Tông Dinh	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 19' 45"	108° 51' 54"							D-49-38-B-c
núi Tráng Sim	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 19' 59"	108° 51' 35"							D-49-38-B-c
núi You	SV	xã Dak Mang	H. Hoài Ân	14° 27' 20"	108° 47' 02"							D-49-38-B-a
Khởi 1	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 15"	109° 01' 09"							D-49-39-A-a+b
quốc lộ 1A	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"			D-49-27-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu				Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Khoá 2	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 12"	109° 00' 54"							D-49-39-A-a+b
Khoá 3	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 58"	109° 01' 00"							D-49-39-A-a+b
Khoá 4	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 47"	109° 00' 44"							D-49-39-A-a+b
Khoá 5	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 05"	109° 00' 37"							D-49-39-A-a+b
Khoá 6	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 59"	109° 00' 52"							D-49-38-B-b; D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 629	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 37' 13"	108° 53' 42"	D-49-38-B-b; D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 639B	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-B-b; D-49-39-A-a+b
sông An Lão	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn									D-49-38-B-b
gò Bà Nồng	SV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 02"	108° 58' 27"							D-49-39-A-a+b
ga Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 22"	109° 01' 04"							D-49-38-B-b
cụm công nghiệp Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 40"	108° 59' 52"							D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 24' 58"	109° 00' 25"							D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 52"	109° 01' 09"							D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 40"	109° 01' 00"			14° 26' 09"	109° 01' 46"	14° 31' 38"	109° 03' 38"	D-49-39-A-a+b
Sông Cạn	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn									D-49-38-B-b
gò Dốc Lết	SV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 27' 31"	108° 58' 19"							D-49-38-B-b
gò Đông Bo	SV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 28' 00"	108° 58' 51"							D-49-38-B-b
Gò Đỉnh	SV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 38"	108° 58' 47"							D-49-38-B-b
Trường Trung cấp Nghề Hoài Nhơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 18"	109° 00' 34"							D-49-39-A-a+b
sông Lại Giang	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 24' 59"	108° 59' 28"	14° 33' 23"	109° 02' 06"	D-49-39-A-a+b
khối Liêm Bình	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 33"	109° 00' 25"							D-49-39-A-a+b
hồ Long Bông	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 22"	108° 58' 25"							D-49-38-B-b
khối Phú Đức	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 19"	109° 00' 25"							D-49-39-A-a+b
đường Quang Trung	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 25' 48"	109° 00' 54"	14° 26' 46"	109° 01' 03"	D-49-39-A-a+b
cụm công nghiệp Số 2 Bồng Sơn	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 21"	109° 00' 02"							D-49-38-B-b
hồ Thiết Đỉnh	TV	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 40"	108° 58' 54"							D-49-38-B-b
khối Thiết Đỉnh Bắc	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 26' 12"	108° 59' 09"							D-49-38-B-b
khối Thiết Đỉnh Nam	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 58"	108° 59' 47"							D-49-38-B-b
đường Trần Hưng Đạo	KX	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 25' 32"	109° 00' 08"	14° 26' 06"	109° 00' 57"	D-49-39-A-a+b
khối Trung Lương	DC	TT. Bồng Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 25' 01"	109° 00' 07"							D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Khối 1	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 41"	109° 03' 00"						D-49-27-C-c	
Khối 2	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 49"	109° 03' 06"						D-49-27-C-c	
Khối 3	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 29"	109° 02' 23"						D-49-27-C-c	
Khối 4	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 47"	109° 02' 23"						D-49-27-C-c	
Khối 5	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 58"	109° 02' 19"						D-49-27-C-c	
Khối 6	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 33' 12"	109° 02' 29"						D-49-27-C-c	
Khối 7	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 33' 30"	109° 02' 36"						D-49-27-C-c	
Khối 8	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 33' 48"	109° 02' 33"						D-49-27-C-c	
Khối 9	DC	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 33' 14"	109° 03' 08"						D-49-27-C-c	
suối Chùm Chày	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 33' 05"	109° 00' 37"	14° 34' 13"	109° 02' 17"		D-49-27-C-c	
sông Cửu Lợi	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 33' 27"	109° 03' 37"	14° 32' 58"	109° 03' 39"		D-49-27-C-c	
Suối Giữa	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 32' 50"	109° 01' 49"	14° 34' 21"	109° 02' 24"		D-49-27-C-c	
muông Lại Giang	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 24' 59"	108° 59' 28"	14° 33' 23"	109° 02' 06"		D-49-27-C-c	
Suối Mới	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 34' 12"	109° 01' 29"	14° 34' 41"	109° 02' 34"		D-49-27-C-c	
ga Tam Quan	KX	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 57"	109° 02' 31"						D-49-27-C-c	
cụm công nghiệp Tam Quan	KX	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 32' 58"	109° 02' 01"						D-49-27-C-c	
cầu Thanh Mỹ	KX	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn	14° 34' 03"	109° 02' 51"						D-49-27-C-c	
Sông Xương	TV	TT. Tam Quan	H. Hoài Nhơn			14° 29' 26"	109° 01' 56"	14° 32' 58"	109° 03' 39"		D-49-27-C-c	
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"		D-49-27-C-c	
thôn An Quý Bắc	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 26"	109° 01' 47"						D-49-27-C-c	
thôn An Quý Nam	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 04"	109° 01' 49"						D-49-27-C-c	
thôn An Sơn	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 28"	109° 01' 10"						D-49-27-C-c	
suối Chùm Chày	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 33' 05"	109° 00' 37"	14° 34' 13"	109° 02' 17"		D-49-27-C-c	
hồ Đập Cẩm	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 12"	109° 01' 29"						D-49-27-C-c	
suối Đập Ngã Ba	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 35' 22"	109° 00' 04"	14° 36' 09"	109° 00' 59"		D-49-27-C-c; D-49-26-D-d	
suối Đập Ngã Ba	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 34' 49"	108° 59' 44"	14° 35' 04"	109° 00' 31"		D-49-26-D-d	
Suối Giang	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 33' 18"	109° 01' 31"	14° 34' 07"	109° 02' 09"		D-49-26-D-d	
suối Hồ Giang	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 36' 30"	108° 57' 13"	14° 34' 50"	108° 59' 29"		D-49-26-D-d	
hồ Hồ Giang	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 41"	108° 59' 41"						D-49-26-D-d	
thôn Hội An	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 33' 38"	109° 01' 23"						D-49-27-C-c	
thôn Hội An Tây	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 33' 31"	109° 01' 05"						D-49-27-C-c	
cầu Lò Giấy	KX	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 06"	109° 00' 48"						D-49-27-C-c	
Suối Mới	TV	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn			14° 34' 12"	109° 01' 29"	14° 34' 41"	109° 02' 34"		D-49-27-C-c	
thôn Tân An	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhơn	14° 34' 18"	109° 00' 22"						D-49-27-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn Tân Trung	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhon	14° 34' 00"	109° 00' 44"							D-49-27-C-c
thôn Thành Sơn	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhon	14° 34' 27"	109° 00' 51"							D-49-27-C-c
thôn Thành Sơn Tây	DC	xã Hoài Châu	H. Hoài Nhon	14° 34' 53"	109° 00' 30"							D-49-27-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"			D-49-27-C-c
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"			D-49-27-C-c
suối Bà Quyển	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 36' 09"	109° 00' 59"	14° 35' 55"	109° 02' 01"			D-49-27-C-c
thôn Bình Đê	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 36' 05"	109° 01' 36"							D-49-27-C-c
đèo Bình Đê	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 36' 15"	109° 03' 07"							D-49-27-C-c
thôn Chương Hoà	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 43"	109° 02' 52"							D-49-27-C-c
suối Đập Ngã Ba	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 36' 45"	108° 59' 14"			14° 35' 22"	109° 00' 04"	14° 36' 09"	109° 00' 59"	D-49-26-D-d
núi Đầu Ngựa	SV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon					14° 36' 35"	108° 57' 50"	14° 35' 32"	108° 59' 52"	D-49-26-D-d
suối Đồng Tranh	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 14"	109° 01' 55"							D-49-27-C-c
thôn Gia An	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 46"	109° 02' 52"							D-49-27-C-c
cầu Gia An	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 00"	109° 02' 48"							D-49-27-C-c
thôn Gia An Đông	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 59"	109° 01' 43"							D-49-27-C-c
thôn Gia An Nam	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 29"	109° 02' 54"							D-49-27-C-c
cầu Gia Hựu	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 36' 18"	109° 02' 12"							D-49-27-C-c
thôn Hy Thế	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 36' 32"	109° 01' 54"	14° 35' 29"	109° 02' 54"	14° 35' 29"	109° 02' 54"	D-49-27-C-c
sông Hy Thế	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 11"	109° 01' 26"							D-49-27-C-c
thôn Liễu An	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 53"	109° 01' 14"							D-49-27-C-c
thôn Liễu An Nam	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 34' 41"	109° 02' 34"	14° 34' 53"	109° 03' 18"	14° 34' 40"	109° 03' 51"	D-49-27-C-c
Suối Nôm	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 35' 29"	109° 02' 54"	14° 35' 29"	109° 03' 51"			D-49-27-C-c
sông Ông Khéo	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 26"	109° 02' 15"			14° 35' 55"	109° 02' 01"	14° 35' 43"	109° 02' 46"	D-49-27-C-c
thôn Quy Thuận	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon			14° 35' 20"	109° 02' 48"					D-49-27-C-c
suối Quy Thuận	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon					14° 38' 14"	108° 57' 25"	14° 37' 20"	108° 57' 03"	D-49-26-D-b
cầu Quy Thuận	KX	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon									D-49-26-D-d
suối Ruộng Tre	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 28"	109° 00' 00"							D-49-27-C-c
hồ Suối Mới	TV	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 16"	109° 00' 23"							D-49-27-C-c
thôn Tuy An	DC	xã Hoài Châu Bắc	H. Hoài Nhon					14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-A-a+b;
quốc lộ 1A	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon									D-49-39-A-c
đường tỉnh 630	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon									D-49-38-B-b;
đồi Bà Lê	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 41"	109° 01' 43"							D-49-39-A-a+b
thôn Bình Chương	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 11"	109° 00' 54"							D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	VT độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
				14° 22' 12"	109° 01' 55"	14° 26' 01"	109° 01' 50"			
suối Bình Chương	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 20"	109° 00' 50"					D-49-39-A-a+b
thôn Bình Chương Nam	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 16"	109° 00' 47"					D-49-39-A-a+b
cầu Bình Chương Nam	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 52"	109° 01' 09"					D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 58"	109° 00' 25"					D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 30"	109° 05' 25"					D-49-39-A-a+b
Hòn Cao	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 18"	109° 01' 45"					D-49-39-A-c
cầu Cao Diễn Khánh	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 42"	109° 02' 37"					D-49-39-A-a+b
đồi Cây Cậy	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 46"	109° 04' 58"					D-49-39-A-a+b
đầy Cây Điệp	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 04"	109° 01' 53"					D-49-39-A-c
cầu Cây Sành	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 28"	109° 04' 34"	14° 22' 16"	109° 04' 03"	14° 24' 36"	109° 02' 31"	D-49-39-A-a+b
Suối Chanh	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 49"	109° 01' 33"					D-49-39-A-c
núi Chóp Chài	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 17"	109° 00' 50"					D-49-39-A-a+b
thôn Diễn Khánh	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 53"	109° 01' 53"					D-49-39-A-a+b
Cầu Dọi	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon			14° 23' 11"	109° 04' 51"	14° 24' 24"	109° 02' 43"	D-49-39-A-a+b
thôn Định Bình	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 34"	109° 02' 39"					D-49-39-A-a+b
suối Định Bình	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 19"	109° 02' 47"					D-49-39-A-c
thôn Định Bình Nam	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 37"	109° 01' 35"					D-49-39-A-a+b
núi Đồi Lĩnh	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 30"	108° 59' 50"					D-49-38-B-b
Cầu Giấy	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 37"	109° 02' 05"					D-49-39-A-a+b
hồ Học Cau	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 17"	108° 59' 18"					D-49-38-B-b
đập Hóc Chuối	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 49"	109° 01' 34"					D-49-39-A-a+b
núi Hòn Bò	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon			14° 10' 45"	108° 53' 22"	14° 24' 47"	109° 00' 10"	D-49-38-B-b
núi Hòn Bò Bình Chương	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 08"	109° 00' 53"					D-49-39-A-a+b
sông Kim Sơn	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 46"	109° 00' 57"					D-49-39-A-a+b
chùa Lạc Sơn	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon			14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-39-A-a+b
thôn Lại Đức	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 21' 21"	109° 01' 18"					D-49-39-A-c
sông Lại Giang	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 18"	109° 00' 16"					D-49-39-A-a+b
núi Lại Khan	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 22' 59"	109° 00' 01"					D-49-39-A-a+b
thôn Lại Khánh	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 27"	109° 00' 24"					D-49-39-A-a+b
núi Lại Khánh	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 08"	108° 59' 07"					D-49-38-B-b
thôn Lại Khánh Nam	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 21' 44"	109° 03' 22"					D-49-39-A-c
thôn Lại Khánh Tây	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 21' 34"	109° 02' 09"					D-49-39-A-c
núi Phú Cũ	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 39"	109° 02' 33"					D-49-39-A-a+b
đèo Phú Cũ	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon							
đập Quốc Định	KX	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Sui Lam	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 25' 09"	109° 05' 06"							D-49-39-A-a+b
núi Tạch Tơ	SV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 24' 25"	109° 01' 45"							D-49-39-A-a+b
thôn Văn Cang	DC	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 40"	109° 01' 11"							D-49-39-A-a+b
hồ Văn Khánh Đức	TV	xã Hoài Đức	H. Hoài Nhon	14° 23' 17"	109° 02' 25"							D-49-39-A-a+b
thôn Diêu Quang	DC	xã Hoài Hải	H. Hoài Nhon	14° 27' 18"	109° 06' 51"							D-49-39-A-a+b
thôn Kim Giao Bắc	DC	xã Hoài Hải	H. Hoài Nhon	14° 28' 58"	109° 05' 57"							D-49-39-A-a+b
thôn Kim Giao Nam	DC	xã Hoài Hải	H. Hoài Nhon	14° 28' 25"	109° 06' 15"							D-49-39-A-a+b
thôn Kim Giao Thiện	DC	xã Hoài Hải	H. Hoài Nhon	14° 28' 01"	109° 06' 29"							D-49-39-A-a+b
thôn Kim Giao Trung	DC	xã Hoài Hải	H. Hoài Nhon	14° 28' 42"	109° 06' 05"							D-49-39-A-a+b
quốc lộ 1A	KX	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"			D-49-27-C-c
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"			D-49-27-C-c
núi Cà Lang	SV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 30' 11"	108° 56' 29"							D-49-26-D-d
suối Cầu Hồ Chảo	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon					14° 31' 42"	108° 59' 44"	14° 32' 27"	109° 01' 03"	D-49-27-C-c
suối Cầu Mương Lở	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon					14° 32' 28"	109° 01' 01"	14° 32' 50"	109° 01' 49"	D-49-27-C-c
đồi Cây Xoài	SV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 30' 54"	109° 01' 04"							D-49-27-C-c
suối Chùm Chày	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 33' 05"	109° 00' 37"	14° 34' 13"	109° 02' 17"			D-49-27-C-c
thôn Cự Lễ	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 31' 34"	109° 00' 26"							D-49-27-C-c
Sông Đình	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 31' 27"	109° 01' 58"	14° 30' 39"	109° 01' 52"			D-49-38-B-b
núi Eo Vồn	SV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 29' 52"	108° 58' 06"							D-49-26-D-d
thôn Hội Phú	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 31' 19"	108° 59' 31"							D-49-39-A-a+b
núi Hòn Đèn	SV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 30' 00"	109° 00' 03"							D-49-27-C-c
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 24' 59"	108° 59' 28"	14° 33' 23"	109° 02' 06"			D-49-27-C-c
cầu Nước Mặn	KX	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 31' 35"	109° 02' 08"							D-49-26-D-d
hồ Phú Thạnh	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 30' 08"	108° 59' 00"							D-49-27-C-c
thôn Phụng Du 1	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 31' 20"	109° 01' 45"							D-49-27-C-c
thôn Phụng Du 2	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 32' 01"	109° 02' 14"							D-49-38-B-b
núi Phước Dinh	SV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 29' 27"	108° 57' 47"							D-49-27-C-c
thôn Tấn Thạnh 1	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 31' 57"	109° 01' 09"							D-49-27-C-c
thôn Tấn Thạnh 2	DC	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon	14° 32' 09"	109° 01' 45"							D-49-27-C-c
suối Thác Đò	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 31' 49"	108° 57' 22"	14° 31' 42"	108° 59' 44"			D-49-27-C-c
Sông Xương	TV	xã Hoài Hào	H. Hoài Nhon			14° 29' 26"	109° 01' 56"	14° 32' 58"	109° 03' 39"			D-49-27-C-c
đường tỉnh 639	KX	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhon			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"			D-49-39-A-a+b
thôn Ca Công	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhon	14° 30' 10"	109° 05' 00"							D-49-27-C-c
thôn Ca Công Nam	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhon	14° 29' 58"	109° 05' 02"							D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Hòn Bò	SV	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 02"	109° 03' 39"					D-49-39-A-a+b
sông Lại Giang	TV	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn			14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn			14° 26' 33"	109° 00' 45"	14° 28' 37"	109° 04' 06"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
cầu Lại Giang	KX	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 28' 44"	109° 05' 20"					D-49-39-A-a+b
thôn Nhuận An	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 15"	109° 04' 53"					D-49-39-A-a+b
thôn Nhuận An Đông	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 06"	109° 05' 06"					D-49-39-A-a+b
thôn Phú An	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 28' 28"	109° 04' 13"					D-49-39-A-a+b
thôn Thanh Xuân	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 12"	109° 05' 14"					D-49-39-A-a+b
thôn Thanh Xuân Bắc	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 28"	109° 05' 22"					D-49-39-A-a+b
thôn Thanh Xuân Đông	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 25"	109° 05' 16"					D-49-39-A-a+b
thôn Thiện Đức	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 47"	109° 04' 25"					D-49-39-A-a+b
thôn Thiện Đức Bắc	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 30' 16"	109° 04' 36"					D-49-39-A-a+b
thôn Thiện Đức Đông	DC	xã Hoài Hương	H. Hoài Nhơn	14° 29' 34"	109° 04' 53"			14° 33' 27"	109° 02' 48"	D-49-27-C-c D-49-39-A-a+b D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 639	KX	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn							D-49-39-A-a+b
thôn An Nghiệp	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 28' 23"	109° 04' 58"					D-49-39-A-a+b
dãy Bò Hạp	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 23' 24"	109° 06' 30"					D-49-39-A-a+b
Hòn Cao	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 24' 30"	109° 05' 25"					D-49-39-A-a+b
đồi Cây Cầy	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 25' 42"	109° 02' 37"					D-49-39-A-a+b
hồ Cây Khế	TV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 26' 46"	109° 04' 19"					D-49-39-A-a+b
thôn Công Lương	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 28' 14"	109° 05' 43"					D-49-39-A-a+b
núi Dông Dài	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 23' 53"	109° 06' 05"					D-49-39-A-a+b
Núi Đình	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 02"	109° 04' 07"					D-49-39-A-a+b
thôn Định Công	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 15"	109° 03' 08"					D-49-39-A-a+b
thôn Định Trị	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 26' 11"	109° 02' 44"					D-49-39-A-a+b
đồi Eo Gió	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 19"	109° 04' 15"					D-49-39-A-a+b
Núi Gác	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 39"	109° 04' 49"					D-49-39-A-a+b
núi Hốc Mít	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 26' 14"	109° 06' 20"					D-49-39-A-a+b
thôn Khánh Trạch	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 51"	109° 04' 31"					D-49-39-A-a+b
sông Lại Giang	TV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn			14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-39-A-a+b
cầu Lại Giang	KX	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 28' 44"	109° 05' 20"					D-49-39-A-a+b
thôn Lộ Diêu	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 25' 17"	109° 06' 41"					D-49-39-A-a+b
thôn Mỹ Khánh	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 28' 08"	109° 05' 08"					D-49-39-A-a+b
thôn Mỹ Thọ	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 57"	109° 03' 22"					D-49-39-A-a+b
thôn Phú Xuân	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 32"	109° 05' 55"					D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
núi Sui Lam	SV	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 25' 09"	109° 05' 06"							D-49-39-A-a-b
thôn Xuân Khánh	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 32"	109° 04' 00"							D-49-39-A-a-b
thôn Xuân Vinh	DC	xã Hoài Mỹ	H. Hoài Nhơn	14° 27' 16"	109° 04' 54"							D-49-39-A-a-b
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
suối Bà Giáo	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 33' 05"	109° 00' 37"	14° 33' 18"	109° 01' 31"	D-49-27-C-c
hồ Bà Kỳ	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 32' 22"	108° 59' 11"							D-49-26-D-d
suối Cầu Hồ Chảo	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 31' 42"	108° 59' 44"	14° 32' 27"	109° 01' 03"	D-49-27-C-c
suối Cầu Mương Lở	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 32' 28"	109° 01' 01"	14° 32' 50"	109° 01' 49"	D-49-27-C-c
suối Chùm Chày	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 33' 05"	109° 00' 37"	14° 34' 13"	109° 02' 17"	D-49-26-D-d
thôn Cự Lễ	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 32' 12"	108° 59' 59"							D-49-27-C-c
thôn Cự Tài 1	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 04"	109° 00' 57"							D-49-27-C-c
thôn Cự Tài 2	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 32' 43"	109° 00' 48"							D-49-26-D-d
Suối Dừa	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 32' 23"	108° 57' 46"	14° 32' 24"	108° 59' 08"	D-49-26-D-d
núi Đa Đan	SV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 34' 50"	108° 56' 27"							D-49-26-D-d
hòn Gò Mít	SV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 01"	108° 57' 35"							D-49-26-D-d
thôn Lương Thọ 1	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 14"	108° 59' 47"							D-49-26-D-d
thôn Lương Thọ 2	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 32' 48"	109° 00' 08"							D-49-27-C-c
thôn Lương Thọ 3	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 32' 39"	109° 00' 05"							D-49-27-C-c
hồ Mỹ Bình	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 58"	108° 59' 03"							D-49-26-D-d
thôn Mỹ Bình 1	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 03"	109° 00' 12"							D-49-27-C-c
thôn Mỹ Bình 2	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 34"	109° 00' 11"							D-49-27-C-c
thôn Mỹ Bình 3	DC	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 50"	108° 59' 50"							D-49-26-D-d
suối Phú Lương	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 32' 22"	108° 59' 13"	14° 32' 27"	109° 01' 03"	D-49-26-D-d
suối Phú Mỹ	TV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn					14° 32' 26"	108° 57' 14"	14° 33' 05"	109° 00' 37"	D-49-26-D-d
núi Thanh Lớn	SV	xã Hoài Phú	H. Hoài Nhơn	14° 33' 50"	108° 56' 20"							D-49-26-D-d
thôn An Đỗ	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 39' 01"	109° 00' 18"							D-49-27-C-a
hồ An Đỗ	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 39' 07"	109° 00' 07"							D-49-27-C-a
thôn An Hội	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 37' 59"	109° 00' 29"							D-49-27-C-a
thôn An Hội Bắc	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 38' 37"	109° 00' 15"							D-49-27-C-a
suối Bà Quyển	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 36' 09"	109° 00' 59"	14° 35' 55"	109° 02' 01"	D-49-27-C-c
suối Bến Lợi	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn					14° 37' 28"	108° 58' 34"	14° 38' 26"	108° 59' 01"	D-49-26-D-b
thôn Cán Hậu	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 37' 28"	109° 00' 29"							D-49-27-C-c
hồ Cán Hậu	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 38' 31"	108° 59' 19"							D-49-26-D-b
hồ Cây Quắn	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhơn	14° 39' 33"	108° 58' 57"							D-49-26-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
chùa Cây Xay	KX	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 37' 17"	109° 01' 24"					D-49-27-C-c
Núi Chúa	SV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 40' 26"	108° 58' 17"					D-49-26-D-b
suối Đập Bà Đét	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon			14° 37' 59"	109° 01' 54"	14° 36' 32"	109° 01' 54"	D-49-27-C-c
suối Đập Ngã Ba	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon			14° 35' 22"	109° 00' 04"	14° 36' 09"	109° 00' 59"	D-49-27-C-c
núi Đầu Ngựa	SV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 36' 45"	108° 59' 14"					D-49-26-D-d
suối Đồng Tranh	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon			14° 36' 35"	108° 57' 50"	14° 35' 32"	108° 59' 52"	D-49-26-D-d
hồ Đồng Tranh	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 37' 59"	109° 01' 28"					D-49-27-C-a
thôn Hy Tường	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 37' 03"	109° 01' 42"					D-49-27-C-c
thôn Hy Văn	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 36' 46"	109° 00' 48"					D-49-27-C-c
thôn La Vương	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 38' 48"	108° 59' 15"					D-49-26-D-b
Suối Le	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon			14° 38' 14"	108° 57' 25"	14° 37' 20"	108° 57' 03"	D-49-26-D-b
suối Lỗ Soi	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 37' 53"	109° 01' 02"	14° 40' 09"	108° 59' 32"	14° 36' 31"	109° 01' 37"	D-49-27-C-a
thôn Phú Nông	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon			14° 38' 20"	108° 57' 12"	14° 36' 50"	109° 01' 27"	D-49-27-C-a
suối Quán Dưa	TV	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 36' 18"	109° 00' 30"					D-49-27-C-c
thôn Tường Sơn	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 35' 39"	109° 00' 36"					D-49-27-C-c
thôn Tường Sơn Nam	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 35' 39"	109° 00' 36"					D-49-27-C-c
thôn Tuý Sơn	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 36' 44"	109° 01' 42"					D-49-27-C-c
thôn Tuý Thanh	DC	xã Hoài Sơn	H. Hoài Nhon	14° 37' 00"	109° 00' 43"					D-49-27-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 37' 00"	109° 00' 43"	14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-A-a+b
đồi 28	SV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 27' 34"	109° 00' 31"					D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-27-C-c;
thôn An Dưỡng 1	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 04"	109° 01' 39"					D-49-39-A-a+b
thôn An Dưỡng 2	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 33"	109° 01' 53"					D-49-39-A-a+b
sông Bàn Sầu	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon			14° 29' 02"	109° 00' 39"	14° 29' 26"	109° 01' 56"	D-49-39-A-a+b
cầu Bồng Sơn số 1	KX	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 26' 32"	109° 00' 45"					D-49-39-A-a+b
Sông Cạn	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon			14° 26' 09"	109° 01' 46"	14° 31' 38"	109° 03' 38"	D-49-39-A-a+b
gò Đồng Bo	SV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 00"	108° 58' 51"					D-49-38-B-b
núi Đồng Trống	SV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 27' 47"	108° 59' 22"					D-49-38-B-b
căn cứ Đệ Đức	KX	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 18"	109° 01' 32"					D-49-39-A-a+b
thôn Đệ Đức 1	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 27' 11"	109° 00' 41"					D-49-39-A-a+b
thôn Đệ Đức 2	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 27' 02"	109° 00' 50"					D-49-39-A-a+b
thôn Đệ Đức 3	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 26' 59"	109° 01' 06"					D-49-39-A-a+b
hồ Giao Hội	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 50"	109° 00' 03"					D-49-38-B-b
thôn Giao Hội 1	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhon	14° 28' 42"	109° 01' 00"					D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn Giao Hội 2	DC	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 03"	109° 01' 13"							D-49-39-A-a+b
hồ Hóc Thờ	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 27' 22"	108° 59' 19"							D-49-38-B-b
núi Hòn Đèn	SV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 30' 00"	109° 00' 03"							D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn			14° 24' 59"	108° 59' 28"	14° 33' 23"	109° 02' 06"			D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn			14° 26' 33"	109° 00' 45"	14° 28' 37"	109° 04' 06"			D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn			14° 27' 25"	109° 01' 41"	14° 31' 32"	109° 03' 03"			D-49-39-A-a+b
Núi Lở	SV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 41"	108° 58' 43"							D-49-38-B-b
Bàu Sầu	TV	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 49"	109° 00' 46"							D-49-39-A-a+b
đài tưởng niệm Sư 3	KX	xã Hoài Tân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 03"	109° 01' 38"							D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 639	KX	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"			D-49-27-C-c
thôn An Định 1	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 28' 28"	109° 02' 22"							D-49-39-A-a+b
thôn An Định 2	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 28' 52"	109° 02' 39"							D-49-39-A-a+b
thôn An Lộc 1	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 29' 35"	109° 02' 33"							D-49-39-A-a+b
thôn An Lộc 2	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 29' 18"	109° 02' 58"							D-49-39-A-a+b
Sông Cạn	TV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn			14° 26' 09"	109° 01' 46"	14° 31' 38"	109° 03' 38"			D-49-27-C-c
Đồi Hai	SV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 28' 27"	109° 03' 05"							D-49-39-A-a+b
núi Hòn Bò	SV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 29' 02"	109° 03' 39"							D-49-39-A-a+b
Núi Kho	SV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 28' 43"	109° 03' 11"							D-49-39-A-a+b
sông Lại Giang	TV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn					14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-27-C-c
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn					14° 27' 38"	109° 02' 19"	14° 31' 41"	109° 04' 10"	D-49-39-A-a+b
thôn Lâm Trúc 1	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 31' 01"	109° 04' 10"							D-49-27-C-c
thôn Lâm Trúc 2	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 30' 27"	109° 04' 24"							D-49-27-C-c
thôn Mỹ An 1	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 30' 23"	109° 03' 02"							D-49-27-C-c
thôn Mỹ An 2	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 30' 24"	109° 02' 44"							D-49-27-C-c
Bàu Sen	TV	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 30' 37"	109° 04' 35"							D-49-27-C-c
thôn Trường An 1	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 31' 02"	109° 03' 18"							D-49-27-C-c
thôn Trường An 2	DC	xã Hoài Thanh	H. Hoài Nhơn	14° 30' 37"	109° 03' 45"							D-49-27-C-c
quốc lộ 1A	KX	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"			D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
đường tỉnh 639B	KX	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"			D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
Bàu Bá	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 29' 28"	109° 01' 18"							D-49-39-A-a+b
sông Bàu Sầu	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 29' 02"	109° 00' 39"	14° 29' 26"	109° 01' 56"			D-49-39-A-a+b
thôn Bình Phú	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 31' 31"	109° 02' 44"							D-49-27-C-c
Sông Cạn	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 26' 09"	109° 01' 46"	14° 31' 38"	109° 03' 38"			D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Di tích Lịch sử Cây Số 7 Tài Lương	KX	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 29' 54"	109° 01' 56"					D-49-39-A-a+b
đồi Cây Xoài	SV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 54"	109° 01' 04"					D-49-27-C-c
đền Đào Duy Từ	KX	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 29' 46"	109° 01' 35"					D-49-39-A-a+b
Sông Đỉnh	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 31' 27"	109° 01' 58"	14° 30' 39"	109° 01' 52"	D-49-27-C-c
núi Hòn Đèn	SV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 00"	109° 00' 03"					D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 24' 59"	108° 59' 28"	14° 33' 23"	109° 02' 06"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 27' 25"	109° 01' 41"	14° 31' 32"	109° 03' 03"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
thôn Ngọc An Đông	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 51"	109° 02' 21"					D-49-27-C-c
thôn Ngọc An Tây	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 59"	109° 01' 32"					D-49-27-C-c
thôn Ngọc An Trung	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 31' 06"	109° 02' 03"					D-49-27-C-c
thôn Ngọc Sơn Bắc	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 01"	109° 01' 36"					D-49-27-C-c
thôn Ngọc Sơn Nam	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 29' 28"	109° 01' 29"					D-49-39-A-a+b
thôn Tài Lương 1	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 23"	109° 01' 56"					D-49-27-C-c
thôn Tài Lương 2	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 02"	109° 02' 19"					D-49-27-C-c
thôn Tài Lương 3	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 01"	109° 02' 06"					D-49-27-C-c
thôn Tài Lương 4	DC	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 29' 44"	109° 01' 52"					D-49-39-A-a+b
bàu Tam Bảo	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn	14° 30' 30"	109° 01' 38"					D-49-27-C-c
Sông Xưởng	TV	xã Hoài Thanh Tây	H. Hoài Nhơn			14° 29' 26"	109° 01' 56"	14° 32' 58"	109° 03' 39"	D-49-27-C-c
Sông Cạn	TV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn			14° 26' 09"	109° 01' 46"	14° 31' 38"	109° 03' 38"	D-49-39-A-a+b
Đồi Hai	SV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 27"	109° 03' 05"					D-49-39-A-a+b
thôn Hoà Trung 1	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 27' 11"	109° 01' 49"					D-49-39-A-a+b
thôn Hoà Trung 2	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 26' 59"	109° 02' 19"					D-49-39-A-a+b
núi Hòn Bò	SV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 29' 02"	109° 03' 39"					D-49-39-A-a+b
Núi Kho	SV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 28' 43"	109° 03' 11"					D-49-39-A-a+b
sông Lại Giang	TV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn			14° 24' 47"	109° 00' 10"	14° 30' 39"	109° 05' 01"	D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn			14° 26' 33"	109° 00' 45"	14° 28' 37"	109° 04' 06"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
mương Lại Giang	TV	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn			14° 27' 38"	109° 02' 19"	14° 31' 41"	109° 04' 10"	D-49-27-C-c; D-49-39-A-a+b
thôn Sông Khánh	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 26' 16"	109° 02' 10"					D-49-39-A-a+b
thôn Thái Lai	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 27' 35"	109° 02' 15"					D-49-39-A-a+b
thôn Thuận Thượng 1	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhơn	14° 26' 26"	109° 01' 29"					D-49-39-A-a+b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Thuận Thượng 2	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhon	14° 26' 27"	109° 01' 46"					D-49-39-A-a+b
thôn Vĩnh Phụng 1	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhon	14° 27' 32"	109° 02' 55"					D-49-39-A-a+b
thôn Vĩnh Phụng 2	DC	xã Hoài Xuân	H. Hoài Nhon	14° 28' 17"	109° 03' 14"					D-49-39-A-a+b
quốc lộ 1A	KX	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-27-C-c
đường tỉnh 639	KX	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-27-C-c
thôn Công Thành	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 03"	109° 03' 15"					D-49-27-C-c
thôn Đình Thạnh	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 33' 57"	109° 03' 06"					D-49-27-C-c
cầu Gia An	KX	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 46"	109° 02' 52"					D-49-27-C-c
Suối Nôm	TV	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon							D-49-27-C-c
sông Ông Khéo	TV	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon							D-49-27-C-c
thôn Tân Thành	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 40"	109° 03' 22"			14° 34' 53"	109° 03' 18"	D-49-27-C-c
thôn Tân Thành 1	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 33' 39"	109° 03' 11"					D-49-27-C-c
thôn Tân Thành 2	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 33' 41"	109° 03' 34"					D-49-27-C-c
cầu Thanh Mỹ	KX	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 03"	109° 02' 51"					D-49-27-C-c
thôn Thiện Chánh	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 01"	109° 03' 47"			14° 34' 43"	109° 03' 37"	D-49-27-C-c
sông Thiện Chánh	TV	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon							D-49-27-C-c
cầu Thiện Chánh	KX	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 33' 43"	109° 03' 47"					D-49-27-C-c
thôn Thiện Chánh 1	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 13"	109° 03' 48"					D-49-27-C-c
thôn Thiện Chánh 2	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 21"	109° 03' 50"					D-49-39-A-a+b
dãy núi Trường Xuân	SV	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 32"	109° 03' 34"					D-49-27-C-c
thôn Trường Xuân Đông	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 35' 02"	109° 03' 59"					D-49-27-C-c
thôn Trường Xuân Tây	DC	xã Tam Quan Bắc	H. Hoài Nhon	14° 34' 53"	109° 03' 44"					D-49-27-C-c
đường tỉnh 639	KX	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon					14° 33' 27"	109° 02' 48"	D-49-27-C-c
Sông Cạn	TV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon					14° 26' 09"	109° 01' 46"	D-49-27-C-c
sông Cửu Lợi	TV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon					14° 33' 27"	109° 03' 37"	D-49-27-C-c
thôn Cửu Lợi Bắc	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 33' 10"	109° 04' 00"					D-49-27-C-c
thôn Cửu Lợi Đông	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 32' 24"	109° 04' 19"					D-49-27-C-c
thôn Cửu Lợi Nam	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 32' 33"	109° 03' 41"					D-49-27-C-c
thôn Cửu Lợi Tây	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 33' 07"	109° 03' 32"					D-49-27-C-c
mương Lại Giang	TV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon					14° 27' 38"	109° 02' 19"	D-49-27-C-c;
mương Lại Giang	TV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon					14° 32' 21"	109° 03' 09"	D-49-39-A-a+b
Núi Một	SV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 31' 25"	109° 03' 46"					D-49-27-C-c
Đồn Biên phòng Tam Quan Nam	KX	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhon	14° 31' 31"	109° 04' 26"					D-49-27-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm				Toạ độ điểm đầu				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Tăng Long 1	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhơn	14° 31' 50"	109° 03' 20"						D-49-27-C-c	
thôn Tăng Long 2	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhơn	14° 31' 19"	109° 04' 02"						D-49-27-C-c	
thôn Trung Hoà	DC	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhơn	14° 31' 58"	109° 02' 50"						D-49-27-C-c	
Sông Xương	TV	xã Tam Quan Nam	H. Hoài Nhơn					14° 29' 26"	109° 01' 56"	14° 32' 58"	109° 03' 39"	D-49-39-C-c; D-49-51-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát					14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-C-c
khu An Bình	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	14° 00' 19"	109° 03' 40"							D-49-51-A-a
thôn An Hành Tây	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 42"	109° 02' 24"							D-49-51-A-a
khu An Hoà	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 53"	109° 03' 10"							D-49-51-A-a
khu An Khương	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 46"	109° 03' 35"							D-49-51-A-a
khu An Kiều	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 31"	109° 03' 25"							D-49-51-A-a
khu An Kim	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	14° 00' 38"	109° 03' 15"							D-49-39-C-c
khu An Ninh	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	14° 00' 28"	109° 03' 21"							D-49-39-C-c
khu An Phong	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 48"	109° 03' 45"							D-49-51-A-a
khu An Phú	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 43"	109° 03' 21"							D-49-51-A-a
khu An Thọ	DC	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	14° 00' 01"	109° 03' 41"							D-49-51-A-a
sông La Vĩ	TV	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát									D-49-51-A-a
chùa Long Hoa	KX	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 27"	109° 03' 30"			14° 00' 01"	109° 02' 42"	13° 57' 14"	109° 07' 53"	D-49-51-A-a
sông Nước Khoáng	TV	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát					14° 01' 03"	109° 01' 55"	14° 00' 01"	109° 02' 42"	D-49-39-C-c
ga Phù Cát	KX	TT. Ngô Mây	H. Phù Cát	13° 59' 44"	109° 03' 18"							D-49-51-A-a
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Chánh	H. Phù Cát					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-51-A-a
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Chánh	H. Phù Cát					14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-51-A-b
đường tỉnh 640	KX	xã Cát Chánh	H. Phù Cát					13° 56' 49"	109° 13' 03"	13° 49' 15"	109° 08' 40"	D-49-51-A-b
sông Cây Bông	TV	xã Cát Chánh	H. Phù Cát					13° 57' 31"	109° 10' 09"	13° 54' 44"	109° 13' 48"	D-49-51-A-b
thôn Chánh Định	DC	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 56' 25"	109° 12' 07"							D-49-51-A-b
thôn Chánh Hội	DC	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 56' 09"	109° 12' 32"							D-49-51-A-b
thôn Chánh Hữu	DC	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 55' 54"	109° 13' 23"							D-49-51-A-b
sông Đập Đá	TV	xã Cát Chánh	H. Phù Cát					13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-b
chùa Đồng Hải	KX	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 55' 11"	109° 14' 06"							D-49-51-A-b
thôn Phú Hậu	DC	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 55' 10"	109° 14' 06"							D-49-51-A-b
chùa Thiên Ân	KX	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 55' 56"	109° 13' 45"							D-49-51-A-b
thôn Văn Triêm	DC	xã Cát Chánh	H. Phù Cát	13° 55' 51"	109° 11' 49"							D-49-51-A-b
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát					14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-39-C-d; D-49-51-A-b
Núi Bà	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 57' 47"	109° 14' 48"							D-49-51-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
hồ Bàu Dưng	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 45"	109° 12' 22"						D-49-39-C-d	
Núi Bé	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 02' 21"	109° 13' 52"						D-49-39-C-d	
hòn Cây Xanh	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 01' 03"	109° 14' 42"						D-49-39-C-d	
thôn Chánh Oai	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 1' 42"	109° 14' 20"						D-49-39-C-d	
đèo Chánh Oai	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 00' 49"	109° 14' 28"						D-49-39-C-d	
mũi Đá Giảng	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 04' 01"	109° 12' 18"						D-49-39-C-d	
núi Đá Vàng	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 02' 43"	109° 11' 42"						D-49-39-C-d	
Hòn Héo	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 57' 47"	109° 14' 49"						D-49-39-C-d	
núi Mũi Đụn	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 59' 28"	109° 15' 05"						D-49-51-A-b	
thôn Tân Thắng	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 3' 14"	109° 12' 47"						D-49-51-A-b	
hồ Tân Thắng	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 08"	109° 12' 22"						D-49-39-C-d	
thôn Tân Thanh	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 59' 47"	109° 14' 20"						D-49-39-C-d	
hồ Thanh Hà	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 59' 57"	109° 14' 13"						D-49-51-A-b	
thôn Vĩnh Hội	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 58' 31"	109° 14' 46"						D-49-39-C-d	
hòn Vọng Phu	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	13° 57' 55"	109° 13' 59"						D-49-51-A-b	
quốc lộ 1A	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"		D-49-51-A-b	
đường tỉnh 633	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát			14° 03' 46"	109° 02' 35"	14° 07' 33"	109° 12' 14"		D-49-39-C-c	
đường tỉnh 634	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát					14° 02' 00"	109° 02' 56"	14° 09' 05"	D-49-39-C-c;	
đường tỉnh 639B	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát					14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	D-49-38-D-d	
suối Cây Đa	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát					14° 04' 03"	109° 02' 10"	109° 03' 54"	D-49-38-D-d	
thôn Chánh An	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 38"	109° 00' 56"						D-49-39-C-c	
núi Đầu Voi	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 05' 32"	108° 59' 56"						D-49-39-C-c	
núi Động Chùa	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 54"	109° 04' 16"						D-49-39-C-c	
Chợ Gồm	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 53"	109° 02' 35"						D-49-39-C-c	
thôn Hoà Hội	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 02' 25"	109° 02' 54"						D-49-39-C-c	
chợ Hoà Hội	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 02' 24"	109° 02' 44"						D-49-39-C-c	
hồ Hóc Cau	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 03' 13"	109° 03' 54"						D-49-39-C-c	
núi Hòn Dung Tháp	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 02' 35"	109° 04' 52"						D-49-39-C-c	
thôn Khánh Lộc	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 05' 05"	109° 02' 54"						D-49-39-C-c	
thôn Khánh Phước	DC	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 04' 46"	109° 01' 59"						D-49-39-C-c	
ga Khánh Phước	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 05' 19"	109° 02' 10"						D-49-39-C-c	
cầu Khánh Phước 3	KX	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 04' 18"	109° 02' 28"						D-49-39-C-c	
sông La Tinh	TV	xã Cát Hải	H. Phù Cát			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"		D-49-39-C-c	
núi Lường Cày	SV	xã Cát Hải	H. Phù Cát	14° 04' 41"	109° 02' 53"						D-49-39-C-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Một	SV	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 03' 03"	109° 01' 37"					D-49-39-C-c
thôn Mỹ Hoà	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 03' 16"	109° 02' 44"					D-49-39-C-c
cầu Mỹ Hoà	KX	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 05' 19"	109° 02' 10"					D-49-39-C-c
chợ Phù Ly	KX	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 05' 25"	109° 02' 13"					D-49-39-C-c
Núi Rạch	SV	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 02' 28"	109° 03' 22"					D-49-39-C-c
thôn Tân Hoà Bắc	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 04' 23"	109° 00' 37"					D-49-39-C-c
thôn Tân Hoà Nam	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 03' 12"	109° 00' 13"					D-49-39-C-c
thôn Tân Xuân	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 05' 16"	109° 02' 16"					D-49-39-C-c
chùa Từ Quang	KX	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 02' 03"	109° 02' 56"					D-49-39-C-c
cầu Vạn Thiên	KX	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 05' 39"	109° 02' 09"					D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Kiên	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 05' 33"	109° 03' 18"					D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Long	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 04' 38"	109° 01' 12"					D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Trường	DC	xã Cát Hanh	H. Phù Cát	14° 03' 52"	109° 02' 41"					D-49-39-C-c
đường tỉnh 634	KX	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 02' 00"	109° 02' 56"	14° 09' 05"	108° 57' 22"	D-49-39-C-c
đường tỉnh 639B	KX	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-D-d
suối Bến Thang	TV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 01' 34"	109° 00' 16"	14° 00' 47"	109° 01' 58"	D-49-39-C-c
suối Cây Dầu	TV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 02' 24"	108° 58' 22"	14° 00' 30"	108° 59' 36"	D-49-38-D-d
Suối Đá	TV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 03' 08"	109° 00' 00"	14° 01' 03"	109° 01' 55"	D-49-38-D-d; D-49-39-C-c
thôn Hoà Đại	DC	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 02' 35"	109° 00' 24"					D-49-39-C-c
thôn Hội Vân	DC	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 01' 11"	109° 01' 30"					D-49-39-C-c
núi Hòn Khi	SV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 02' 05"	108° 55' 35"					D-49-38-D-d
núi Hòn Lớn	SV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 01' 46"	108° 56' 44"					D-49-38-D-d
suối Mạ Voi	TV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 02' 25"	108° 57' 45"	14° 01' 03"	109° 01' 55"	D-49-38-D-d; D-49-39-C-c
Núi Một	SV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 03' 03"	109° 01' 37"					D-49-39-C-c
suối Nước Khoáng	TV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát			14° 01' 03"	109° 01' 55"	14° 00' 01"	109° 02' 42"	D-49-39-C-c
núi Tam Đan	SV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 02' 36"	108° 56' 56"					D-49-38-D-d
thôn Tùng Chánh	DC	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 01' 19"	108° 59' 56"					D-49-38-D-d
núi Việt Xan	SV	xã Cát Hiệp	H. Phù Cát	14° 01' 05"	108° 57' 24"					D-49-38-D-d
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Hưng	H. Phù Cát			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-51-A-b
Núi Bà	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	14° 01' 30"	109° 12' 12"					D-49-39-C-d
sông Cây Bông	TV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát			13° 57' 31"	109° 10' 09"	13° 54' 44"	109° 13' 48"	D-49-39-C-d; D-49-51-A-b
núi Cây Táo	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 57' 54"	109° 12' 07"					D-49-51-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
núi Đá Trại	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 59' 29"	109° 10' 16"			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-b
sông Đập Đá	TV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát					14° 00' 19"	109° 11' 13"	13° 57' 42"	109° 11' 18"	D-49-39-C-d; D-49-51-A-b
Suối Đèo	TV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Hội Lộc	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 59' 11"	109° 11' 17"							D-49-51-A-b
thôn Hưng Mỹ 1	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 58' 00"	109° 10' 01"							D-49-51-A-b
thôn Hưng Mỹ 2	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 57' 59"	109° 10' 27"							D-49-51-A-b
núi Lỗ Cu	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 59' 43"	109° 09' 22"							D-49-51-A-b
thôn Lộc Khánh	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 57' 59"	109° 11' 31"							D-49-51-A-b
chùa Long Sơn	KX	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 59' 14"	109° 11' 30"							D-49-51-A-b
thôn Mỹ Long	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 58' 45"	109° 10' 54"							D-49-51-A-b
thôn Mỹ Thuận	DC	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	14° 00' 00"	109° 10' 59"							D-49-51-A-b
hồ Mỹ Thuận	TV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	14° 00' 34"	109° 11' 00"							D-49-39-C-d
sông Ông Quờn	TV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát					13° 59' 34"	109° 13' 10"	13° 57' 36"	109° 11' 35"	D-49-51-A-b
núi Sơn Rái	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	14° 00' 50"	109° 09' 56"							D-49-39-C-d
chùa Tịnh Lâm	KX	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 57' 45"	109° 11' 42"							D-49-51-A-b
núi Trù Bồ	SV	xã Cát Hưng	H. Phù Cát	13° 59' 34"	109° 12' 15"							D-49-51-A-b
đường tỉnh 633	KX	xã Cát Khánh	H. Phù Cát					14° 03' 46"	109° 02' 35"	14° 07' 33"	109° 12' 14"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-d
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Khánh	H. Phù Cát					14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-d
thôn An Nhuận	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 53"	109° 10' 34"							D-49-39-C-d
thôn An Quang Đông	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 07' 27"	109° 11' 54"							D-49-39-C-d
thôn An Quang Tây	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 07' 33"	109° 11' 53"							D-49-39-C-b
Núi Bà	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 46"	109° 08' 38"							D-49-39-C-d
đập Cây Cam	KX	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 06' 54"	109° 11' 20"							D-49-39-C-d
thôn Chánh Lợi	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 06' 30"	109° 11' 49"							D-49-39-C-d
Hòn Chông	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 04' 50"	109° 08' 06"							D-49-39-C-d
sông Đập Làng	TV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát					14° 03' 51"	109° 10' 23"	14° 07' 24"	109° 11' 25"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-d
cửa Đê Gi	TV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 07' 44"	109° 12' 04"							D-49-39-C-b
đầm Đê Gi	TV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 08' 59"	109° 10' 42"							D-49-39-C-b
sông Đông Lâm	TV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát					14° 04' 32"	109° 08' 17"	14° 06' 57"	109° 11' 13"	D-49-39-C-d
Núi Gành	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 06' 54"	109° 09' 47"							D-49-39-C-d
núi Gò Sặc	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 04' 54"	109° 10' 01"							D-49-39-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Hàm Sương	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 04' 38"	109° 09' 36"					D-49-39-C-d
hồ Hóc Xeo	TV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 45"	109° 09' 54"					D-49-39-C-d
Núi Một	SV	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 22"	109° 10' 30"					D-49-39-C-d
thôn Ngải An	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 07' 21"	109° 10' 45"					D-49-39-C-d
cầu Ngòi	KX	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 07' 25"	109° 11' 24"					D-49-39-C-d
thôn Phú Đồng	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 29"	109° 10' 08"					D-49-39-C-d
thôn Phú Long	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 05' 45"	109° 10' 36"					D-49-39-C-d
thôn Thắng Kiên	DC	xã Cát Khánh	H. Phù Cát	14° 06' 04"	109° 11' 07"					D-49-39-C-d
đường tỉnh 634	KX	xã Cát Lâm	H. Phù Cát			14° 02' 00"	109° 02' 56"	14° 09' 05"	108° 57' 22"	D-49-38-D-d
đường tỉnh 639B	KX	xã Cát Lâm	H. Phù Cát			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-D-d
thôn An Diêm	DC	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 04' 38"	108° 59' 23"			14° 02' 54"	108° 56' 27"	D-49-38-D-d
suối Bà Lễ	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát					14° 04' 16"	108° 57' 50"	D-49-38-D-d
suối Cây Trai	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát							D-49-38-D-d
thôn Đại Khoang	DC	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 04' 46"	108° 58' 10"					D-49-39-C-c
núi Đầu Voi	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 05' 32"	108° 59' 56"					D-49-38-D-d
núi Gia Kết	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 05' 04"	108° 53' 42"					D-49-38-D-d
núi Heng Tre	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 07' 08"	108° 54' 43"					D-49-38-D-d
thôn Hiệp Long	DC	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 04' 21"	108° 59' 38"					D-49-38-D-d
núi Hòn Khì	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 02' 05"	108° 55' 35"					D-49-38-D-d
núi Hòn Quýt	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 04' 43"	108° 56' 24"					D-49-38-D-d
núi Hòn Táo	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 07' 09"	108° 55' 19"					D-49-38-D-d
sông La Tinh	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"	D-49-38-D-d; D-49-39-C-c
thôn Long Định	DC	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 05' 40"	108° 58' 34"					D-49-38-D-d
núi Rồng Ấp	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 06' 32"	108° 55' 59"					D-49-38-D-d
hồ Suối Tre	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 05' 42"	108° 55' 52"					D-49-38-D-d
hồ Tam Sơn	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 04' 14"	108° 55' 16"					D-49-38-D-d
thôn Thuận Phong	DC	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 03' 39"	108° 57' 44"					D-49-38-D-d
Núi Thượng	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát	14° 02' 54"	108° 55' 08"			14° 06' 55"	108° 54' 00"	D-49-38-D-d
Suối Tre	TV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát			14° 05' 54"	108° 53' 42"			D-49-38-D-d
núi Vóc Cá	SV	xã Cát Lâm	H. Phù Cát							D-49-38-D-d
đường tỉnh 633	KX	xã Cát Minh	H. Phù Cát			14° 03' 46"	109° 02' 35"	14° 07' 33"	109° 12' 14"	D-49-39-C-c; D-49-39-C-b; D-49-39-C-d
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Minh	H. Phù Cát			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-39-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Núi Bà	SV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 05' 46"	109° 08' 38"						D-49-39-C-d	
Núi Bé	SV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 06' 35"	109° 08' 49"						D-49-39-C-d	
suối Bờ Cản	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát			14° 06' 58"	109° 08' 23"	14° 07' 39"	109° 08' 43"		D-49-39-C-b; D-49-39-C-d	
suối Cầu Đu	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát								D-49-39-C-c	
suối Cầu Quát	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát								D-49-39-C-c	
đầm Đẻ Gi	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát								D-49-39-C-c	
sông Đức Phổ	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 08' 59"	109° 10' 42"						D-49-39-C-b	
đập Đức Phổ	KX	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 08' 26"	109° 09' 22"			14° 08' 49"	109° 10' 01"		D-49-39-C-b	
thôn Đức Phổ 1	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 52"	109° 09' 54"						D-49-39-C-b	
thôn Đức Phổ 2	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 08' 42"	109° 09' 07"						D-49-39-C-b	
Núi Gành	SV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 06' 54"	109° 09' 47"						D-49-39-C-d	
thôn Gia Lạc	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 06' 07"	109° 07' 29"						D-49-39-C-d	
thôn Gia Thạnh	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 06' 43"	109° 08' 24"						D-49-39-C-d	
hồ Hóc Huy	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 06' 06"	109° 07' 44"						D-49-39-C-d	
sông La Tinh	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát								D-49-39-C-b	
hồ Mù Rùa	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 01"	109° 09' 14"			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	D-49-39-C-d	
suối Ô Ô	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát					14° 06' 13"	109° 07' 13"	14° 06' 58"	D-49-39-C-c; D-49-39-C-d	
chùa Phước Lâm	KX	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 53"	109° 09' 32"						D-49-39-C-b	
Lạch Phường	TV	xã Cát Minh	H. Phù Cát					14° 08' 46"	109° 09' 04"	14° 09' 20"	D-49-39-C-b	
thôn Trung An	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 28"	109° 08' 10"						D-49-39-C-d	
thôn Trung Chánh	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 04"	109° 07' 34"						D-49-39-C-d	
thôn Xuân An	DC	xã Cát Minh	H. Phù Cát	14° 07' 54"	109° 09' 05"						D-49-39-C-b	
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Nhom	H. Phù Cát					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	D-49-51-A-b	
thôn An Nông	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 56' 56"	109° 09' 07"						D-49-51-A-b	
Núi Bà	SV	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	14° 00' 31"	109° 08' 20"						D-49-39-C-d	
thôn Chánh Mẫn	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 56' 51"	109° 07' 23"						D-49-51-A-a	
thôn Chánh Nhom	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 58' 10"	109° 07' 48"						D-49-51-A-b	
núi Đá Chông	SV	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 58' 53"	109° 07' 52"						D-49-51-A-b	
miếu Đá Chông	KX	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 58' 45"	109° 07' 41"						D-49-51-A-b	
thôn Đại Ân	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 58' 19"	109° 08' 13"						D-49-51-A-b	
thôn Đại Hào	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 57' 35"	109° 09' 25"						D-49-51-A-b	
thôn Đại Hữu	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 57' 16"	109° 08' 24"						D-49-51-A-b	
thôn Đại Lợi	DC	xã Cát Nhom	H. Phù Cát	13° 57' 53"	109° 08' 24"						D-49-51-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
sông Đập Đá	TV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
Núi Đất	SV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 56' 49"	109° 07' 59"					D-49-51-A-b
núi Đầu Voi	SV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 59' 03"	109° 07' 30"					D-49-51-A-a
hồ Hố Đậu	TV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 58' 43"	109° 08' 53"					D-49-51-A-b
sông La Vi	TV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát			14° 00' 01"	109° 02' 42"	13° 57' 14"	109° 07' 53"	D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
thôn Liên Trì	DC	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 57' 55"	109° 09' 00"					D-49-51-A-b
núi Lễ Cù	SV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 59' 43"	109° 09' 22"					D-49-51-A-b
Trường Tiểu học Số 1 Cát Nhon	KX	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 57' 03"	109° 08' 06"					D-49-51-A-b
núi Sơn Rái	SV	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	14° 00' 50"	109° 09' 56"					D-49-39-C-d
thôn Trung Bình	DC	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 57' 30"	109° 09' 43"					D-49-51-A-b
chợ Văn Hoá	KX	xã Cát Nhon	H. Phù Cát	13° 57' 57"	109° 08' 42"					D-49-51-A-b
đường tỉnh 634	KX	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 02' 00"	109° 02' 56"	14° 09' 05"	108° 57' 22"	D-49-38-D-b; D-49-38-D-d
núi Cái Gong Xi Xong	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 11' 52"	108° 55' 47"					D-49-38-D-b
Cầu Dây	KX	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 39"	108° 58' 00"					D-49-38-D-d
cầu Dịch Nghi	KX	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 08' 48"	108° 57' 18"					D-49-38-D-d
núi Đa Mã	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 07' 31"	108° 56' 53"					D-49-38-D-d
suối Đập Làng	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 11' 28"	108° 54' 25"	14° 10' 21"	108° 56' 20"	D-49-38-D-b
suối Đập Ông Tân	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 13' 11"	108° 56' 56"	14° 10' 33"	108° 57' 14"	D-49-38-D-b
Núi Đất	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 41"	108° 59' 02"					D-49-38-D-d
núi Đầu Bèo	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 19"	109° 00' 07"					D-49-38-D-d
núi Đầu Voi	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 05' 32"	108° 59' 56"					D-49-39-C-c
núi Gò Vang	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 07' 44"	108° 58' 19"					D-49-38-D-b
núi Hèng Tre	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 07' 08"	108° 54' 43"					D-49-38-D-d
thôn Hội Sơn	DC	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 07' 54"	108° 57' 39"					D-49-38-D-b
hồ Hội Sơn	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 09' 40"	108° 57' 07"					D-49-38-D-b
núi Hòn Chè	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 08' 59"	108° 55' 12"					D-49-38-D-b
núi Hòn Hoàng	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 13' 24"	108° 56' 58"					D-49-38-D-b
núi Hòn Nọc	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 08' 06"	108° 53' 38"					D-49-38-D-b
núi Hòn Táo	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 07' 09"	108° 55' 19"					D-49-38-D-d
sông La Tinh	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"	D-49-38-D-b; D-49-38-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Núi Một	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 59"	108° 57' 29"							D-49-38-D-d
kênh N.C	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 09' 10"	108° 57' 29"	14° 06' 53"	108° 58' 37"			D-49-38-D-b; D-49-38-D-d
kênh N.C.1	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát					14° 08' 04"	108° 57' 55"	14° 06' 19"	108° 57' 32"	D-49-38-D-b; D-49-38-D-d
núi Rồng Ấp	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 32"	108° 55' 59"							D-49-38-D-d
suối Sa Ván	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 12' 12"	108° 58' 19"	14° 10' 45"	108° 57' 22"			D-49-38-D-b
hồ Thạch Bàn	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 54"	108° 58' 41"							D-49-38-D-d
thôn Thạch Bàn Đông	DC	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 05' 56"	108° 59' 03"							D-49-38-D-d
thôn Thạch Bàn Tây	DC	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 06' 19"	108° 58' 15"							D-49-38-D-d
suối Trà Mã	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 08' 43"	108° 54' 32"	14° 06' 41"	108° 58' 05"			D-49-38-D-b; D-49-38-D-d
suối Vực Xanh	TV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát			14° 08' 13"	108° 52' 44"	14° 09' 59"	108° 56' 35"			D-49-38-D-b
núi Xa Rong	SV	xã Cát Sơn	H. Phù Cát	14° 09' 26"	108° 58' 05"							D-49-38-D-b
đường tỉnh 633	KX	xã Cát Tài	H. Phù Cát			14° 03' 46"	109° 02' 35"	14° 07' 33"	109° 12' 14"			D-49-39-C-c
thôn Cảnh An	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 06' 44"	109° 06' 25"							D-49-39-C-c
suối Cầu Đu	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát					14° 05' 30"	109° 06' 46"	14° 06' 13"	109° 07' 13"	D-49-39-C-c
suối Cầu Quát	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát					14° 05' 47"	109° 07' 32"	14° 06' 13"	109° 07' 13"	D-49-39-C-c
thôn Chánh Danh	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 53"	109° 06' 54"							D-49-39-C-c
Hòn Chông	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 04' 50"	109° 08' 06"							D-49-39-C-d
núi Chóp Mặt Quý	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 03' 38"	109° 05' 46"							D-49-39-C-c
Suối Chùa	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát			14° 03' 46"	109° 06' 50"	14° 05' 30"	109° 06' 46"			D-49-39-C-c
Hòn Chuông	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 03' 20"	109° 07' 08"							D-49-39-C-c
Chóp Cóc	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 04' 35"	109° 04' 48"							D-49-39-C-c
núi Động Chùa	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 03' 54"	109° 04' 16"							D-49-39-C-c
suối Hồ Xoài	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát			14° 03' 36"	109° 05' 24"	14° 04' 43"	109° 05' 10"			D-49-39-C-c
hồ Hồ Xoài	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 04' 52"	109° 05' 13"							D-49-39-C-c
thôn Hoà Hiệp	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 09"	109° 04' 56"							D-49-39-C-c
núi Hòn Dung Cao	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 03' 36"	109° 06' 36"							D-49-39-C-c
sông La Tinh	TV	xã Cát Tài	H. Phù Cát			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"			D-49-39-C-a; D-49-39-C-c
chùa Linh Ấn	KX	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 48"	109° 06' 04"							D-49-39-C-c
thôn Phú Hiệp	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 07' 09"	109° 06' 58"							D-49-39-C-c
núi Se Sè	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 07' 09"	109° 06' 04"							D-49-39-C-c
thôn Thái Bình	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 06' 16"	109° 05' 38"							D-49-39-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
hòn Thái Phú	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 49"	109° 05' 20"						D-49-39-C-c	
hòn Thái Thuận	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 55"	109° 06' 22"						D-49-39-C-c	
hòn Vĩnh Thành	DC	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 05' 55"	109° 04' 01"						D-49-39-C-c	
òn Vọng Phu	SV	xã Cát Tài	H. Phù Cát	14° 03' 44"	109° 07' 55"						D-49-39-C-d	
quốc lộ 1A	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"		D-49-39-C-c	
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"		D-49-51-A-a	
hòn Bình Đức	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 56' 53"	109° 03' 58"						D-49-51-A-a	
Suối Đục	TV	xã Cát Tân	H. Phù Cát			14° 00' 30"	108° 59' 36"	13° 59' 01"	109° 03' 09"		D-49-51-A-a	
thôn Hoà Đông	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 27"	109° 04' 13"						D-49-51-A-a	
cầu Hoà Đông 1	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 56"	109° 03' 50"						D-49-51-A-a	
thôn Hữu Hạnh	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 59' 04"	109° 01' 19"						D-49-51-A-a	
thôn Kiều An	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 25"	109° 03' 55"						D-49-51-A-a	
cầu Kiều An 2	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 13"	109° 03' 43"						D-49-51-A-a	
thôn Kiều Huyện	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 33"	109° 04' 48"						D-49-51-A-a	
sông La Vĩ	TV	xã Cát Tân	H. Phù Cát			14° 00' 01"	109° 02' 42"	13° 57' 14"	109° 07' 53"		D-49-51-A-a	
sân bay Phú Cát	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 03"	109° 03' 00"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Hoà	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 47"	109° 03' 04"						D-49-51-A-a	
thôn Tân Lệ	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 21"	109° 01' 43"						D-49-51-A-a	
sông Thị Lự	TV	xã Cát Tân	H. Phù Cát			13° 55' 00"	109° 03' 03"	13° 57' 14"	109° 06' 05"		D-49-51-A-a	
chùa Tịnh An	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 31"	109° 03' 43"						D-49-51-A-a	
núi Trà Rang	SV	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 15"	109° 00' 45"						D-49-51-A-a	
miếu Xóm Bắc	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 58"	109° 04' 59"						D-49-51-A-a	
miếu Xóm Tây Nam	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 58' 42"	109° 04' 19"						D-49-51-A-a	
sông Cây Bông	TV	xã Cát Tân	H. Phù Cát			13° 57' 31"	109° 10' 09"	13° 54' 44"	109° 13' 48"		D-49-51-A-b	
sông Đập Đá	TV	xã Cát Tân	H. Phù Cát			13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"		D-49-51-A-b	
thôn Hưng Trị	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 03"	109° 10' 16"						D-49-51-A-b	
thôn Long Hậu	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 56' 28"	109° 11' 20"						D-49-51-A-b	
thôn Mỹ Bình	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 14"	109° 11' 06"						D-49-51-A-b	
thôn Phú Giáo	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 56' 28"	109° 10' 59"						D-49-51-A-b	
thôn Vĩnh Phú	DC	xã Cát Tân	H. Phù Cát	13° 57' 47"	109° 10' 19"						D-49-51-A-b	
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Tân	H. Phù Cát			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"		D-49-39-C-d	
núi An Ngự	SV	xã Cát Tân	H. Phù Cát	14° 04' 21"	109° 10' 16"						D-49-39-C-d	
Núi Cẩm	SV	xã Cát Tân	H. Phù Cát	14° 04' 14"	109° 10' 01"						D-49-39-C-d	
núi Chà Cá	SV	xã Cát Tân	H. Phù Cát	14° 05' 28"	109° 11' 13"						D-49-39-C-d	
núi Chà Gầu	SV	xã Cát Tân	H. Phù Cát	14° 04' 31"	109° 11' 02"						D-49-39-C-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm				Toạ độ điểm đầu				
				Toạ độ		Toạ độ		Toạ độ		Toạ độ		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Chánh Hoà	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
thôn Chánh Hùng	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
hồ Chánh Hùng	TV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
thôn Chánh Thắng	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
thôn Chánh Thiện	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
Hòn Chuông	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-c
mũi Đá Giăng	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
núi Đá Vàng	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
sông Đập Làng	TV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
sông Đồng Lâm	TV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
núi Gò Sặc	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
núi Hàm Sương	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
thôn Hoà Lạc	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
suối Lò Tha	TV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
Núi Một	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
thôn Phú Trung	DC	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
hòn Vọng Phu	SV	xã Cát Thành	H. Phù Cát									D-49-39-C-d
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
đường tỉnh 639	KX	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
đường tỉnh 640	KX	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
Núi Bà	SV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
Núi Bà	SV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
chùa Bảo Lâm	KX	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
sông Cây Bông	TV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
núi Cây Táo	SV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Chánh Đạt	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
sông Đập Đá	TV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Phú Hậu	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Phương Phi	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Phương Thái	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Tân Tiến	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
chùa Thái Phong	KX	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Trung Lương	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
thôn Trường Thạnh	DC	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b
hòn Vọng Phu	SV	xã Cát Tiến	H. Phù Cát									D-49-51-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
quốc lộ 1A	KX	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 00' 26"	109° 05' 20"	14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-C-c
thôn An Đực	DC	xã Cát Trinh	H. Phù Cát									D-49-39-C-c
Suối Chay	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát					14° 00' 50"	109° 04' 59"	14° 01' 56"	109° 05' 17"	D-49-39-C-c
núi Chóp Mặt Quý	SV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 03' 38"	109° 05' 46"					D-49-39-C-c
Hòn Chuông	SV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 03' 20"	109° 07' 08"					D-49-39-C-c
núi Hòn Dung Cao	SV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 03' 36"	109° 06' 36"					D-49-39-C-c
núi Hòn Dung Thấp	SV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 02' 35"	109° 04' 52"					D-49-39-C-c
suối Lò Ó	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát					14° 02' 52"	109° 06' 29"	14° 02' 09"	109° 05' 38"	D-49-39-C-c
Suối Ngang	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát					14° 02' 23"	109° 06' 40"	14° 02' 04"	109° 05' 42"	D-49-39-C-c
suối Nước Khoáng	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát					14° 01' 03"	109° 01' 55"	14° 00' 01"	109° 02' 42"	D-49-39-C-c
thôn Phong An	DC	xã Cát Trinh	H. Phù Cát									D-49-39-C-c
thôn Phú Kim	DC	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			13° 59' 51"	109° 04' 15"					D-49-51-A-a
thôn Phú Nhơn	DC	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 00' 46"	109° 03' 32"					D-49-39-C-c
hồ Suối Chay	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 00' 38"	109° 04' 28"					D-49-39-C-c
hồ Tường Sơn	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 02' 00"	109° 05' 28"					D-49-39-C-c
suối Vực Sóng	TV	xã Cát Trinh	H. Phù Cát			14° 00' 35"	109° 06' 43"			14° 03' 34"	109° 06' 00"	D-49-39-C-c
								14° 03' 34"	109° 06' 00"	14° 02' 16"	109° 05' 20"	D-49-39-C-c
quốc lộ 19B	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
Núi Bà	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát			14° 00' 31"	109° 08' 20"					D-49-39-C-d
thôn Chánh Hoà	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 57' 54"	109° 06' 00"					D-49-51-A-a
thôn Chánh Lạc	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 57' 41"	109° 06' 18"					D-49-51-A-a
thôn Chánh Liêm	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 58' 02"	109° 07' 08"					D-49-51-A-a
thôn Chánh Lý	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 57' 07"	109° 06' 50"					D-49-51-A-a
sông Đập Đá	TV	xã Cát Tường	H. Phù Cát					13° 54' 50"	109° 01' 47"	13° 54' 17"	109° 13' 43"	D-49-51-A-a
núi Đầu Voi	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 59' 03"	109° 07' 30"					D-49-51-A-a
núi Đồng Tiền	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 57' 41"	109° 06' 11"					D-49-51-A-a
Núi Gai	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 59' 41"	109° 06' 54"					D-49-51-A-a
chùa Giác Phong	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 57' 04"	109° 06' 14"					D-49-51-A-a
chùa Hội Phước	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 58' 24"	109° 06' 47"					D-49-51-A-a
thôn Kiều Đông	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 58' 27"	109° 05' 17"					D-49-51-A-a
sông La VT	TV	xã Cát Tường	H. Phù Cát					14° 00' 01"	109° 02' 42"	13° 57' 14"	109° 07' 53"	D-49-51-A-a
chùa Long Quang	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 58' 05"	109° 05' 31"					D-49-51-A-a
núi Mỏ O	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 56' 48"	109° 06' 28"					D-49-51-A-a
thôn Phú Gia	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát			13° 58' 48"	109° 05' 24"					D-49-51-A-a
sông Thị Lự	TV	xã Cát Tường	H. Phù Cát					13° 55' 00"	109° 03' 03"	13° 57' 14"	109° 06' 05"	D-49-51-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
chùa Thiên Xá	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 58' 34"	109° 05' 48"					D-49-51-A-a
Núi Tranh	SV	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 57' 24"	109° 06' 29"					D-49-51-A-a
chùa Tường Quang	KX	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 59' 26"	109° 06' 22"					D-49-51-A-a
thôn Tường Sơn	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 59' 46"	109° 06' 15"					D-49-51-A-a
hồ Tường Sơn	TV	xã Cát Tường	H. Phù Cát	14° 00' 35"	109° 06' 43"					D-49-39-C-c
thôn Xuân An	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 58' 19"	109° 06' 34"					D-49-51-A-a
thôn Xuân Quang	DC	xã Cát Tường	H. Phù Cát	13° 58' 08"	109° 05' 17"					D-49-51-A-a
quốc lộ 1A	KX	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-A-c
đường tỉnh 632	KX	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-A-c
cụm công nghiệp Bình Dương	KX	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 47"	109° 05' 20"					D-49-39-A-c
cầu Bình Dương	KX	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 18' 02"	109° 04' 34"					D-49-39-A-c
suối Cống Sơn	TV	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ			14° 17' 27"	109° 01' 42"	14° 18' 07"	109° 04' 37"	D-49-39-A-c
thôn Dương Liễu Bắc	DC	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 18' 12"	109° 04' 52"					D-49-39-A-c
thôn Dương Liễu Đông	DC	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 39"	109° 05' 12"					D-49-39-A-c
thôn Dương Liễu Nam	DC	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 20"	109° 04' 59"					D-49-39-A-c
thôn Dương Liễu Tây	DC	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 57"	109° 04' 38"					D-49-39-A-c
suối Ông Ôm	TV	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ			14° 16' 12"	109° 03' 32"	14° 18' 41"	109° 05' 52"	D-49-39-A-c
đồi Sa Lem	SV	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 31"	109° 04' 52"					D-49-39-A-c
Bàu Sen	TV	TT. Bình Dương	H. Phù Mỹ	14° 17' 02"	109° 04' 26"					D-49-39-A-c
thôn An Lạc Đông 1	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 44"	109° 02' 43"					D-49-39-C-a
thôn An Lạc Đông 2	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 57"	109° 02' 38"					D-49-39-C-a
suối Bình Trị	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 11' 28"	109° 03' 00"	14° 07' 42"	109° 03' 11"	D-49-39-C-a
cầu Bốn Thôn	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 09' 15"	109° 02' 38"					D-49-39-C-a
thôn Diêm Tiêu	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 12' 14"	109° 03' 54"					D-49-39-C-a
cụm công nghiệp Diêm Tiêu	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 12' 13"	109° 03' 30"					D-49-39-C-a
suối Đá Bạc	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 11' 10"	109° 00' 25"	14° 09' 48"	109° 03' 04"	D-49-39-C-a
suối Đập Bàu	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 12' 25"	109° 03' 17"	14° 11' 28"	109° 03' 00"	D-49-39-C-a
Gò Đò	SV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 11' 27"	109° 02' 31"					D-49-39-C-a
cầu Đồng Đá	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 11' 58"	109° 04' 01"					D-49-39-C-a
suối Đồng Lạc	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 11' 28"	109° 03' 00"	14° 10' 57"	109° 03' 04"	D-49-39-C-a
đường Hai Bà Trưng	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-C-a
Suối Khế	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ			14° 08' 27"	109° 01' 05"	14° 09' 27"	109° 02' 24"	D-49-39-C-a
Hồ Lũng	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 11' 32"	109° 02' 20"					D-49-39-C-a
chợ Phù Mỹ	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 05"	109° 03' 05"					D-49-39-C-a
thôn Phú Thiện	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 03"	109° 02' 31"					D-49-39-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đường Quang Trung	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ					14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-C-a
Suối Sơn	TV	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ					14° 09' 20"	109° 01' 19"	14° 08' 38"	109° 02' 53"	D-49-39-C-a
thôn Trà Quang	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 14"	109° 02' 53"							D-49-39-C-a
cầu Trà Quang 1	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 47"	109° 03' 00"							D-49-39-C-a
cầu Trà Quang 2	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 09' 19"	109° 02' 38"							D-49-39-C-a
thôn Trà Quang Bắc	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 47"	109° 03' 08"							D-49-39-C-a
thôn Trà Quang Nam	DC	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 09' 47"	109° 02' 54"							D-49-39-C-a
cầu Tường An 1	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 53"	109° 03' 04"							D-49-39-C-a
cầu Tường An 2	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 10' 57"	109° 03' 04"							D-49-39-C-a
cầu Ván 1	KX	TT. Phù Mỹ	H. Phù Mỹ	14° 11' 48"	109° 03' 04"							D-49-39-C-a
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"			D-49-39-A-d; D-49-39-C-b
đường tỉnh 639	KX	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"			D-49-39-A-d
thôn Chánh Giáo	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 08"	109° 09' 32"							D-49-39-A-d
làng nghề Chế biến Xuất khẩu Cá Cơm	KX	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 17' 06"	109° 10' 27"							D-49-39-A-d
hồ Đá Bàn	TV	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 15' 59"	109° 09' 25"							D-49-39-A-d
Đồi Gành	SV	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 56"	109° 10' 58"							D-49-39-A-d
Khu di tích Hồ Đá Bàn	KX	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 15' 59"	109° 09' 14"							D-49-39-A-d
thôn Hoà Ninh	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 25"	109° 08' 35"							D-49-39-A-d
Cầu Kiềm	KX	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 18"	109° 08' 56"							D-49-39-A-d
Núi Lò	SV	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 53"	109° 08' 17"							D-49-39-A-d
Núi Lớn	SV	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 14' 45"	109° 07' 52"							D-49-39-C-b
thôn Thuận Đạo	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 15' 03"	109° 09' 47"							D-49-39-C-b
thôn Xuân Bình	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 51"	109° 10' 24"							D-49-39-A-d
thôn Xuân Phương	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 17' 06"	109° 09' 36"							D-49-39-A-d
thôn Xuân Thạnh	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 48"	109° 10' 41"							D-49-39-A-d
thôn Xuân Thạnh Nam	DC	xã Mỹ An	H. Phù Mỹ	14° 16' 34"	109° 10' 32"							D-49-39-A-d
đường tỉnh 639	KX	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"			D-49-39-C-b
thôn An Mỹ	DC	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 09' 00"	109° 08' 50"							D-49-39-C-b
sông Bàu Đá	TV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ			14° 07' 42"	109° 06' 58"	14° 07' 40"	109° 05' 54"			D-49-39-C-a
Núi Bé	SV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 03"	109° 06' 47"							D-49-39-C-a
Sông Cạn	TV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ			14° 07' 49"	109° 06' 58"	14° 10' 15"	109° 09' 25"			D-49-39-C-a; D-49-39-C-b
thôn Chánh Hội	DC	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 16"	109° 07' 33"							D-49-39-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Núi Dải	SV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 24"	109° 06' 36"						D-49-39-C-a	
Núi Dứa	SV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 41"	109° 06' 40"						D-49-39-C-a	
sông Đức Phổ	TV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ					14° 07' 39"	109° 08' 43"	14° 08' 49"	109° 10' 01"	D-49-39-C-b
thôn Hội Thuận	DC	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 22"	109° 06' 57"							D-49-39-C-a
sông La Tinh	TV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ					14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-a
Lạch Phường	TV	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ					14° 08' 46"	109° 09' 04"	14° 09' 20"	109° 09' 54"	D-49-39-C-b
thôn Trinh Long Khánh	DC	xã Mỹ Cát	H. Phù Mỹ	14° 08' 33"	109° 08' 32"							D-49-39-C-b
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ					14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-a
đường tỉnh 639	KX	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ					14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-39-C-b
thôn An Hoà	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 10"	109° 07' 38"							D-49-39-C-b
núi An Hoà	SV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 56"	109° 07' 22"							D-49-39-C-b
chùa An Hoà	KX	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 20"	109° 07' 30"							D-49-39-C-a
thôn An Hoan	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 07"	109° 07' 55"							D-49-39-C-b
thôn An Lương	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 26"	109° 07' 19"							D-49-39-C-a
thôn An Xuyên 1	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 28"	109° 08' 19"							D-49-39-C-b
thôn An Xuyên 2	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 24"	109° 08' 33"							D-49-39-C-b
thôn An Xuyên 3	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 35"	109° 09' 02"							D-49-39-C-b
sông Bến Tré	TV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ					14° 09' 50"	109° 06' 43"	14° 10' 20"	109° 09' 20"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-a
Núi Bò	SV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 11' 03"	109° 09' 00"							D-49-39-C-a
Sông Cạn	TV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ					14° 07' 49"	109° 06' 58"	14° 10' 15"	109° 09' 25"	D-49-39-C-b; D-49-39-C-a
thôn Chánh An	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 31"	109° 07' 34"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Thiện	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 44"	109° 06' 59"							D-49-39-C-a
thôn Công Trung	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 25"	109° 08' 25"							D-49-39-C-b
núi Đá Rúi	SV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 27"	109° 06' 22"							D-49-39-C-a
núi Đá Táo	SV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 11' 28"	109° 07' 23"							D-49-39-C-a
thôn Đông An	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 08' 51"	109° 07' 23"							D-49-39-C-a
chùa Giác Viên	KX	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 08' 47"	109° 07' 37"							D-49-39-C-b
thôn Hiệp An	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 04"	109° 07' 26"							D-49-39-C-a
hồ Hồ Tranh	TV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 11' 03"	109° 08' 06"							D-49-39-C-b
sông La Tinh	TV	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ					14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"	D-49-39-C-b
thôn Lương Thái	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 08' 56"	109° 08' 25"							D-49-39-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
thôn Lương Trung	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 08' 59"	109° 08' 04"					D-49-39-C-b
cụm công nghiệp Mỹ Chánh	KX	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 30"	109° 06' 46"					D-49-39-C-a
thôn Thái An	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 08' 44"	109° 07' 35"					D-49-39-C-b
thôn Thượng An	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 09' 40"	109° 07' 38"					D-49-39-C-b
thôn Trung Xuân	DC	xã Mỹ Chánh	H. Phù Mỹ	14° 10' 29"	109° 08' 35"					D-49-39-C-b
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-C-a
núi An Hoà	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 56"	109° 07' 22"					D-49-39-C-a
núi Chà Rang	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 09' 12"	109° 05' 42"					D-49-39-C-a
hồ Chòi Hiền	TV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 11' 20"	109° 06' 14"					D-49-39-C-a
núi Đá Rùi	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 09' 27"	109° 06' 22"					D-49-39-C-a
núi Đá Tảo	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 11' 28"	109° 07' 23"					D-49-39-C-a
Núi Lớn	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 12' 09"	109° 06' 11"					D-49-39-C-a
hồ Nhà Hồ	TV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 11' 42"	109° 06' 50"					D-49-39-C-a
núi Thu Me	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 55"	109° 05' 20"					D-49-39-C-a
núi Trập Tre	SV	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 12' 25"	109° 05' 42"					D-49-39-C-a
thôn Trung Bình	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 26"	109° 06' 09"					D-49-39-C-a
thôn Trung Hậu	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 09' 56"	109° 05' 39"					D-49-39-C-a
thôn Trung Hiệp	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 25"	109° 06' 28"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thứ	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 14"	109° 05' 23"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thuận	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 06"	109° 06' 11"					D-49-39-C-a
thôn Trung Tường	DC	xã Mỹ Chánh Tây	H. Phù Mỹ	14° 10' 26"	109° 06' 52"					D-49-39-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-A-c
Trung tâm Đăng kiểm Cơ giới Thủy bộ Bình Định	KX	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 19' 56"	109° 02' 42"					D-49-39-A-c
Suối Cạn	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 20' 47"	109° 02' 36"	14° 20' 04"	109° 03' 57"	D-49-39-A-c
sông Cầu Cọ	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 19' 02"	109° 04' 32"	14° 19' 08"	109° 06' 00"	D-49-39-A-c
thôn Châu Trúc	DC	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 19' 33"	109° 05' 56"					D-49-39-A-c
núi Chóp Chài	SV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 22' 28"	109° 04' 34"					D-49-39-A-c
sông Đập Bé	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 22' 11"	109° 04' 26"	14° 19' 42"	109° 04' 34"	D-49-39-A-c
sông Đập Đệ	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 20' 04"	109° 03' 57"	14° 19' 03"	109° 04' 44"	D-49-39-A-c
hồ Đập Ký	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 19' 10"	109° 02' 38"					D-49-39-A-c
sông Đập Thanh	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ			14° 19' 10"	109° 02' 41"	14° 18' 32"	109° 03' 18"	D-49-39-A-c
núi Gò Xáy	SV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 20' 54"	109° 01' 35"					D-49-39-A-c
hồ Hóc Mòn	TV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 20' 59"	109° 04' 48"					D-49-39-A-c
núi Lai Khan	SV	xã Mỹ Châu	H. Phù Mỹ	14° 21' 21"	109° 01' 18"					D-49-39-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Lộc Thái	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 20' 26"	109° 02' 54"						D-49-39-A-c	
hồ Lộc Thái	TV	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 20' 59"	109° 02' 35"						D-49-39-A-c	
Trạm Thực nghiệm Nuôi trồng Thủy sản Mỹ Châu	KX	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 21' 02"	109° 03' 00"						D-49-39-A-c	
thôn Mỹ Trang	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 19' 19"	109° 05' 31"						D-49-39-A-c	
suối Ông Diêu	TV	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ			14° 18' 41"	109° 04' 08"	14° 19' 02"	109° 04' 32"		D-49-39-A-c	
đèo Phú Cũ	KX	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 21' 34"	109° 02' 09"						D-49-39-A-c	
thôn Quang Nghiễm	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 20' 22"	109° 03' 25"						D-49-39-A-c	
đám Trà Ó	TV	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 18' 47"	109° 07' 01"						D-49-39-A-c	
thôn Trà Trung	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 19' 23"	109° 04' 55"						D-49-39-A-c	
thôn Vạn An	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 19' 37"	109° 03' 36"						D-49-39-A-c	
cầu Vạn An	KX	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 20' 01"	109° 03' 11"						D-49-39-A-c	
thôn Vạn Lương	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 19' 38"	109° 03' 09"						D-49-39-A-c	
thôn Vạn Thiện	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 19' 35"	109° 04' 39"						D-49-39-A-c	
thôn Vạn Thiệt	DC	xã Mỹ Châu	H. Phú Mỹ	14° 20' 15"	109° 04' 19"						D-49-39-A-c	
đường tỉnh 639	KX	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"		D-49-39-A-c; D-49-39-A-a+b	
thôn An Giang Đông	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 20' 26"	109° 06' 09"						D-49-39-A-c	
thôn An Giang Tây	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 20' 29"	109° 05' 50"						D-49-39-A-c	
đầy Bò Hóp	SV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 23' 24"	109° 06' 30"						D-49-39-A-a+b	
suối Cái Rung	TV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ			14° 24' 18"	109° 05' 17"	14° 23' 09"	109° 05' 49"		D-49-39-A-a+b	
Hòn Cao	SV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 24' 30"	109° 05' 25"						D-49-39-A-a+b	
đầy Cây Diếp	SV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 23' 46"	109° 04' 58"						D-49-39-A-a+b	
núi Chóp Chài	SV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 28"	109° 04' 34"						D-49-39-A-c	
Cầu Cừ	KX	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 20"	109° 07' 01"						D-49-39-A-c	
núi Đồng Dài	SV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 23' 53"	109° 06' 05"						D-49-39-A-a+b	
Sông Đào	TV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ			14° 20' 20"	109° 07' 05"	14° 22' 21"	109° 07' 12"		D-49-39-A-c; D-49-39-A-a+b	
cầu Hà Ra	KX	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 24"	109° 06' 45"						D-49-39-A-c	
thôn Hoà Tân	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 21' 02"	109° 06' 50"						D-49-39-A-c	
thôn Phú Hà	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 33"	109° 07' 08"						D-49-39-A-c	
hồ Phú Hà	TV	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 43"	109° 06' 07"						D-49-39-A-a+b	
thôn Phú Hoà	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 34"	109° 07' 05"						D-49-39-A-a+b	
thôn Phú Thứ	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 45"	109° 07' 05"						D-49-39-A-a+b	
thôn Tân Phú	DC	xã Mỹ Đức	H. Phú Mỹ	14° 22' 02"	109° 07' 19"						D-49-39-A-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
đầm Trà Ó	TV	xã Mỹ Đức	H. Phù Mỹ	14° 18' 47"	109° 07' 01"					D-49-39-A-c
quốc lộ 1A	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-C-c; D-49-39-C-a
đường tỉnh 639B	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-39-C-a; D-49-39-C-c
thôn An Trĩnh	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 35"	109° 03' 00"					D-49-39-C-c
núi Bàng Đầu	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 28"	109° 03' 43"					D-49-39-C-c
suối Bàu Bạc	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ					14° 12' 41"	109° 05' 20"	D-49-39-C-a
thôn Bình Long	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 05' 59"	109° 02' 20"					D-49-39-C-c
cầu Bình Long	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 05' 53"	109° 02' 13"					D-49-39-C-c
cầu Bình Tân	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 28"	109° 02' 38"					D-49-39-C-a
thôn Bình Tân Đông	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 39"	109° 02' 24"					D-49-39-C-a
thôn Bình Tân Tây	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 27"	109° 01' 28"					D-49-39-C-a
suối Bình Trị	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 11' 28"	109° 03' 00"	14° 07' 42"	109° 03' 11"	D-49-39-C-a
Núi Cấm	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 45"	109° 03' 29"					D-49-39-C-a
hồ Chí Hoà	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 22"	109° 00' 36"					D-49-39-C-c
Núi Chùa	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 05' 50"	109° 03' 29"					D-49-39-C-c
thôn Đại Sơn	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 12"	109° 01' 41"					D-49-39-C-a
thôn Đại Thạnh	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 44"	109° 02' 38"					D-49-39-C-a
cụm công nghiệp Đại Thạnh	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 02"	109° 02' 20"					D-49-39-C-c
thôn Đại Thuận	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 46"	109° 02' 17"					D-49-39-C-c
hồ Đập Cúc	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 30"	109° 00' 58"					D-49-39-C-a
hồ Đập Phô	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 09' 19"	109° 01' 12"					D-49-39-C-a
hồ Đập Rọc Đình	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 09' 42"	109° 01' 05"					D-49-39-C-a
núi Đầu Bèo	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 19"	109° 00' 07"					D-49-39-C-c
núi Đầu Voi	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 10' 13"	109° 00' 40"					D-49-39-C-a
Suối Giền	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 08' 49"	109° 03' 10"	14° 07' 09"	109° 03' 14"	D-49-39-C-a; D-49-39-C-c
thôn Hoà Nghĩa	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 09' 54"	109° 01' 12"					D-49-39-C-a
thôn Hữu Lộc	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 05' 37"	109° 01' 15"					D-49-39-C-c
Suối Khê	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 08' 27"	109° 01' 05"	14° 09' 27"	109° 02' 24"	D-49-39-C-a
suối Kiều Duyên	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 07' 09"	109° 03' 14"	14° 05' 37"	109° 03' 22"	D-49-39-C-a
Núi Lát	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 03"	109° 00' 04"					D-49-39-C-c
sông La Tinh	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"	D-49-39-C-c
Núi Mun	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 18"	109° 04' 08"					D-49-39-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Núi Nhỏ	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 48"	109° 04' 01"			14° 09' 20"	109° 01' 19"	14° 08' 38"	109° 02' 53"	D-49-39-C-a
Suối Sơn	TV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ					14° 09' 20"	109° 01' 19"	14° 08' 38"	109° 02' 53"	D-49-39-C-a
thôn Thạnh An	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 19"	109° 02' 10"							D-49-39-C-a
cầu Thạnh An	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 24"	109° 02' 38"							D-49-39-C-a
chùa Thiên Phước	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 00"	109° 03' 04"							D-49-39-C-c
cầu Trà Bình	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 56"	109° 02' 38"							D-49-39-C-a
thôn Trà Bình Đông	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 08' 53"	109° 02' 31"							D-49-39-C-a
thôn Trà Bình Tây	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 09' 09"	109° 01' 51"							D-49-39-C-a
Núi Trọc	SV	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 07"	109° 01' 30"							D-49-39-C-c
thôn Tú Dương	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 07' 38"	109° 03' 25"							D-49-39-C-a
thôn Vạn Lộc	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 52"	109° 03' 29"							D-49-39-C-c
cầu Vạn Phước	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 19"	109° 02' 20"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Phước Đông	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 49"	109° 01' 58"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Phước Tây	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 42"	109° 01' 17"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Thiện	DC	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 06' 22"	109° 00' 54"							D-49-39-C-c
cầu Vạn Thiện	KX	xã Mỹ Hiệp	H. Phù Mỹ	14° 05' 37"	109° 02' 02"							D-49-39-C-c
đường tỉnh 639B	KX	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"			D-49-39-C-a
thôn An Lạc 1	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 12' 01"	109° 01' 34"							D-49-39-C-a
thôn An Lạc 2	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 14"	109° 01' 41"							D-49-39-C-a
Núi Chùa	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 30"	108° 59' 42"							D-49-38-D-b
Núi Chùa	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 33"	109° 01' 08"							D-49-39-C-a
suối Đá Bạc	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 11' 10"	109° 00' 25"	14° 09' 48"	109° 03' 04"			D-49-39-C-a
suối Đá Bàn	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 10' 31"	108° 59' 13"	14° 10' 54"	109° 00' 04"			D-49-38-D-b; D-49-39-C-a
hồ Đập Lỏi	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 13' 08"	108° 59' 49"							D-49-38-D-b
núi Đầu Voi	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 13"	109° 00' 40"							D-49-39-C-a
hồ Đông Phò	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 09' 42"	109° 01' 30"							D-49-39-C-a
thôn Gia Ván	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 30"	108° 58' 19"							D-49-38-D-b
hồ Giàn Tranh	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 49"	109° 00' 47"							D-49-39-C-a
suối Hóc Đèo	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 11' 02"	108° 59' 35"	14° 11' 44"	108° 59' 06"			D-49-38-D-b
thôn Hội Khánh	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 34"	109° 00' 40"							D-49-39-C-a
hồ Hội Khánh	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 12' 14"	108° 59' 10"							D-49-38-D-b
thôn Hội Phú	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 12' 09"	109° 00' 40"							D-49-39-C-a
núi Hòn Giếng	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 13' 52"	108° 58' 29"							D-49-38-D-b
Đập Miếu	KX	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 14"	109° 02' 06"							D-49-39-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
hồ Ông Ròng	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 12' 01"	109° 00' 32"					D-49-39-C-a
Núi Phù	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 31"	109° 01' 23"					D-49-39-C-a
ga Phù Mỹ	KX	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 08"	109° 02' 17"					D-49-39-C-a
thôn Phú Thiện	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 01"	109° 01' 50"					D-49-39-C-a
thôn Phước Thọ	DC	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 00"	109° 01' 05"					D-49-39-C-a
Đập Quang	KX	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 38"	109° 01' 16"					D-49-39-C-a
suối Rộc Đù	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 12' 53"	109° 00' 32"	14° 11' 33"	109° 02' 10"	D-49-39-C-a
suối Sa Ván	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 12' 12"	108° 58' 19"	14° 10' 45"	108° 57' 22"	D-49-38-D-b
Suối Sơn	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 09' 37"	109° 01' 55"	14° 08' 38"	109° 02' 53"	D-49-39-C-a
Suối Sơn	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ			14° 09' 20"	109° 01' 19"	14° 09' 37"	109° 01' 55"	D-49-39-C-a
Núi Suý	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 10' 24"	109° 01' 48"					D-49-39-C-a
hồ Tây Dâu	TV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 05"	109° 00' 25"					D-49-39-C-a
chùa Thiên Sanh	KX	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 11' 45"	109° 00' 04"					D-49-39-C-a
Gò Tranh	SV	xã Mỹ Hoà	H. Phù Mỹ	14° 12' 37"	109° 00' 54"					D-49-39-C-a
quốc lộ 1A	KX	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 11"	109° 03' 50"	14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-C-a
thôn An Bào	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 19"	109° 02' 38"					D-49-39-A-c
thôn An Tường	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 34"	109° 01' 41"					D-49-39-A-c
hồ Cây Sung	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ			14° 17' 27"	109° 01' 42"	14° 18' 07"	109° 04' 37"	D-49-39-A-c
suối Công Sơn	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 15' 57"	109° 02' 42"					D-49-39-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 37"	109° 02' 35"					D-49-39-A-c
thôn Cầu Thành	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ			14° 18' 32"	109° 03' 18"	14° 18' 41"	109° 04' 08"	D-49-39-A-c
suối Đập Giao	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ			14° 19' 10"	109° 02' 41"	14° 18' 32"	109° 03' 18"	D-49-39-A-c
suối Đập Thanh	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ							D-49-39-A-c
hồ Đập Thoại	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 29"	109° 02' 31"					D-49-39-A-c
cầu Gò Mè	KX	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 19' 13"	109° 03' 47"					D-49-39-A-c
thôn Nghĩa Lộc	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 26"	109° 04' 15"					D-49-39-A-c
suối Ông Diệu	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ			14° 18' 41"	109° 04' 08"	14° 19' 02"	109° 04' 32"	D-49-39-A-c
suối Ông Ôm	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ			14° 16' 12"	109° 03' 32"	14° 18' 41"	109° 05' 52"	D-49-39-A-c
hồ Sò Bó	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 16' 38"	109° 02' 20"					D-49-39-A-c
thôn Tân Lộc	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 01"	109° 04' 16"					D-49-39-A-c
thôn Tân Ốc	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 15"	109° 03' 54"					D-49-39-A-c
chùa Tường Vân	KX	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 08"	109° 04' 23"					D-49-39-A-c
thôn Vạn Định	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 54"	109° 02' 31"					D-49-39-A-c
thôn Vạn Phú	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 19' 03"	109° 03' 54"					D-49-39-A-c
ga Vạn Phú	KX	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 57"	109° 03' 43"					D-49-39-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
cầu Vạn Phú	KX	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 18' 41"	109° 04' 08"					D-49-39-A-c
hồ Vạn Sơn	TV	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 19' 10"	109° 01' 59"					D-49-39-A-c
thôn Vĩnh Thuận	DC	xã Mỹ Lộc	H. Phù Mỹ	14° 17' 38"	109° 03' 22"					D-49-39-A-c
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-A-c; D-49-39-A-d
suối Cầu Tánh	TV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ			14° 16' 50"	109° 05' 21"	14° 17' 31"	109° 07' 01"	D-49-39-A-c
thôn Chánh Khoan Đông	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 18' 15"	109° 05' 38"					D-49-39-A-c
thôn Chánh Khoan Nam	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 18' 26"	109° 05' 37"					D-49-39-A-c
thôn Chánh Khoan Tây	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 17' 20"	109° 05' 46"					D-49-39-A-c
cầu Chuông Chà	KX	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 25"	109° 08' 13"					D-49-39-A-d
hồ Hóc Miêu	TV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 06"	109° 07' 34"					D-49-39-A-d
Núi Lồi	SV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 53"	109° 08' 17"					D-49-39-A-d
Núi Lớn	SV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 14' 45"	109° 07' 52"					D-49-39-C-b
Núi Miêu	SV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 15' 25"	109° 07' 01"					D-49-39-A-c
thôn Mỹ Phú Bắc	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 17' 09"	109° 07' 09"					D-49-39-A-c
thôn Mỹ Phú Đông	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 30"	109° 07' 52"					D-49-39-A-c
thôn Mỹ Phú Nam	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 46"	109° 07' 13"			14° 16' 12"	109° 03' 32"	D-49-39-A-c
suối Ông Ồm	TV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ					14° 18' 41"	109° 05' 52"	D-49-39-A-c
thôn Phú Ninh Đông	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 47"	109° 06' 49"					D-49-39-A-c
thôn Phú Ninh Tây	DC	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 16' 56"	109° 06' 19"					D-49-39-A-c
Cầu Tánh	KX	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 17' 11"	109° 06' 00"					D-49-39-A-c
đầm Trà Ó	TV	xã Mỹ Lợi	H. Phù Mỹ	14° 18' 47"	109° 07' 01"					D-49-39-A-c
quốc lộ 1A	KX	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-39-A-c; D-49-39-C-a
Núi Bé	SV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 38"	109° 04' 16"					D-49-39-A-c
núi Cách Kỳ	SV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 22"	109° 03' 47"					D-49-39-A-c
suối Cầu Tánh	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ			14° 16' 50"	109° 05' 21"	14° 17' 31"	109° 07' 01"	D-49-39-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 57"	109° 02' 42"					D-49-39-A-c
hồ Đập Sinh	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 46"	109° 03' 22"					D-49-39-A-c
Di tích Lịch sử Đèo Nhông	KX	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 44"	109° 04' 25"					D-49-39-C-a
thôn Gia Hội	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 30"	109° 05' 42"					D-49-39-C-a
Suối Giã	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ			14° 15' 31"	109° 03' 32"	14° 16' 50"	109° 05' 21"	D-49-39-A-c
hồ Hải Lương	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 44"	109° 04' 16"					D-49-39-C-a
cầu Mất Sạn	KX	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 07"	109° 04' 37"					D-49-39-A-c
Núi Miêu	SV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 25"	109° 07' 01"					D-49-39-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Núi Nghệ	SV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 55"	109° 04' 26"	14° 16' 12"	109° 03' 32"	14° 18' 41"	109° 05' 52"	D-49-39-C-a
súoi Ông Ôm	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ							D-49-39-A-c
thôn Phú Đức	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 13"	109° 06' 11"					D-49-39-A-c
thôn Phú Nhiều	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 41"	109° 05' 13"					D-49-39-C-a
thôn Phú Quang	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 31"	109° 05' 56"					D-49-39-A-c
thôn Phước Chánh	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 21"	109° 04' 19"					D-49-39-A-c
thôn Phước Thuận	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 38"	109° 05' 56"					D-49-39-A-c
hồ Suối Sờ	TV	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 14' 21"	109° 05' 53"					D-49-39-C-a
thôn Văn Trường	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 37"	109° 04' 41"					D-49-39-A-c
cầu Văn Trường	KX	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 06"	109° 04' 37"					D-49-39-A-c
thôn Văn Trường Đông	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 54"	109° 05' 13"					D-49-39-A-c
thôn Văn Trường Tây	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 15"	109° 04' 40"					D-49-39-A-c
thôn Vĩnh An	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 15' 56"	109° 06' 22"					D-49-39-A-c
thôn Vĩnh Bình	DC	xã Mỹ Phong	H. Phù Mỹ	14° 16' 14"	109° 04' 41"					D-49-39-A-c
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-C-a
súoi Bà Túc	TV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ			14° 12' 02"	109° 04' 54"	14° 10' 16"	109° 03' 38"	D-49-39-C-a
súoi Bàu Trại	TV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ			14° 10' 16"	109° 03' 38"	14° 08' 49"	109° 03' 10"	D-49-39-C-a
thôn Bình Trị	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 10' 35"	109° 03' 29"					D-49-39-C-a
súoi Bình Trị	TV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ			14° 11' 28"	109° 03' 00"	14° 07' 42"	109° 03' 11"	D-49-39-C-a
Núi Cấm	SV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 08' 45"	109° 03' 29"					D-49-39-C-a
súoi Cầm Mù U	TV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ			14° 10' 31"	109° 04' 08"	14° 09' 59"	109° 04' 37"	D-49-39-C-a
Núi Giàu	SV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 09' 24"	109° 04' 26"					D-49-39-C-a
Núi Mùn	SV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 08' 18"	109° 04' 08"					D-49-39-C-a
hồ Núi Giàu	TV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 09' 50"	109° 04' 41"					D-49-39-C-a
Núi Rùa	SV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 08' 59"	109° 04' 19"					D-49-39-C-a
thôn Tân An	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 11' 21"	109° 04' 19"					D-49-39-C-a
núi Trấp Tre	SV	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 12' 25"	109° 05' 42"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thành 1	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 10' 12"	109° 04' 22"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thành 2	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 09' 41"	109° 03' 11"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thành 3	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 09' 38"	109° 03' 54"					D-49-39-C-a
thôn Trung Thành 4	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 09' 10"	109° 03' 46"					D-49-39-C-a
thôn Tường An	DC	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 11' 02"	109° 03' 18"					D-49-39-C-a
Công ty cổ phần Gạch Tuynel	KX	xã Mỹ Quang	H. Phù Mỹ	14° 10' 18"	109° 03' 50"					D-49-39-C-a
núi Bàng Đầu	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 06' 28"	109° 03' 43"					D-49-39-C-c
sông Bàu Đá	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 07' 42"	109° 06' 58"	14° 07' 40"	109° 05' 54"	D-49-39-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
núi Chà Rang	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 09' 12"	109° 05' 42"							D-49-39-C-a
Núi Chùa	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 05' 50"	109° 03' 29"							D-49-39-C-c
bàu Cửa Khẩu	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 07' 40"	109° 05' 54"	14° 07' 21"	109° 05' 17"			D-49-39-C-c; D-49-39-C-a
Núi Dài	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 24"	109° 06' 36"							D-49-39-C-a
Núi Dừa	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 41"	109° 06' 40"							D-49-39-C-a
Bàu Hùng	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 07' 21"	109° 05' 17"	14° 06' 12"	109° 04' 49"			D-49-39-C-a
thôn Kiên Phú	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 51"	109° 06' 10"							D-49-39-C-c
sông La Tinh	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 09' 03"	108° 57' 25"	14° 10' 09"	109° 09' 25"			D-49-39-C-a
Bàu Miếu	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 06' 12"	109° 04' 49"	14° 05' 23"	109° 03' 50"			D-49-39-C-c
Núi Mun	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 18"	109° 04' 08"							D-49-39-C-a
thôn Mỹ Hội 1	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 09' 25"	109° 04' 55"							D-49-39-C-a
thôn Mỹ Hội 2	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 44"	109° 05' 45"							D-49-39-C-a
thôn Mỹ Hội 3	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 33"	109° 05' 07"							D-49-39-C-a
Núi Nhỏ	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 48"	109° 04' 01"							D-49-39-C-a
Di tích Lịch sử Núi Mun	KX	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 17"	109° 04' 20"							D-49-39-C-a
núi Se Sê	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 09"	109° 06' 04"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Ninh 1	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 06' 36"	109° 04' 21"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Ninh 2	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 06' 07"	109° 04' 35"							D-49-39-C-c
thôn Vạn Thái	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 05' 56"	109° 04' 01"							D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Lý	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 16"	109° 05' 44"							D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Nhon	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 01"	109° 04' 47"							D-49-39-C-c
thôn Vĩnh Phú 3	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 46"	109° 05' 25"							D-49-39-C-a
thôn Vĩnh Phú 7	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 35"	109° 04' 47"							D-49-39-C-a
thôn Vĩnh Phú 8	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 23"	109° 04' 22"							D-49-39-C-c
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ			14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"			D-49-39-C-b
chùa Báo Sơn	KX	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 11' 27"	109° 09' 32"							D-49-39-C-b
hồ Cây Me	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 11' 43"	109° 09' 25"							D-49-39-C-b
Núi Dốc	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 54"	109° 12' 11"							D-49-39-C-b
Núi Dứng	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 08' 16"	109° 13' 23"							D-49-39-C-b
cửa Đê Gi	TV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 44"	109° 12' 04"							D-49-39-C-b
thôn Hoà Hội Bắc	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 12' 32"	109° 10' 08"							D-49-39-C-b
thôn Hoà Hội Nam	DC	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 11' 49"	109° 10' 11"							D-49-39-C-b
núi Hòn Giữa	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 51"	109° 12' 32"							D-49-39-C-b
núi Hòn Lang	SV	xã Mỹ Tài	H. Phù Mỹ	14° 07' 51"	109° 12' 58"							D-49-39-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
núi Hòn Toi	SV	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 08' 03"	109° 13' 08"						D-49-39-C-b	
thôn Hưng Lạc	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 10' 42"	109° 10' 19"						D-49-39-C-b	
thôn Hưng Tân	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 09' 29"	109° 11' 14"						D-49-39-C-b	
sông Lạch Mối	TV	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ					14° 13' 28"	109° 08' 13"	109° 09' 32"	D-49-39-C-b	
thôn Vĩnh Lợi 1	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 08' 24"	109° 11' 50"						D-49-39-C-b	
thôn Vĩnh Lợi 2	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 08' 14"	109° 11' 55"						D-49-39-C-b	
thôn Vĩnh Lợi 3	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 08' 02"	109° 12' 03"						D-49-39-C-b	
thôn Xuân Bình Bắc	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 11' 41"	109° 09' 43"						D-49-39-C-b	
thôn Xuân Bình Nam	DC	xã Mỹ Thành	H. Phú Mỹ	14° 10' 55"	109° 09' 36"						D-49-39-C-b	
Thôn 4	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 17' 27"	109° 08' 37"						D-49-39-A-d	
thôn 7 Bắc	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 18' 13"	109° 08' 36"						D-49-39-A-d	
thôn 7 Nam	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 17' 50"	109° 09' 06"						D-49-39-A-d	
thôn 8 Đông	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 19' 32"	109° 08' 43"						D-49-39-A-d	
thôn 8 Tây	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 18' 57"	109° 08' 08"						D-49-39-A-d	
Thôn 9	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 19' 42"	109° 08' 36"						D-49-39-A-d	
Thôn 10	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 19' 31"	109° 07' 12"						D-49-39-A-c	
thôn 11	DC	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 20' 00"	109° 07' 08"			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"	D-49-39-A-c
đường tỉnh 639	KX	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ									D-49-39-A-d
Di tích Lịch sử Bìa Chứng Tích Thôn 10	KX	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 19' 30"	109° 07' 20"							D-49-39-A-c
Sông Đào	TV	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ					14° 20' 20"	109° 07' 05"	14° 22' 21"	109° 07' 12"	D-49-39-A-c; D-49-39-A-a+b
Núi Lồi	SV	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 16' 53"	109° 08' 17"							D-49-39-A-d
Bàu Sen	TV	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 19' 16"	109° 07' 48"							D-49-39-A-d; D-49-39-A-c
đầm Trà Ó	TV	xã Mỹ Thắng	H. Phú Mỹ	14° 18' 47"	109° 07' 01"							D-49-39-A-d; D-49-39-A-c
đường tỉnh 632	KX	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ					14° 17' 54"	109° 04' 37"	14° 10' 28"	109° 02' 56"	D-49-39-C-b
Núi Cẩm	SV	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 59"	109° 11' 38"							D-49-39-C-b
thôn Cát Tường	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 08"	109° 08' 53"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Đạo	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 17"	109° 08' 17"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Trạch 1	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 55"	109° 10' 13"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Trạch 2	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 34"	109° 10' 31"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Trạch 3	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 58"	109° 09' 43"							D-49-39-C-b
thôn Chánh Trạch	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phú Mỹ	14° 13' 03"	109° 09' 32"							D-49-39-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Chánh Tường	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 12' 31"	109° 09' 40"						D-49-39-C-b	
thôn Đại Lương	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 12' 22"	109° 08' 56"						D-49-39-C-b	
núi Gò Dưa	SV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 14' 27"	109° 11' 24"						D-49-39-C-b	
hồ Hồ Cứng	TV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 12' 12"	109° 08' 20"						D-49-39-C-b	
hồ Hóc Nhạn	TV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 13' 24"	109° 08' 02"						D-49-39-C-b	
sông Lạch Mới	TV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ			14° 13' 28"	109° 08' 13"	14° 10' 21"	109° 09' 32"		D-49-39-C-b	
Núi Lớn	SV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 14' 45"	109° 07' 52"						D-49-39-C-b	
hồ Mù U	TV	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 12' 37"	109° 08' 06"						D-49-39-C-b	
thôn Tân Phụng 1	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 14' 00"	109° 11' 11"						D-49-39-C-b	
thôn Tân Phụng 2	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 13' 56"	109° 11' 16"						D-49-39-C-b	
thôn Tân Thành	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 13' 08"	109° 10' 30"						D-49-39-C-b	
thôn Thuận An	DC	xã Mỹ Thọ	H. Phù Mỹ	14° 14' 08"	109° 09' 41"						D-49-39-C-b	
quốc lộ 1A	KX	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"		D-49-39-C-a	
đường tỉnh 631	KX	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ			14° 12' 56"	109° 03' 49"	14° 19' 09"	108° 57' 20"		D-49-39-C-a; D-49-39-A-c	
đường tỉnh 639B	KX	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ			14° 13' 19"	109° 02' 18"	14° 05' 27"	109° 00' 52"		D-49-39-C-a	
Gò Bền	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 45"	109° 01' 01"						D-49-39-C-a	
núi Cách Kỵ	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 15' 22"	109° 03' 47"						D-49-39-A-c	
thôn Chánh Thuận	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 06"	109° 03' 25"						D-49-39-C-a	
Bàu Cống	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 53"	109° 00' 50"						D-49-39-C-a	
hồ Diêm Tiêu	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 39"	109° 04' 19"						D-49-39-C-a	
hồ Dốc Đá	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 39"	109° 01' 34"						D-49-39-C-a	
núi Đá Móc	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 46"	109° 02' 31"						D-49-39-C-a	
suối Đập Bàu	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ			14° 12' 25"	109° 03' 17"	14° 11' 37"	109° 03' 00"		D-49-39-C-a	
hồ Đập Thiết	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 37"	109° 03' 25"						D-49-39-C-a	
Núi Giang	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 16"	109° 01' 16"						D-49-39-C-a	
hồ Hồ Voi	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 22"	109° 00' 47"						D-49-39-C-a	
suối Húc Giang	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ			14° 14' 15"	109° 01' 48"	14° 12' 25"	109° 03' 17"		D-49-39-C-a	
thôn Lạc Sơn	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 15"	109° 01' 55"						D-49-39-C-a	
Núi Nhông	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 27"	109° 03' 43"						D-49-39-C-a	
Đèo Nhông	KX	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 14' 39"	109° 04' 19"						D-49-39-C-a	
Gò Rộng	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 06"	109° 00' 47"						D-49-39-C-a	
Gò Thiêng	SV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 58"	109° 02' 20"						D-49-39-C-a	
thôn Trà Lương	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 58"	109° 03' 32"						D-49-39-C-a	
thôn Trinh Văn Bắc	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 23"	109° 01' 27"						D-49-39-C-a	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Trinh Văn Nam	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 27"	109° 01' 18"						D-49-39-C-a	
thôn Trục Đạo	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 21"	109° 02' 18"						D-49-39-C-a	
thôn Trung Bình	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 12' 23"	109° 02' 53"						D-49-39-C-a	
thôn Trung Hội	DC	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 13' 13"	109° 02' 28"						D-49-39-C-a	
hồ Trung Sơn	TV	xã Mỹ Trinh	H. Phù Mỹ	14° 15' 06"	109° 02' 10"						D-49-39-A-c	
Khối 1	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 55' 09"	108° 55' 16"						D-49-50-B-b	
khối 1A	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 55' 22"	108° 54' 55"						D-49-50-B-b	
Khối 2	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 45"	108° 54' 51"						D-49-50-B-b	
Khối 3	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	108° 55' 00"						D-49-50-B-b	
Khối 4	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 27"	108° 54' 44"						D-49-50-B-b	
Khối 5	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 24"	108° 55' 05"						D-49-50-B-b	
quốc lộ 19	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"		D-49-50-B-b	
quốc lộ 19B	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"		D-49-50-B-b	
suối Bà Trung	TV	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn			13° 57' 53"	108° 54' 09"	13° 55' 24"	108° 54' 35"		D-49-50-B-b	
đền thờ Bùi Thị Xuân	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 21"	108° 55' 32"						D-49-50-B-b	
Sông Côn	TV	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	D-49-50-B-b	
núi Đá Trắng	SV	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 32"	108° 53' 08"						D-49-50-B-b	
sông Đồng Hưu	TV	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn			13° 52' 48"	108° 51' 50"	13° 54' 53"	108° 54' 41"		D-49-50-B-b	
suối Đồng Sim	TV	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn			13° 47' 57"	108° 55' 54"	13° 54' 24"	108° 56' 24"		D-49-50-B-b	
cầu Đồng Sim	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 09"	108° 56' 06"						D-49-50-B-b	
khối Hoà Lạc	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 35"	108° 54' 03"						D-49-50-B-b	
cầu Kiên Mỹ	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 55' 05"	108° 55' 12"						D-49-50-B-b	
cầu Kiên Mỹ	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 58"	108° 55' 00"						D-49-50-B-b	
cầu Phú Phong	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 45"	108° 54' 34"						D-49-50-B-b	
khối Phú Văn	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 15"	108° 54' 53"						D-49-50-B-b	
khối Phú Xuân	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 54' 32"	108° 55' 42"						D-49-50-B-b	
bảo tàng Quang Trung	KX	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 55' 28"	108° 55' 10"						D-49-50-B-b	
khối Thuận Nghĩa	DC	TT. Phú Phong	H. Tây Sơn	13° 55' 00"	108° 56' 15"						D-49-50-B-b	
quốc lộ 19B	KX	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"		D-49-50-B-b	
đường tỉnh 639B	KX	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"		D-49-50-B-b	
núi Cấm Dưới	SV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 37"	108° 58' 55"						D-49-50-B-b	
Sông Côn	TV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-50-B-b	
thôn Đồng Hoà	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 54' 52"	108° 56' 43"						D-49-50-B-b	
tháp Dương Long	KX	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 35"	108° 59' 19"						D-49-50-B-b	
thôn Kiên Thành	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 54' 55"	108° 58' 14"						D-49-50-B-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
Sông Quáo	TV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn					14° 07' 31"	108° 52' 59"	13° 54' 44"	108° 58' 18"	D-49-50-B-b
Mương Sóng	TV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn					13° 56' 29"	108° 59' 11"	13° 56' 31"	108° 58' 46"	D-49-50-B-b
Núi Thơm	SV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 00"	108° 58' 23"							D-49-50-B-b
chợ Trường Định	KX	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 37"	108° 59' 16"							D-49-50-B-b
thôn Trường Định 1	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 41"	108° 57' 50"							D-49-50-B-b
thôn Trường Định 2	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 56' 23"	108° 57' 04"							D-49-50-B-b
mương Văn Phong	TV	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn					13° 55' 29"	108° 57' 16"	13° 55' 02"	108° 57' 47"	D-49-50-B-b
thôn Văn Tường	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 56' 00"	108° 58' 47"							D-49-50-B-b
thôn Vĩnh Lộc	DC	xã Bình Hoà	H. Tây Sơn	13° 55' 02"	108° 57' 40"							D-49-50-B-b
Thôn 1	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 53' 53"	108° 57' 46"							D-49-50-B-b
Thôn 2	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 53' 22"	108° 58' 48"							D-49-50-B-b
Thôn 3	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 52' 29"	108° 59' 55"							D-49-50-B-d
Thôn 4	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 51' 42"	108° 59' 37"							D-49-50-B-d
quốc lộ 19	KX	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn					13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-50-B-b
đường tỉnh 636B	KX	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn					13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"	D-49-50-B-b
núi Chà Rây	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 52' 42"	109° 00' 42"							D-49-51-A-a
Sông Côn	TV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-50-B-b
núi Đồng Cây	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 51' 01"	109° 00' 25"							D-49-51-A-c
núi Đồng Ông Công	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 51' 35"	109° 00' 24"							D-49-51-A-c
cầu Đập Bộng	KX	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 52' 21"	109° 00' 11"							D-49-51-A-c
núi Hóc Giếng	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 51' 15"	109° 00' 22"							D-49-51-A-c
núi Hóc Khê	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 51' 07"	109° 00' 00"							D-49-50-B-d
núi Hòn Tượng	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 50' 17"	108° 59' 57"							D-49-50-B-d
thôn Lai Nghi	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 53' 36"	108° 58' 16"							D-49-50-B-b
suối Nước Xanh	TV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn					13° 52' 03"	108° 57' 31"	13° 54' 18"	108° 57' 37"	D-49-50-B-b; D-49-50-B-d
núi Sao Cò	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 50' 28"	108° 57' 10"							D-49-50-B-d
núi Sóc Xiêm	SV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 49' 55"	108° 56' 52"							D-49-50-B-d
hồ Thủ Thiện	TV	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 52' 22"	108° 58' 36"							D-49-50-B-d
thôn Thủ Thiện Hạ	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 52' 53"	108° 59' 31"							D-49-50-B-b
thôn Thủ Thiện Thượng	DC	xã Bình Nghi	H. Tây Sơn	13° 54' 02"	108° 59' 01"							D-49-50-B-b
thôn An Hội	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn	13° 58' 33"	108° 56' 48"							D-49-50-B-b
suối Bà Đeo	TV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn					14° 02' 14"	108° 55' 55"	13° 59' 01"	108° 56' 31"	D-49-38-D-d; D-49-50-B-b
hồ Bàu Nặng	TV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn	13° 56' 53"	108° 58' 22"							D-49-50-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
suối Cây Cơm	TV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 57' 57"	108° 56' 11"	13° 59' 32"	108° 54' 30"	13° 58' 24"	108° 56' 28"	D-49-50-B-b
Núi Đất	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 57' 57"	108° 56' 11"					D-49-50-B-b
núi Hồ Xoài	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 01' 28"	108° 55' 35"					D-49-38-D-d
núi Hòn Cúc	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 00' 50"	108° 56' 49"					D-49-38-D-d
núi Hòn Cui Cứng	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 01' 14"	108° 56' 49"					D-49-38-D-d
núi Hòn Dề	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 59' 59"	108° 52' 37"					D-49-50-B-b
núi Hòn Khi	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 02' 05"	108° 55' 35"					D-49-38-D-d
núi Hòn Lớn	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 01' 46"	108° 56' 44"					D-49-38-D-d
núi Hòn Ngang	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 59' 33"	108° 54' 37"					D-49-50-B-b
núi Hòn Sóng	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 59' 36"	108° 53' 34"					D-49-50-B-b
thôn M6	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 03' 15"	108° 54' 6"					D-49-38-D-d
thôn Mỹ Thạch	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 58' 2"	108° 57' 45"					D-49-50-B-b
thôn Phú Hưng	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 57' 27"	108° 57' 8"					D-49-50-B-b
Sông Quáo	TV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn					14° 07' 31"	108° 52' 59"	13° 54' 44"	108° 58' 18"	D-49-38-D-d; D-49-50-B-b
núi Tà Gò	SV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 02' 46"	108° 53' 24"					D-49-38-D-d
thôn Thuận Hoà	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			13° 56' 59"	108° 58' 30"					D-49-50-B-b
thôn Thuận Ninh	DC	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 00' 42"	108° 55' 34"					D-49-38-D-d
hồ Thuận Ninh	TV	xã Bình Tân	H. Tây Sơn			14° 01' 03"	108° 54' 48"					D-49-38-D-d
quốc lộ 19B	KX	xã Bình Thành	H. Tây Sơn					13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-50-B-b
thôn An Đông	DC	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 55' 59"	108° 57' 02"					D-49-50-B-b
suối Bà Trung	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn					13° 57' 53"	108° 54' 09"	13° 55' 24"	108° 54' 35"	D-49-50-B-b
suối Cây Cơm	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn					13° 59' 32"	108° 54' 30"	13° 58' 24"	108° 56' 28"	D-49-50-B-b
núi Cây Muồng	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 57' 13"	108° 51' 51"					D-49-50-B-a
Sông Côn	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-50-B-b
Núi Đất	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 57' 57"	108° 56' 11"					D-49-50-B-b
núi Hành Sơn	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 57' 26"	108° 52' 20"					D-49-50-B-a
núi Hòn Dề	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 59' 59"	108° 52' 37"					D-49-50-B-b
hồ Hòn Gà	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 58' 01"	108° 54' 11"					D-49-50-B-b
núi Hòn Ngang	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 59' 33"	108° 54' 37"					D-49-50-B-b
núi Hòn Sóng	SV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 59' 36"	108° 53' 34"					D-49-50-B-b
thôn Kiên Long	DC	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 56' 21"	108° 55' 19"					D-49-50-B-b
thôn Kiên Ngải	DC	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 56' 04"	108° 56' 25"					D-49-50-B-b
suối Lỗ Ồi	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn					13° 59' 02"	108° 54' 32"	13° 57' 22"	108° 55' 00"	D-49-50-B-b
hồ Lỗ Ồi	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 57' 18"	108° 55' 09"					D-49-50-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Suối Nhiên	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn	13° 56' 11"	108° 54' 13"	13° 59' 32"	108° 52' 59"	13° 55' 46"	108° 53' 27"	D-49-50-B-b		
thôn Phú Lạc	DC	xã Bình Thành	H. Tây Sơn							D-49-50-B-b		
suối Sầm Hân	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 57' 07"	108° 52' 48"	13° 56' 08"	108° 52' 56"	D-49-50-B-b		
hồ Thủy Lăng	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn	13° 56' 44"	108° 54' 47"					D-49-50-B-b		
mương Văn Phong	TV	xã Bình Thành	H. Tây Sơn			13° 56' 23"	108° 56' 26"	13° 54' 48"	108° 58' 13"	D-49-50-B-b		
đường tỉnh 639B	KX	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-38-D-d; D-49-50-B-b		
núi Bảo Dược Sơn	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 57' 25"	108° 59' 37"					D-49-50-B-b		
Suối Đục	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn				108° 59' 36"	13° 59' 01"	109° 03' 09"	D-49-38-D-d; D-49-50-B-b		
thôn Hoà Mỹ	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 24"	108° 58' 33"					D-49-50-B-b		
núi Hòn Cóc	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	14° 00' 50"	108° 56' 49"					D-49-38-D-d		
núi Hòn Cui Cưng	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 14"	108° 56' 49"					D-49-38-D-d		
núi Hòn Lớn	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 46"	108° 56' 44"					D-49-38-D-d		
Núi Một	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 21"	109° 01' 00"					D-49-51-A-a		
Mương Sóng	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn				108° 59' 11"	13° 56' 31"	108° 58' 46"	D-49-50-B-b		
thôn Thuận Hạnh	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 58' 51"	109° 00' 19"					D-49-51-A-a		
thôn Thuận Hiệp	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 39"	109° 01' 15"					D-49-51-A-a		
thôn Thuận Nhứt	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 46"	108° 59' 38"					D-49-50-B-b		
thôn Thuận Truyền	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 58' 00"	108° 58' 59"					D-49-50-B-b		
núi Trà Rang	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 58' 15"	109° 00' 45"					D-49-51-A-a		
núi Việt Xan	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 05"	108° 57' 24"					D-49-38-D-d		
quốc lộ 19	KX	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-50-B-b		
cầu Bình Thuận	KX	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 55' 49"	108° 52' 35"					D-49-50-B-b		
suối Cầu Ông Tú	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			13° 54' 05"	108° 49' 39"	13° 54' 51"	108° 49' 35"	D-49-50-B-a		
suối Cầu Thầy Tôn	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			13° 53' 44"	108° 50' 47"	13° 54' 51"	108° 49' 35"	D-49-50-B-a		
núi Cây Chanh	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 53' 07"	108° 50' 28"					D-49-50-B-a		
Sông Cồn	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-50-B-a; D-49-50-B-b		
đèo Đá Chạc	KX	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 53' 28"	108° 51' 04"					D-49-50-B-a		
núi Đá Trắng	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 54' 32"	108° 53' 08"					D-49-50-B-b		
suối Đồng Dụ	TV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn			13° 54' 51"	108° 49' 35"	13° 55' 52"	108° 48' 56"	D-49-50-B-a		
núi Đồng Tre	SV	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	108° 47' 22"					D-49-50-B-a		
thôn Hoà Hiệp	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 54' 36"	108° 50' 14"					D-49-50-B-a		
thôn Hoà Sơn	DC	xã Bình Thuận	H. Tây Sơn	13° 55' 54"	108° 52' 09"					D-49-50-B-a		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Hoà Trung	DC	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 55' 34"	108° 53' 04"					D-49-50-B-b
núi Hòn Dững	SV	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 54' 05"	108° 51' 37"					D-49-50-B-a
núi Hòn Lúp	SV	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 53' 08"	108° 49' 32"					D-49-50-B-a
làng Mai Xuân Thưởng	KX	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 56' 06"	108° 52' 04"					D-49-50-B-a
Bầu Mới	TV	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	108° 51' 00"					D-49-50-B-a
Núi Ngang	SV	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 55' 39"	108° 50' 48"					D-49-50-B-a
bàu Ông Chánh	TV	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 53' 16"	108° 49' 47"					D-49-50-B-a
chùa Thiên Tôn	KX	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 54' 52"	108° 53' 46"					D-49-50-B-b
đàn tế Trời Đất	KX	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 55' 15"	108° 51' 46"					D-49-50-B-a
đập dâng Văn Phong	KX	xã Bình Tường	H. Tây Sơn	13° 56' 22"	108° 52' 18"					D-49-50-B-a
quốc lộ 19B	KX	xã Tây An	H. Tây Sơn			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-50-B-b; D-49-51-A-a
đường tỉnh 639B	KX	xã Tây An	H. Tây Sơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-50-B-b
núi Bảo Dược Sơn	SV	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 25"	108° 59' 37"					D-49-50-B-b
Núi Ché	SV	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 41"	109° 01' 07"					D-49-51-A-a
núi Đồng Một	SV	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 45"	109° 00' 40"					D-49-51-A-a
thôn Đại Chí	DC	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 05"	109° 00' 35"					D-49-51-A-a
thôn Đồng Quy	DC	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 58' 14"	109° 00' 21"					D-49-51-A-a
thôn Hào Nghĩa	DC	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 56' 28"	109° 00' 00"					D-49-51-A-a
thôn Mỹ Đức	DC	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 56' 21"	109° 00' 22"					D-49-51-A-a
chùa Quan Sơn Từ	KX	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 05"	108° 59' 35"					D-49-50-B-b
Mương Sông	TV	xã Tây An	H. Tây Sơn			13° 56' 29"	108° 59' 11"	13° 56' 31"	108° 58' 46"	D-49-50-B-b
núi Trà Rang	SV	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 58' 15"	109° 00' 45"					D-49-51-A-a
thôn Trà Sơn	DC	xã Tây An	H. Tây Sơn	13° 57' 05"	109° 00' 01"					D-49-51-A-a
quốc lộ 19B	KX	xã Tây Bình	H. Tây Sơn			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"	D-49-50-B-b
đường tỉnh 639B	KX	xã Tây Bình	H. Tây Sơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"	D-49-50-B-b
thôn An Chánh	DC	xã Tây Bình	H. Tây Sơn	13° 55' 11"	108° 59' 33"					D-49-50-B-b
Sông Cồn	TV	xã Tây Bình	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-50-B-b
thôn Mỹ An	DC	xã Tây Bình	H. Tây Sơn	13° 56' 15"	108° 59' 31"					D-49-50-B-b
thôn Mỹ Thuận	DC	xã Tây Bình	H. Tây Sơn	13° 55' 41"	108° 59' 44"					D-49-50-B-b
quốc lộ 19	KX	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-50-B-a
sông Ba La	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			13° 56' 12"	108° 46' 22"	13° 57' 09"	108° 50' 46"	D-49-50-B-a
cầu Ba La	KX	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 02"	108° 50' 31"					D-49-50-B-a
hòn Bạc Mả	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	14° 00' 09"	108° 51' 58"					D-49-38-D-c
núi Bằng Lăng	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 58' 20"	108° 48' 27"					D-49-50-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
Suối Cái	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 13"	108° 51' 51"	14° 01' 51"	108° 46' 47"	13° 58' 03"	108° 49' 38"	D-49-50-B-a
núi Cây Muồng	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 56' 48"	108° 49' 38"					D-49-50-B-a
núi Chup Chỏ	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn							D-49-50-B-a
Sông Côn	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-50-B-a
Suối Đá	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			13° 59' 31"	108° 52' 09"	13° 58' 43"	108° 50' 54"	D-49-50-B-a
suối Đồng Dụ	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			13° 54' 51"	108° 49' 35"	13° 55' 52"	108° 48' 56"	D-49-50-B-a
núi Đồng Tre	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	108° 47' 22"					D-49-50-B-a
núi Hành Sơn	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 26"	108° 52' 20"					D-49-50-B-a
núi Hòn Dỏ	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 59' 59"	108° 52' 37"					D-49-50-B-a
đỉnh núi Hòn Dỏ	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 59' 41"	108° 51' 42"					D-49-50-B-a
thôn Hữu Giang	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 28"	108° 50' 22"					D-49-50-B-a
cầu Lò Gốm	KX	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 29"	108° 49' 41"					D-49-50-B-a
Hòn Mực	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 56' 29"	108° 44' 47"					D-49-50-A-b
thôn Nam Giang	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 56' 12"	108° 48' 23"					D-49-50-B-a
Núi Ngang	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 55' 57"	108° 51' 20"					D-49-50-B-a
Núi Ngang	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 55' 39"	108° 50' 48"					D-49-50-B-a
núi Sỏi Đỏ	SV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 56' 24"	108° 47' 30"					D-49-50-B-a
thôn Tả Giang 1	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 00"	108° 50' 45"					D-49-50-B-a
thôn Tả Giang 2	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 08"	108° 50' 24"					D-49-50-B-a
thôn Thượng Giang 1	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 52"	108° 49' 20"					D-49-50-B-a
thôn Thượng Giang 2	DC	xã Tây Giang	H. Tây Sơn	13° 57' 42"	108° 49' 32"					D-49-50-B-a
suối Vườn Xoài	TV	xã Tây Giang	H. Tây Sơn			13° 58' 10"	108° 45' 30"	13° 59' 12"	108° 48' 19"	D-49-50-B-a
Núi Chua	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 50' 26"	108° 54' 09"					D-49-50-B-d
núi Đá Trắng	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 54' 32"	108° 53' 08"					D-49-50-B-b
suối Đồng Giang	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn			13° 52' 29"	108° 49' 58"	13° 52' 48"	108° 51' 50"	D-49-50-B-a
sông Đồng Hưu	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn			13° 52' 48"	108° 51' 50"	13° 54' 53"	108° 54' 41"	D-49-50-B-a; D-49-50-B-b
suối Gia Ru	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn			13° 45' 43"	108° 50' 08"	13° 49' 57"	108° 52' 33"	D-49-50-B-c; D-49-50-B-d
suối Hầm Hồ	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn			13° 49' 57"	108° 52' 34"	13° 52' 48"	108° 51' 50"	D-49-50-B-a; D-49-50-B-b; D-49-50-B-c; D-49-50-B-d
khu du lịch Hầm Hồ	KX	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 51' 52"	108° 51' 22"					D-49-50-B-c
núi Hồ Chùa	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 52' 47"	108° 55' 27"					D-49-50-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
núi Hòn Dưng	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 54' 05"	108° 51' 37"							D-49-50-B-a
Suối Kút	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn					13° 48' 58"	108° 53' 59"	13° 49' 57"	108° 52' 34"	D-49-50-B-d
Suối Môn	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn					13° 52' 42"	108° 51' 54"	13° 53' 16"	108° 52' 45"	D-49-50-B-a; D-49-50-B-b
thôn Phú Hiệp	DC	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 53' 52"	108° 54' 59"							D-49-50-B-b
thôn Phú Lâm	DC	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 53' 01"	108° 52' 39"							D-49-50-B-b
thôn Phú Mỹ	DC	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 53' 32"	108° 53' 36"							D-49-50-B-b
thôn Phú Thịnh	DC	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 54' 17"	108° 54' 23"							D-49-50-B-b
thôn Phú Thọ	DC	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 54' 00"	108° 54' 26"							D-49-50-B-b
núi Sà Kình	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 52' 25"	108° 54' 26"							D-49-50-B-d
cầu Suối Môn	KX	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 53' 01"	108° 52' 42"							D-49-50-B-b
cầu Suối Trầy	KX	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 53' 10"	108° 53' 05"							D-49-50-B-b
núi Thiểu Lĩnh	SV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn	13° 51' 34"	108° 54' 09"							D-49-50-B-d
Suối Trầy	TV	xã Tây Phú	H. Tây Sơn					13° 50' 26"	108° 54' 04"	13° 53' 21"	108° 53' 11"	D-49-50-B-b; D-49-50-B-d
quốc lộ 19	KX	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-50-B-a
đường tỉnh 637	KX	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					13° 59' 18"	108° 47' 49"	14° 21' 24"	108° 41' 09"	D-49-38-D-c
đèo An Khê	KX	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 57' 54"	108° 45' 15"							D-49-50-B-a
núi Bà Xuyên	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 00' 45"	108° 47' 56"							D-49-38-D-c
hòn Bạc Má	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 00' 09"	108° 51' 58"							D-49-38-D-c
núi Bàng Lãng	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 58' 20"	108° 48' 27"							D-49-50-B-a
Suối Cái	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					14° 01' 51"	108° 46' 47"	13° 58' 03"	108° 49' 38"	D-49-38-D-c; D-49-50-B-a
núi Cây Rui	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 57' 27"	108° 45' 01"							D-49-50-B-a
núi Che Chè	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 13"	108° 49' 42"							D-49-50-B-a
Sông Côn	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-c; D-49-50-B-a
Suối Da	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					14° 01' 05"	108° 47' 56"	14° 01' 16"	108° 48' 34"	D-49-38-D-c
núi Dậm Lùn	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 02' 31"	108° 46' 59"							D-49-38-D-c
Suối Đá	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn					13° 59' 31"	108° 52' 09"	13° 58' 43"	108° 50' 54"	D-49-50-B-a
núi Giếng Bét	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 08"	108° 50' 27"							D-49-38-D-c
thôn Hoà Thuận	DC	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 18"	108° 50' 09"							D-49-38-D-c
núi Hòn Chò	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 02' 42"	108° 45' 09"							D-49-38-D-c
đỉnh núi Hòn Dỏ	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 41"	108° 51' 42"							D-49-50-B-a
núi Hòn Xum	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 19"	108° 44' 51"							D-49-38-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
núi Ông Bình	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 08"	108° 45' 14"						D-49-50-B-a	
thôn Thượng Sơn	DC	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 40"	108° 48' 32"						D-49-50-B-a	
suối Tiên An	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn			14° 02' 46"	108° 51' 43"	14° 00' 51"	108° 49' 20"		D-49-38-D-c	
thôn Tiên Thuận	DC	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 01' 06"	108° 48' 32"						D-49-38-D-c	
núi Trại Cờ	SV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	14° 00' 32"	108° 48' 19"						D-49-38-D-c	
thôn Trung Sơn	DC	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 58' 31"	108° 49' 04"						D-49-50-B-a	
suối Vườn Xoài	TV	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn			13° 58' 10"	108° 45' 30"	13° 59' 12"	108° 48' 19"		D-49-50-B-a	
cầu Vườn Xoài	KX	xã Tây Thuận	H. Tây Sơn	13° 59' 12"	108° 47' 53"						D-49-50-B-a	
đường tỉnh 639B	KX	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn			14° 35' 00"	109° 02' 49"	13° 51' 27"	109° 02' 04"		D-49-51-A-a	
thôn An Vinh 1	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 54' 50"	109° 00' 38"						D-49-51-A-a	
thôn An Vinh 2	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 55' 31"	109° 01' 15"						D-49-51-A-a	
thôn Bình Đức	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 56' 05"	109° 00' 55"						D-49-51-A-a	
Sông Cồn	TV	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-a	
xóm Đồng Bèo	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 56' 27"	109° 00' 49"						D-49-51-A-a	
xóm Gò Chùa	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 56' 29"	109° 01' 08"						D-49-51-A-a	
chùa Hội Nguyên	KX	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	109° 00' 17"						D-49-51-A-a	
thôn Nhon Thuận	DC	xã Tây Vinh	H. Tây Sơn	13° 55' 31"	109° 00' 28"						D-49-51-A-a	
quốc lộ 19	KX	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"		D-49-50-B-b	
núi Chóp Vàng	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 52' 06"	108° 56' 51"						D-49-50-B-d	
Núi Chùa	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 50' 26"	108° 54' 09"						D-49-50-B-d	
Sông Cồn	TV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-50-B-b	
thôn Đông Sim	DC	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 52' 14"	108° 56' 05"						D-49-50-B-d	
suối Đông Sim	TV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn			13° 47' 57"	108° 55' 54"	13° 54' 24"	108° 56' 24"		D-49-50-B-b	
cầu Đông Sim	KX	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 54' 09"	108° 56' 06"						D-49-50-B-b	
núi Hồ Chùa	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 52' 47"	108° 55' 27"						D-49-50-B-b	
suối Nước Xanh	TV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn			13° 52' 03"	108° 57' 31"	13° 54' 18"	108° 57' 37"		D-49-50-B-b	
thôn Phú An	DC	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 54' 02"	108° 56' 42"						D-49-50-B-b	
thôn Phú Hoà	DC	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 53' 43"	108° 55' 56"						D-49-50-B-b	
núi Sà Kinh	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 52' 25"	108° 54' 26"						D-49-50-B-d	
núi Sao Cỏ	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 50' 28"	108° 57' 10"						D-49-50-B-d	
núi Sóc Kiềm	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 49' 55"	108° 56' 52"						D-49-50-B-d	
núi Thiểu Lĩnh	SV	xã Tây Xuân	H. Tây Sơn	13° 51' 34"	108° 54' 09"						D-49-50-B-d	
núi Cây Chanh	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 53' 07"	108° 50' 28"						D-49-50-B-a	
suối Cây Trám	TV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn			13° 53' 13"	108° 46' 57"	13° 52' 29"	108° 49' 58"		D-49-50-B-c	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	
suối Đồng Giang	TV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn			13° 52' 29"	108° 49' 58"	13° 52' 48"	108° 51' 50"	D-49-50-B-a; D-49-50-B-c
núi Đồng Tre	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 54' 39"	108° 47' 22"					D-49-50-B-a
suối Gia Ru	TV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn			13° 45' 43"	108° 50' 08"	13° 49' 57"	108° 52' 33"	D-49-50-B-c
núi Hòn Giác	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 53' 54"	108° 47' 13"					D-49-50-B-a
núi Hòn Lúp	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 53' 08"	108° 49' 32"					D-49-50-B-a
núi Hòn Ngang	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 14"	108° 50' 17"					D-49-50-B-c
núi Hòn Sóng	SV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 44"	108° 49' 11"					D-49-50-B-a
làng Kon Giang	DC	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 53' 39"	108° 48' 55"					D-49-50-B-a
làng Kon Giọt 1	DC	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 41"	108° 50' 00"					D-49-50-B-a
làng Kon Giọt 2	DC	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 50"	108° 49' 55"					D-49-50-B-a
làng Kon Mon	DC	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 34"	108° 49' 59"					D-49-50-B-a
đắc Mây Gan	TV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn			13° 52' 10"	108° 46' 09"	13° 49' 23"	108° 47' 38"	D-49-50-B-c
suối Nước Gộp	TV	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn			13° 48' 53"	108° 50' 57"	13° 52' 29"	108° 49' 58"	D-49-50-B-c
làng Xà Tang	DC	xã Vĩnh An	H. Tây Sơn	13° 52' 14"	108° 50' 44"					D-49-50-B-c
quốc lộ 1A	KX	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-d
đường tỉnh 638	KX	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-A-d
thôn Diêu Trì	DC	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 49"	109° 08' 44"					D-49-51-A-d
ga Diêu Trì	KX	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 29"	109° 08' 31"					D-49-51-A-d
cầu Diêu Trì	KX	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 47' 59"	109° 08' 45"					D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-A-d
núi Hòn Vồ	SV	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 48"	109° 08' 15"					D-49-51-A-d
thôn Luât Lễ	DC	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 44"	109° 09' 28"					D-49-51-A-d
thôn Vân Hội 1	DC	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 18"	109° 08' 48"					D-49-51-A-d
thôn Vân Hội 2	DC	TT. Diêu Trì	H. Tuy Phước	13° 48' 14"	109° 08' 41"					D-49-51-A-d
quốc lộ 1A	KX	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"	D-49-51-A-d
quốc lộ 19	KX	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"	D-49-51-A-d
đường tỉnh 640	KX	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước			13° 56' 49"	109° 13' 03"	13° 49' 15"	109° 08' 40"	D-49-51-A-d
thôn Công Chánh	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 45"	109° 09' 18"					D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-A-d
núi Hòn Vồ	SV	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 48' 48"	109° 08' 15"					D-49-51-A-d
thôn Mỹ Điện	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 45"	109° 08' 35"					D-49-51-A-d
thôn Phong Thạnh	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 23"	109° 10' 19"					D-49-51-A-d
chùa Phước Điền	KX	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 50' 12"	109° 08' 24"					D-49-51-A-d
thôn Thanh Thế	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 50' 11"	109° 08' 53"					D-49-51-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
thôn Trung Tín 1	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 38"	109° 09' 50"						D-49-51-A-d	
thôn Trung Tín 2	DC	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 59"	109° 09' 58"						D-49-51-A-d	
núi Trường Úc	SV	TT. Tuy Phước	H. Tuy Phước	13° 49' 30"	109° 10' 26"						D-49-51-A-d	
đường tỉnh 638	KX	xã Phước An	H. Tuy Phước			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"		D-49-51-A-d	
thôn An Hoà 1	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 40"	109° 07' 27"						D-49-51-A-c	
thôn An Hoà 2	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 42"	109° 07' 24"						D-49-51-A-c	
thôn An Sơn 1	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 24"	109° 06' 43"						D-49-51-A-c	
thôn An Sơn 2	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 22"	109° 06' 18"						D-49-51-A-c	
sông Bà Trâm	TV	xã Phước An	H. Tuy Phước			13° 47' 58"	109° 05' 42"	13° 47' 51"	109° 06' 43"		D-49-51-A-c	
Núi Bé	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 47' 31"	109° 07' 04"						D-49-51-A-c	
núi Chóp Vung	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 23"	109° 04' 00"						D-49-51-A-c	
thôn Đại Hội	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 12"	109° 06' 44"						D-49-51-A-c	
sông Hà Thanh	TV	xã Phước An	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"		D-49-51-A-d	
đập dâng Hà Trì	KX	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 45"	109° 07' 05"						D-49-51-A-c	
hồ Hóc Ké	TV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 08"	109° 05' 30"						D-49-51-A-c	
núi Hòn Cầm	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 50' 14"	109° 06' 17"						D-49-51-A-c	
núi Hòn Chà	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 23"	109° 05' 19"						D-49-51-A-c	
núi Hòn Dung	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 50' 49"	109° 06' 53"						D-49-51-A-c	
núi Hòn Vồ	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 48"	109° 08' 15"						D-49-51-A-d	
núi Mâm Xôi	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 40"	109° 04' 33"						D-49-51-A-c	
thôn Ngọc Thanh 1	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 20"	109° 08' 02"						D-49-51-A-d	
thôn Ngọc Thanh 2	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 48' 05"	109° 08' 22"						D-49-51-A-d	
thôn Qui Hội	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 50' 06"	109° 06' 57"						D-49-51-A-c	
Mương Sanh	TV	xã Phước An	H. Tuy Phước			13° 47' 37"	109° 06' 24"	13° 46' 52"	109° 06' 52"		D-49-51-A-c	
dãy núi Sơn Triều	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 50' 37"	109° 06' 30"						D-49-51-A-c	
núi Sơn Triều	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 47"	109° 05' 41"						D-49-51-A-c	
thôn Thanh Huy 1	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 47"	109° 07' 51"						D-49-51-A-d	
thôn Thanh Huy 2	DC	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 49' 44"	109° 07' 24"						D-49-51-A-c	
núi Thượng Luông	SV	xã Phước An	H. Tuy Phước	13° 50' 20"	109° 07' 04"						D-49-51-A-c	
cầu Bà Di 2	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 56"	109° 07' 59"						D-49-51-A-d	
tháp Bánh Ít	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 10"	109° 07' 59"						D-49-51-A-d	
chùa Bảo Thọ	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 28"	109° 09' 00"						D-49-51-A-d	
chùa Bửu Liên	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 53' 11"	109° 09' 36"						D-49-51-A-b	
Sông Côn	TV	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-b; D-49-51-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
chợ Đại Chánh	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 14"	109° 09' 04"						D-49-51-A-d	
thôn Đại Lễ	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 06"	109° 08' 42"						D-49-51-A-d	
thôn Giang Bắc	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 14"	109° 09' 49"						D-49-51-A-d	
thôn Giang Nam	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 28"	109° 09' 58"						D-49-51-A-d	
núi Kỳ Sơn	SV	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 37"	109° 10' 44"						D-49-51-A-d	
làng mộ Lê Đại Càng	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 56"	109° 08' 58"						D-49-51-A-d	
thôn Luật Chánh	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 20"	109° 09' 14"						D-49-51-A-d	
thôn Lục Lễ	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 54"	109° 09' 22"						D-49-51-A-b	
nhà thờ Lục Lễ	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 20"	109° 09' 27"						D-49-51-A-d	
chùa Nguyễn Thiệu	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 13"	109° 08' 06"						D-49-51-A-d	
bàu Ông Bằng	TV	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 00"	109° 09' 22"						D-49-51-A-d	
bàu Ông Cự	TV	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 40"	109° 09' 11"						D-49-51-A-d	
làng quan Tham Nhung	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 51' 43"	109° 10' 08"						D-49-51-A-d	
chùa Tông Lâm	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 46"	109° 09' 29"						D-49-51-A-b	
chùa Trường Giác	KX	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 08"	109° 10' 08"						D-49-51-A-d	
thôn Từ Thủy	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 53' 02"	109° 10' 55"						D-49-51-A-b	
thôn Tuấn Lễ	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 50"	109° 09' 54"						D-49-51-A-b	
thôn Xuân Mỹ	DC	xã Phước Hiệp	H. Tuy Phước	13° 52' 18"	109° 10' 48"						D-49-51-A-d	
quốc lộ 19B	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước			13° 48' 32"	109° 16' 14"	13° 54' 25"	108° 55' 14"		D-49-51-A-a	
đường tỉnh 636B	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước			13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"		D-49-51-A-b	
đường tỉnh 639	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước			14° 33' 27"	109° 02' 48"	13° 49' 04"	109° 15' 33"		D-49-51-A-b	
đường tỉnh 640	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước			13° 56' 49"	109° 13' 03"	13° 49' 15"	109° 08' 40"		D-49-51-A-b	
thôn Bình Lâm	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 23"	109° 11' 02"						D-49-51-A-b	
Sông Côn	TV	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-b	
cầu Đội Thông	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 15"	109° 11' 49"						D-49-51-A-b	
cầu Gò Bồi	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 10"	109° 12' 07"						D-49-51-A-b	
sông Gò Chàm	TV	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước								D-49-51-A-b	
chùa Hội Khánh	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 22"	109° 10' 55"						D-49-51-A-b	
thôn Hữu Thành	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 56"	109° 11' 20"						D-49-51-A-b	
thôn Huỳnh Gián Bắc	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 58"	109° 14' 38"						D-49-51-A-b	
thôn Huỳnh Gián Nam	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 03"	109° 14' 15"						D-49-51-A-b	
thôn Kim Đông	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 58"	109° 13' 19"						D-49-51-A-b	
thôn Kim Tây	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 58"	109° 11' 38"						D-49-51-A-b	
thôn Kim Xuyên	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 19"	109° 11' 17"						D-49-51-A-b	
nhà thờ Nam Bình	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 08"	109° 11' 17"						D-49-51-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Chùa Ông thôn Tân Gián thôn Tân Mỹ đám Thị Nại chùa Thiên Long chùa Thiên Trúc thôn Tùng Gián nhà thờ Vĩnh Thạnh đường tỉnh 636B thôn An Cửu chùa Bích Nam thôn Biều Chánh sông Gò Chàm thôn Háo Lễ thôn Lương Lộc bàu Lương Lộc thôn Nho Lâm thôn Quảng Nghiệp thôn Tân Hội chùa Thiên Đức chùa Thiên Lộc sông Văn Triều quốc lộ 1A quốc lộ 19 cầu Bà Di 2 núi Bà Hới Công ty cổ phần Gạch Tuynei Bình Định chùa Bửu Quang Núi Đĩa thôn Đại Tín núi Đông Triều Cầu Gành	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 06"	109° 11' 46"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 56"	109° 12' 29"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 30"	109° 10' 23"							D-49-51-A-b
	TV	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 49' 47"	109° 13' 59"							D-49-51-A-d
	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 50"	109° 14' 46"							D-49-51-A-b
	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 53' 30"	109° 10' 59"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 07"	109° 12' 11"							D-49-51-A-b
	KX	xã Phước Hoà	H. Tuy Phước	13° 54' 10"	109° 12' 00"							D-49-51-A-b
	KX	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước			13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"			D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 10"	109° 08' 13"							D-49-51-A-b
	KX	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 53' 28"	109° 07' 41"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 24"	109° 07' 26"							D-49-51-A-a
	TV	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước			13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"			D-49-51-A-a; D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 48"	109° 09' 25"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 24"	109° 09' 29"							D-49-51-A-b
	TV	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 20"	109° 09' 29"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 49"	109° 10' 05"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 53' 30"	109° 07' 34"							D-49-51-A-b
	DC	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 26"	109° 08' 53"							D-49-51-A-b
KX	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 40"	109° 09' 36"							D-49-51-A-b	
KX	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước	13° 54' 28"	109° 10' 16"							D-49-51-A-b	
TV	xã Phước Hưng	H. Tuy Phước			13° 54' 44"	109° 06' 29"	13° 54' 32"	109° 13' 19"			D-49-51-A-b	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước			14° 36' 16"	109° 03' 07"	13° 41' 02"	109° 10' 32"			D-49-51-A-d	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước			13° 46' 48"	109° 14' 38"	13° 57' 53"	108° 45' 14"			D-49-51-A-d	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 51' 56"	109° 07' 59"						D-49-51-A-d	
SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 50' 33"	109° 07' 37"						D-49-51-A-d	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 51' 09"	109° 07' 53"						D-49-51-A-d	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 50' 56"	109° 08' 02"						D-49-51-A-d	
SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 50' 37"	109° 07' 19"						D-49-51-A-c	
DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 50' 21"	109° 07' 55"						D-49-51-A-d	
SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 51' 43"	109° 07' 34"						D-49-51-A-d	
KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước		13° 52' 02"	109° 07' 41"						D-49-51-A-d	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
chùa Gia Khánh	KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 52"	109° 08' 49"						D-49-51-A-d	
Núi Giếng	SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 45"	109° 07' 34"						D-49-51-A-d	
thôn Hạnh Quang	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 04"	109° 08' 46"						D-49-51-A-d	
núi Hoa Sứ	SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 48"	109° 07' 37"						D-49-51-A-d	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Thiện	KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 52' 03"	109° 07' 59"						D-49-51-A-d	
núi Hòn Dung	SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 49"	109° 06' 53"						D-49-51-A-c	
núi Nhon Nhon	SV	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 07"	109° 07' 05"						D-49-51-A-c	
thôn Phong Tấn	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 21"	109° 08' 28"						D-49-51-A-d	
thôn Phú Mỹ 1	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 45"	109° 08' 06"						D-49-51-A-d	
thôn Phú Mỹ 2	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 11"	109° 07' 47"						D-49-51-A-d	
thôn Quang Hy	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 09"	109° 09' 07"						D-49-51-A-d	
thôn Quảng Tín	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 04"	109° 07' 59"						D-49-51-A-d	
thôn Trung Thành	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 31"	109° 08' 28"						D-49-51-A-d	
chùa Trung Thành	KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 51"	109° 08' 38"						D-49-51-A-d	
Công ty trách nhiệm hữu hạn Vạn Mỹ	KX	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 51' 23"	109° 07' 52"						D-49-51-A-d	
thôn Vĩnh Hy	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 50"	109° 08' 49"						D-49-51-A-d	
thôn Vĩnh Thạnh 1	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 20"	109° 09' 04"						D-49-51-A-d	
thôn Vĩnh Thạnh 2	DC	xã Phước Lộc	H. Tuy Phước	13° 50' 31"	109° 09' 00"						D-49-51-A-d	
đường tỉnh 640	KX	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước			13° 56' 49"	109° 13' 03"	13° 49' 15"	109° 08' 40"		D-49-51-A-d	
sông Hà Thanh	TV	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"		D-49-51-A-d	
chùa Hưng Khánh	KX	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước	13° 50' 33"	109° 09' 58"						D-49-51-A-d	
thôn Hưng Nghĩa	DC	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước	13° 50' 39"	109° 10' 08"						D-49-51-A-d	
thôn Huỳnh Mai	DC	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước	13° 50' 06"	109° 10' 34"						D-49-51-A-d	
núi Kỳ Sơn	SV	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước	13° 50' 46"	109° 11' 09"						D-49-51-A-d	
thôn Thọ Nghĩa	DC	xã Phước Nghĩa	H. Tuy Phước	13° 50' 59"	109° 09' 40"						D-49-51-A-d	
đường tỉnh 636B	KX	xã Phước Quang	H. Tuy Phước			13° 54' 10"	109° 12' 07"	13° 53' 22"	108° 58' 48"		D-49-51-A-b	
thôn An Hoà	DC	xã Phước Quang	H. Tuy Phước	13° 54' 27"	109° 10' 41"						D-49-51-A-b	
Chùa Bà	KX	xã Phước Quang	H. Tuy Phước	13° 54' 27"	109° 10' 45"						D-49-51-A-b	
Sông Côn	TV	xã Phước Quang	H. Tuy Phước			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-51-A-b;	
thôn Định Thiến Đông	DC	xã Phước Quang	H. Tuy Phước	13° 53' 16"	109° 08' 17"						D-49-51-A-b	
thôn Định Thiến Tây	DC	xã Phước Quang	H. Tuy Phước	13° 53' 25"	109° 08' 10"						D-49-51-A-b	
sông Gò Chàm	TV	xã Phước Quang	H. Tuy Phước			13° 54' 01"	109° 02' 20"	13° 54' 08"	109° 11' 35"		D-49-51-A-b	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn An Lợi	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 55' 14"	109° 12' 55"							D-49-51-A-b
thôn Dương Thành	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 56' 03"	109° 10' 34"							D-49-51-A-b
sông Đập Đá	TV	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước			13° 54' 58"	109° 03' 04"	13° 54' 17"	109° 13' 43"			D-49-51-A-b
thôn Đông Điền	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 34"	109° 13' 52"							D-49-51-A-b
sông Gò Chàm	TV	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước									D-49-51-A-b
thôn Khuông Bình	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 55' 49"	109° 11' 06"							D-49-51-A-b
thôn Lạc Điền	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 40"	109° 12' 18"							D-49-51-A-b
thôn Lương Bình	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 55' 12"	109° 11' 45"							D-49-51-A-b
thôn Phở Đồng	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 36"	109° 18' 00"							D-49-51-A-b
thôn Thanh Quang	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 59"	109° 11' 00"							D-49-51-A-b
chùa Tịnh Quang	KX	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 31"	109° 11' 10"							D-49-51-A-b
thôn Tư Cung	DC	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước	13° 54' 44"	109° 11' 41"							D-49-51-A-b
sông Vân Triều	TV	xã Phước Thắng	H. Tuy Phước			13° 54' 44"	109° 06' 29"	13° 54' 32"	109° 13' 19"			D-49-51-A-b
đường tỉnh 638	KX	xã Phước Thành	H. Tuy Phước			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"			D-49-51-A-c; D-49-51-A-d
suối Bà Trám	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 47' 31"	109° 07' 04"			13° 47' 58"	109° 05' 42"	13° 47' 51"	109° 06' 43"	D-49-51-A-c
Núi Bé	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 47' 18"	109° 06' 27"							D-49-51-A-c
thôn Bình An 1	DC	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 47' 12"	109° 06' 46"							D-49-51-A-c
thôn Bình An 2	DC	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 46' 13"	109° 06' 54"							D-49-51-A-c
thôn Cảnh An 1	DC	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 45' 32"	109° 06' 35"							D-49-51-A-c
thôn Cảnh An 2	DC	xã Phước Thành	H. Tuy Phước			13° 43' 31"	109° 07' 05"	13° 45' 33"	109° 07' 08"			D-49-51-A-c
suối Cầu Ké	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước									D-49-51-A-c
hồ Cây Đa	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 46' 54"	109° 05' 02"							D-49-51-A-c
hồ Cây Thích	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 46' 04"	109° 04' 41"							D-49-51-A-c
núi Chóp Vung	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 48' 23"	109° 04' 00"							D-49-51-A-c
suối Đa Đa	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước			13° 46' 09"	109° 03' 41"	13° 44' 42"	109° 03' 12"			D-49-51-A-c
núi Đá Đen	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 46' 29"	109° 03' 46"							D-49-51-A-c
hồ Đá Vàng	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 45' 57"	109° 05' 02"							D-49-51-A-c
sông Hà Thanh	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"			D-49-51-A-c; D-49-51-A-d
Núi Hát	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 48' 00"	109° 04' 06"							D-49-51-A-c
núi Hòn Dung	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 45' 19"	109° 08' 02"							D-49-51-A-d
Mương Sanh	TV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước			13° 47' 37"	109° 06' 24"	13° 46' 52"	109° 06' 52"			D-49-51-A-c
núi Ủ Voi	SV	xã Phước Thành	H. Tuy Phước	13° 45' 32"	109° 05' 24"							D-49-51-A-c
đường tỉnh 640	KX	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước			13° 56' 49"	109° 13' 03"	13° 49' 15"	109° 08' 40"			D-49-51-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Bình Thái	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 49' 43"	109° 12' 54"					D-49-51-A-d
thôn Diêm Ván	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 49' 21"	109° 12' 25"					D-49-51-A-d
sông Hà Thanh	TV	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-A-d
núi Kỳ Sơn	SV	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 51' 37"	109° 10' 44"					D-49-51-A-d
thôn Liêm Thuận	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 50' 38"	109° 11' 30"					D-49-51-A-d
thôn Lộc Hà	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 50' 48"	109° 12' 09"					D-49-51-A-d
thôn Nhân An	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 50' 24"	109° 12' 18"					D-49-51-A-d
thôn Phố Trạch	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 49' 44"	109° 11' 10"					D-49-51-A-d
thôn Quảng Ván	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 49' 44"	109° 11' 56"					D-49-51-A-d
thôn Tân Thuận	DC	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 50' 13"	109° 11' 53"					D-49-51-A-d
đám Thị Nại	TV	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 49' 47"	109° 13' 59"					D-49-51-A-d
núi Xương Cá	SV	xã Phước Thuận	H. Tuy Phước	13° 50' 51"	109° 12' 22"					D-49-51-A-d
Thôn 2	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 12"	108° 59' 53"					D-49-50-D-b
Thôn 3	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 33"	109° 00' 03"					D-49-51-C-a
đường tỉnh 638	KX	TT. Văn Canh	H. Văn Canh			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-C-a; D-49-50-D-b; D-49-50-D-d
cầu Bà Ba	KX	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 37' 07"	108° 59' 49"					D-49-50-D-d
làng Canh Tân	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 36' 55"	108° 59' 36"					D-49-50-D-d
núi Cau Klan	SV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 37' 07"	109° 01' 13"					D-49-51-C-c
làng Đắc Đum	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 37' 40"	108° 58' 56"					D-49-50-D-b
sông Hà Thanh	TV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-C-a; D-49-51-C-c; D-49-50-D-b; D-49-50-D-d
cầu Hiền Thông	KX	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 47"	109° 00' 22"					D-49-51-C-a
làng Hiệp Giao	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 37' 51"	108° 59' 44"					D-49-50-D-b
làng Hiệp Hà	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 06"	108° 59' 39"					D-49-50-D-b
làng Hiệp Hội	DC	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 05"	108° 59' 46"					D-49-50-D-b
núi Hòn Giang	SV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 14"	109° 00' 59"					D-49-51-C-a
núi Hòn Nhì	SV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 38' 04"	109° 00' 34"					D-49-51-C-a
Suối Lớn	TV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh			13° 34' 15"	108° 57' 44"	13° 37' 14"	108° 59' 54"	D-49-50-D-b; D-49-50-D-d
Hòn Mắm	SV	TT. Văn Canh	H. Văn Canh	13° 36' 58"	109° 00' 37"					D-49-51-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
Suối Mây	TV	TT. Vân Canh	H. Vân Canh			13° 37' 39"	109° 00' 40"	13° 37' 06"	109° 00' 04"	D-49-51-C-a; D-49-51-C-c
Suối Rao	TV	TT. Vân Canh	H. Vân Canh			13° 39' 33"	108° 56' 28"	13° 37' 39"	108° 59' 41"	D-49-50-D-b
cầu Suối Dừa	KX	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 40"	108° 59' 49"					D-49-50-D-a
hồ Suối Đuốc	TV	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 38' 43"	108° 59' 01"					D-49-50-D-b
hồ Suối Mây	TV	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 40"	109° 00' 41"					D-49-51-C-a
làng Suối Mây	DC	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 10"	109° 00' 10"					D-49-51-C-c
thôn Tân Thuận	DC	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 36' 54"	108° 59' 47"					D-49-50-D-d
thôn Thịnh Văn 1	DC	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 17"	108° 59' 35"					D-49-50-D-d
thôn Thịnh Văn 2	DC	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 18"	108° 59' 46"					D-49-50-D-d
ga Vân Canh	KX	TT. Vân Canh	H. Vân Canh	13° 37' 11"	108° 59' 31"					D-49-50-D-d
đường tỉnh 638	KX	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-C-a
suối Bà Lương	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 41' 21"	109° 02' 27"	13° 41' 34"	109° 03' 03"	D-49-51-C-a
Suối Bút	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 42' 08"	108° 59' 32"	13° 41' 49"	109° 03' 00"	D-49-51-C-a
thôn Chánh Hiền	DC	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 39' 27"	109° 01' 25"					D-49-51-C-a
núi Cháp Sái Chè	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 37' 49"	109° 04' 14"					D-49-51-C-a
Suối Đá	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 36' 08"	109° 02' 36"	13° 38' 48"	109° 02' 11"	D-49-51-C-a
sông Hà Thanh	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-C-a
thôn Hiền Đông	DC	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 40' 53"	109° 02' 47"					D-49-51-C-a
núi Hòn Chuông	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 37' 32"	109° 02' 17"					D-49-51-C-a
núi Hòn Gió	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 41' 15"	109° 00' 45"					D-49-51-C-a
suối Hòn Khó	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 36' 20"	109° 03' 07"	13° 38' 49"	109° 02' 11"	D-49-51-C-a; D-49-51-C-c
núi Hòn Vành	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 41' 13"	109° 01' 56"					D-49-51-C-a
Suối Kè	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 40' 41"	109° 01' 01"	13° 39' 56"	109° 02' 22"	D-49-51-C-a
Núi Muồng	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 40' 19"	109° 00' 51"					D-49-51-C-a
Suối Phèn	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 38' 48"	109° 02' 11"	13° 39' 44"	109° 02' 05"	D-49-51-C-a
hồ Quang Hiền	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 37' 28"	109° 03' 09"					D-49-51-C-a
hồ Suối Cầu	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 39' 10"	109° 02' 46"					D-49-51-C-a
cầu Suối Kè	KX	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 40' 03"	109° 02' 06"					D-49-51-C-a
núi Tam Hùng	SV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 40' 28"	109° 04' 13"					D-49-51-C-a
thôn Tân Quang	DC	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 39' 54"	109° 02' 00"					D-49-51-C-a
thôn Thanh Minh	DC	xã Canh Hiền	H. Vân Canh	13° 39' 47"	109° 02' 28"					D-49-51-C-a
Suối Uẩn	TV	xã Canh Hiền	H. Vân Canh			13° 41' 16"	108° 58' 43"	13° 40' 41"	109° 01' 01"	D-49-51-C-a
Thôn 4	DC	xã Canh Hiệp	H. Vân Canh	13° 39' 14"	109° 00' 38"					D-49-51-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	VT độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
đường tỉnh 638	KX	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 40' 53"	108° 58' 18"	13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-C-a		
Núi Am	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh							D-49-50-D-b		
Suối Bụt	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 42' 08"	108° 59' 32"	13° 41' 49"	109° 03' 00"	D-49-50-D-b; D-49-51-C-a		
Suối Cà	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh							D-49-51-C-a		
Suối Cái	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 37' 22"	109° 06' 01"	13° 39' 52"	109° 05' 41"	D-49-51-C-a		
làng Canh Giao	DC	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 35' 39"	109° 05' 34"	13° 35' 53"	109° 02' 36"	13° 34' 09"	109° 04' 25"	D-49-51-C-c		
núi Cau Klan	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 37' 07"	109° 01' 13"					D-49-51-C-c		
núi Cháp Sái Chè	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 37' 49"	109° 04' 14"					D-49-51-C-c		
Suối Duối	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 37' 32"	109° 04' 10"	13° 35' 43"	109° 05' 38"	D-49-51-C-a		
Suối Đá	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 36' 08"	109° 02' 36"	13° 38' 48"	109° 02' 11"	D-49-51-C-a; D-49-51-C-c		
suối Đá Bàn	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 37' 43"	109° 05' 27"	13° 34' 24"	109° 05' 28"	D-49-51-C-c		
Núi Đắc	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 34' 14"	109° 03' 05"					D-49-51-C-c		
núi Gò Lót	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 34' 32"	109° 04' 49"					D-49-51-C-c		
sông Hà Thanh	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-C-a		
cầu Hiền Thông	KX	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 38' 47"	109° 00' 22"					D-49-51-C-a		
làng Hiệp Hưng	DC	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 39' 40"	109° 00' 58"					D-49-51-C-a		
làng Hiệp Tiến	DC	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 39' 44"	109° 00' 53"					D-49-51-C-a		
núi Hòn Bàu	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 35' 38"	109° 04' 00"					D-49-51-C-c		
núi Hòn Chuông	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 37' 32"	109° 02' 17"					D-49-51-C-a		
núi Hòn Giang	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 38' 14"	109° 00' 59"					D-49-51-C-a		
núi Hòn Gió	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 36' 33"	109° 06' 49"					D-49-51-C-c		
núi Hòn Gió	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 41' 15"	109° 00' 45"			13° 38' 49"	109° 02' 11"	D-49-51-C-a		
suối Hòn Khố	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 36' 20"	109° 03' 07"			D-49-51-C-a		
núi Hòn Ngán	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 44' 41"	109° 00' 11"					D-49-51-C-a		
núi Hòn Nhi	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 38' 04"	109° 00' 34"					D-49-51-C-a		
núi Hòn Tép	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 35' 07"	109° 06' 52"					D-49-51-C-c		
núi Hòn Vung	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 36' 21"	109° 04' 08"					D-49-51-C-c		
núi Kà Xim	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 35' 31"	109° 02' 42"					D-49-51-C-c		
Núi Muồng	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 40' 19"	109° 00' 51"					D-49-51-C-a		
Suối Nhiên	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 39' 52"	109° 05' 41"	13° 43' 56"	109° 04' 51"	D-49-51-C-a		
hồ Núi Một	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 47' 24"	108° 58' 41"					D-49-50-B-d		
hồ Quang Hiến	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 37' 28"	109° 03' 09"					D-49-51-C-c		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi San Sẻ	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 39' 40"	109° 06' 11"					D-49-51-C-a
làng Suối Đá	DC	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 39' 32"	109° 00' 51"					D-49-51-C-a
núi Tam Hùng	SV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh	13° 40' 28"	109° 04' 13"					D-49-51-C-a
Suối Uẩn	TV	xã Canh Hiệp	H. Văn Canh			13° 41' 16"	108° 58' 43"	13° 40' 41"	109° 01' 01"	D-49-50-D-b; D-49-51-C-a
đường tỉnh 638	KX	xã Canh Hoà	H. Văn Canh							D-49-51-C-c
núi Bàng Giang*	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 31' 04"	108° 59' 34"					D-49-50-D-d
Suối Bạch	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 32' 54"	108° 59' 10"	13° 34' 44"	109° 00' 16"	D-49-50-D-d; D-49-51-C-c
làng Canh Lãnh	DC	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 34' 40"	108° 59' 29"					D-49-50-D-d
làng Canh Phước	DC	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 33' 12"	109° 01' 10"					D-49-51-C-c
làng Canh Thành	DC	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 33' 51"	109° 00' 32"					D-49-51-C-c
Suối Chiếp	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 33' 31"	108° 58' 32"	13° 35' 43"	109° 00' 13"	D-49-50-D-d
Suối Chính	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 32' 18"	108° 59' 18"	13° 33' 33"	109° 00' 46"	D-49-50-D-d; D-49-51-C-c
núi Chuông Bỏ*	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 31' 06"	108° 58' 30"					D-49-50-D-d
núi Da Nam	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 32' 33"	108° 56' 24"					D-49-50-D-d
Suối Dú	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 33' 58"	109° 02' 11"	13° 33' 27"	109° 00' 56"	D-49-51-C-c
Suối Gắm	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 32' 49"	108° 55' 46"	13° 31' 37"	108° 56' 35"	D-49-50-D-d
Núi Gắm*	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 31' 07"	108° 57' 36"					D-49-50-D-d
Núi Gắm*	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 31' 02"	108° 56' 55"					D-49-50-D-d
núi Hòn Đắc	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 33' 38"	109° 02' 34"					D-49-51-C-c
núi Hòn Lui	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 34' 33"	108° 58' 37"					D-49-50-D-d
núi Hòn Ông	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 33' 55"	109° 01' 21"					D-49-51-C-c
núi Ka Xiêm	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 34' 04"	109° 02' 03"					D-49-51-C-c
Núi Na	SV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 32' 09"	108° 57' 02"					D-49-50-D-d
suối Nước Đập	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 31' 59"	109° 01' 37"	13° 33' 33"	109° 00' 46"	D-49-51-C-c
suối Soi Lao	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 31' 38"	108° 57' 56"	13° 33' 31"	108° 58' 32"	D-49-50-D-d
suối Sơn Thành	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh			13° 33' 33"	109° 00' 46"	13° 34' 44"	109° 00' 16"	D-49-51-C-c
lưu Suối Dú	KX	xã Canh Hoà	H. Văn Canh	13° 33' 24"	109° 00' 57"					D-49-51-C-c
suối Tà Mo	TV	xã Canh Hoà	H. Văn Canh							D-49-50-D-d
núi Am	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 40' 53"	108° 58' 18"					D-49-50-D-d
núi Bà	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 38' 46"	108° 56' 09"					D-49-50-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
Sông Bung	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 41' 27"	108° 52' 36"	13° 48' 58"	108° 53' 59"	D-49-50-D-a; D-49-50-D-b; D-49-50-B-d		
làng Canh Tiên	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 45' 10"	108° 57' 59"					D-49-50-B-d		
Làng Cát	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 43' 01"	108° 54' 44"					D-49-50-D-b		
Suối Chiền	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 45' 06"	108° 57' 19"	13° 44' 45"	108° 57' 59"	D-49-50-B-d; D-49-50-D-b		
Làng Chồm	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 41' 05"	108° 55' 32"					D-49-50-D-b		
Núi Chùa	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 50' 26"	108° 54' 09"					D-49-50-B-d		
múi Da Nam	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 32' 33"	108° 56' 24"					D-49-50-D-d		
Suối Dung	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 49' 39"	108° 57' 12"	13° 48' 13"	108° 58' 23"	D-49-50-B-d		
suối Đông Sim	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 47' 57"	108° 55' 54"	13° 54' 22"	108° 56' 24"	D-49-50-B-d		
Suối Gầm	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 32' 49"	108° 55' 46"	13° 31' 37"	108° 56' 35"	D-49-50-D-d		
làng Hà Giao	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 37' 31"	108° 54' 19"					D-49-50-D-b		
nước Hà Piã	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 39' 02"	108° 54' 35"	13° 36' 19"	108° 53' 33"	D-49-50-D-b; D-49-50-D-d		
núi Hà Sơn	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 39' 51"	108° 49' 15"					D-49-50-D-a		
sông Hầm Hố	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 48' 58"	108° 53' 59"	13° 52' 48"	108° 51' 50"	D-49-50-B-d		
Núi Hiên	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 36' 30"	108° 55' 05"					D-49-50-D-d		
Núi Hóp	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 34' 38"	108° 51' 03"					D-49-50-D-c		
làng Kà Bông	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 42' 36"	108° 53' 52"					D-49-50-D-b		
làng Kà Bưng	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 40' 59"	108° 53' 51"					D-49-50-D-b		
làng Kà Nầu	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 39' 44"	108° 53' 30"					D-49-50-D-b		
đắc Kà Ton	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 39' 38"	108° 50' 28"	13° 35' 54"	108° 50' 30"	D-49-50-D-a; D-49-50-D-c		
suối Ké Cách	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 37' 48"	108° 53' 04"	13° 32' 26"	108° 53' 32"	D-49-50-D-b; D-49-50-D-d		
núi Kín Đen	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 47' 39"	108° 55' 31"					D-49-50-B-d		
làng Kon Lót	DC	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 37' 39"	108° 54' 27"					D-49-50-D-b		
Suối Lao	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 40' 02"	108° 55' 35"	13° 44' 40"	108° 53' 41"	D-49-50-D-b		
Núi Mã	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 44' 18"	108° 55' 35"					D-49-50-D-b		
núi Mo Dầu	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 37' 41"	108° 49' 50"					D-49-50-D-a		
Núi Mết	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 47' 55"	108° 58' 14"					D-49-50-B-d		
Núi Mút	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 33' 22"	108° 56' 21"					D-49-50-D-d		
núi Nhang	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 37' 05"	108° 55' 14"					D-49-50-D-d		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
hồ Núi Một	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 47' 24"	108° 58' 41"					D-49-50-B-d
Núi Ông	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 41' 57"	108° 55' 42"					D-49-50-D-b
núi Ông Mang	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 42' 30"	108° 55' 51"					D-49-50-D-b
núi Ông Miếu	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 46' 26"	108° 54' 06"					D-49-50-B-d
núi Sóc Xiêm	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 49' 55"	108° 56' 52"					D-49-50-B-d
suối Sơ Tang	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 47' 06"	108° 55' 39"	13° 47' 35"	108° 54' 18"	D-49-50-B-d
Suối Tho	TV	xã Canh Liên	H. Văn Canh			13° 39' 45"	108° 56' 29"	13° 44' 27"	108° 58' 00"	D-49-50-D-b
núi Thu Dương	SV	xã Canh Liên	H. Văn Canh	13° 47' 59"	108° 56' 54"					D-49-50-B-d
đường tỉnh 638	KX	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-C-c; D-49-50-D-d
Núi Bà	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 38' 46"	108° 56' 09"					D-49-50-D-b
Suối Bạch	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 32' 54"	108° 59' 10"	13° 34' 44"	109° 00' 16"	D-49-51-C-c
núi Cau Klan	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 37' 07"	109° 01' 13"					D-49-51-C-a
Suối Chiếp	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 33' 31"	108° 58' 32"	13° 35' 43"	109° 00' 13"	D-49-50-D-d
núi Do Ác	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 33' 46"	109° 02' 54"					D-49-51-C-c
Núi Đắc	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 34' 14"	109° 03' 05"					D-49-51-C-c
Di tích Lịch sử chiến thắng Đồi Đá Huế	KX	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 42"	109° 00' 10"					D-49-51-C-c
suối Hà Đăng	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 36' 25"	108° 56' 04"	13° 34' 15"	108° 57' 44"	D-49-50-D-d
làng Hà Lũy	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 40"	108° 59' 03"					D-49-50-D-d
sông Hà Thanh	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-C-c
làng Hà Văn Dưới	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 32"	108° 59' 01"					D-49-50-D-d
làng Hà Văn Trên	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 03"	108° 58' 00"					D-49-50-D-d
Núi Hiền	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 30"	108° 55' 05"					D-49-50-D-d
núi Hòn Đắc	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 33' 38"	109° 02' 34"					D-49-51-C-c
núi Hòn Lui	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 34' 33"	108° 58' 37"					D-49-50-D-d
đồi Hòn Lúp	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 34' 57"	109° 00' 01"					D-49-51-C-c
núi Hòn Mè	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 47"	108° 59' 21"					D-49-50-D-d
làng Hòn Mè	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 02"	109° 00' 09"					D-49-51-C-c
núi Hòn Xứng	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 50"	109° 00' 46"					D-49-51-C-c
làng Cà Bưng	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 54"	108° 58' 32"					D-49-50-D-d
làng Cà Te	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 33' 39"	108° 57' 21"					D-49-50-D-d
suối Cà Xim	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 33' 46"	109° 02' 39"	13° 35' 20"	109° 00' 17"	D-49-51-C-c
núi Cà Xim	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 35' 31"	109° 02' 42"					D-49-51-C-c
làng Cà Xim	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 34' 58"	109° 00' 22"					D-49-51-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn Kinh Tế	DC	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 21"	108° 59' 57"					D-49-50-D-d
Suối Lớn	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 34' 15"	108° 57' 44"	13° 37' 14"	108° 59' 54"	D-49-50-D-b; D-49-50-D-d
Hòn Mắm	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 36' 58"	109° 00' 37"					D-49-51-C-c
Núi Mút	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 33' 22"	108° 56' 21"					D-49-50-D-d
núi Nhang	SV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh	13° 37' 05"	108° 55' 14"					D-49-50-D-d
Suối Rao	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 39' 33"	108° 56' 28"	13° 37' 39"	108° 59' 41"	D-49-50-D-b
suối Sơn Thành	TV	xã Canh Thuận	H. Văn Canh			13° 33' 33"	109° 00' 46"	13° 34' 44"	109° 00' 16"	D-49-51-C-c
đường tỉnh 638	KX	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 31' 49"	109° 01' 14"	13° 48' 11"	109° 08' 44"	D-49-51-C-a; D-49-51-A-c
Núi Ai	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 29"	109° 02' 07"					D-49-51-C-a
thôn An Long 1	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 59"	109° 05' 47"					D-49-51-C-a
thôn An Long 2	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 48"	109° 05' 30"					D-49-51-C-a
suối Bà Lương	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 41' 21"	109° 02' 27"	13° 41' 34"	109° 03' 03"	D-49-51-C-a
núi Ba Nhân	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 45' 31"	109° 01' 16"					D-49-51-A-c
hồ Bà Thiến	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 01"	109° 03' 43"					D-49-51-C-a
thôn Bình Long	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 15"	109° 06' 23"					D-49-51-C-a
Suối Bụt	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 42' 08"	108° 59' 32"	13° 41' 49"	109° 03' 00"	D-49-51-C-a
núi Cái Chùa	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 43"	109° 03' 40"					D-49-51-C-a
cụm công nghiệp Canh Vinh	KX	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 36"	109° 04' 57"					D-49-51-C-a
núi Dầu Dầu	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 45' 39"	109° 03' 00"					D-49-51-A-c
núi Dốc Cáp	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 11"	109° 01' 05"					D-49-51-C-a
suối Đa Đa	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 46' 09"	109° 03' 41"	13° 44' 42"	109° 03' 12"	D-49-51-C-a; D-49-51-A-c
suối Đất Sét	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 44' 42"	109° 03' 12"	13° 43' 39"	109° 03' 57"	D-49-51-C-a
suối Hà Tang	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 45' 19"	109° 00' 52"	13° 44' 10"	109° 03' 00"	D-49-51-C-a; D-49-51-A-c
sông Hà Thanh	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 34' 44"	109° 00' 16"	13° 49' 13"	109° 13' 22"	D-49-51-C-a
thôn Hiệp Vinh 1	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 23"	109° 05' 02"					D-49-51-C-a
thôn Hiệp Vinh 2	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 43' 58"	109° 04' 22"					D-49-51-C-a
núi Hòn Gió	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 41' 15"	109° 00' 45"					D-49-51-C-a
núi Hòn Lúp	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 49"	109° 05' 37"					D-49-51-C-a
núi Hòn Ngăn	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 41"	109° 00' 11"					D-49-51-C-a
núi Hòn Quỳ	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 03"	109° 05' 27"					D-49-51-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
núi Hòn Vinh	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 41' 13"	109° 01' 56"					D-49-51-C-a
núi Hòn Vuông	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 43' 01"	109° 05' 49"					D-49-51-C-a
thôn Kinh Tế	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 11"	109° 02' 06"					D-49-51-C-a
suối Mả Hà	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 42' 07"	109° 03' 37"	13° 42' 46"	109° 03' 22"	D-49-51-C-a; D-49-51-A-c
suối Mong Lá	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 47' 25"	109° 02' 08"	13° 44' 42"	109° 03' 12"	D-49-51-A-c
Suối Muồng	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 43' 16"	109° 02' 02"	13° 42' 39"	109° 03' 04"	D-49-51-C-a
cầu Ngổ La	KX	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 43' 43"	109° 04' 01"					D-49-51-C-a
sông Nhị Hà	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 42' 00"	109° 06' 47"	13° 44' 44"	109° 06' 29"	D-49-51-C-a
Suối Nhiên	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh			13° 39' 52"	109° 05' 41"	13° 43' 56"	109° 04' 51"	D-49-51-C-a
núi Ông Dầu	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 46' 50"	109° 01' 36"					D-49-51-A-c
hồ Ông Lành	TV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 43' 01"	109° 04' 59"					D-49-51-C-a
núi Sơn Sẻ	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 39' 40"	109° 06' 11"					D-49-51-C-a
núi Song Cao	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 45' 50"	109° 01' 43"					D-49-51-A-c
cầu Suối Muồng	KX	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 40"	109° 03' 01"					D-49-51-C-a
núi Tam Hùng	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 40' 28"	109° 04' 13"					D-49-51-C-a
thôn Tân Vinh	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 56"	109° 03' 13"					D-49-51-C-a
ga Tân Vinh	KX	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 42' 36"	109° 02' 42"					D-49-51-C-a
thôn Tăng Hoà	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 44' 00"	109° 05' 28"					D-49-51-C-a
thôn Tăng Lợi	DC	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 43' 28"	109° 04' 14"					D-49-51-C-a
núi Ủ Voi	SV	xã Canh Vinh	H. Văn Canh	13° 45' 32"	109° 05' 24"					D-49-51-A-c
đường tỉnh 637	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			13° 59' 18"	108° 47' 49"	14° 21' 24"	108° 41' 09"	D-49-38-D-c
đường tỉnh 637	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 06' 45"	108° 46' 56"	14° 21' 24"	108° 41' 09"	D-49-38-D-c
núi Ba Gò	SV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 54"	108° 45' 47"					D-49-38-D-c
Sông Côn	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a
chùa Đại Quang	KX	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 06"	108° 47' 02"					D-49-38-D-c
thôn Định An	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 51"	108° 46' 57"					D-49-38-D-c
thôn Định Bình	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 21"	108° 46' 56"					D-49-38-D-c
thôn Định Tân	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 02"	108° 47' 06"					D-49-38-D-c
thôn Định Thiên	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 39"	108° 46' 52"					D-49-38-D-c
thôn Định Tổ	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 23"	108° 46' 59"					D-49-38-D-c
thôn Hà Rơn	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 46"	108° 46' 31"					D-49-38-D-c
suối Hà Rơn	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 09' 06"	108° 44' 02"	14° 07' 06"	108° 47' 02"	D-49-38-D-c
núi Hòn Chò	SV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 29"	108° 46' 01"					D-49-38-D-c
núi Hòn Nhơn	SV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 13"	108° 45' 50"					D-49-38-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên biểu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
thôn Klót Póc Suối Xem	DC	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 43"	108° 46' 45"	14° 12' 14"	108° 42' 00"	14° 04' 44"	108° 47' 06"	D-49-38-D-c		
	TV	TT. Vĩnh Thạnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 06' 45"	108° 46' 56"	14° 21' 24"	108° 41' 09"	D-49-38-C-b; D-49-38-D-a; D-49-38-D-c		
đường tỉnh 637	KX	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-D-a		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 39"	108° 45' 50"	14° 09' 31"	108° 46' 12"	D-49-38-D-a		
Suối Bé	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 03"	108° 45' 58"	14° 07' 47"	108° 47' 06"	D-49-38-D-a		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a		
núi Con Ta Ba	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 14' 51"	108° 44' 35"					D-49-38-C-b		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 10' 57"	108° 42' 29"	14° 07' 44"	108° 42' 11"	D-49-38-C-b		
Hòn Dôm	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 11' 48"	108° 44' 13"					D-49-38-D-a; D-49-38-C-b		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 11' 38"	108° 45' 38"					D-49-38-D-a		
hồ Định Bình	KX	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 24"	108° 46' 23"					D-49-38-D-a		
	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 08' 23"	108° 47' 10"					D-49-38-D-a		
thôn Định Tam	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 08' 08"	108° 47' 06"					D-49-38-D-a		
	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 35"	108° 46' 59"					D-49-38-D-c		
thôn Định Trị	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 09' 06"	108° 44' 02"	14° 07' 06"	108° 47' 02"	D-49-38-D-c		
	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 49"	108° 45' 50"					D-49-38-D-a		
núi Hang Hủ	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 15' 03"	108° 39' 58"	14° 13' 59"	108° 42' 50"	D-49-38-C-b		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 13' 39"	108° 41' 46"	14° 13' 59"	108° 42' 50"	D-49-38-C-b		
đắc Klo Ti	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 13' 59"	108° 42' 50"	14° 12' 41"	108° 45' 40"	D-49-38-C-b		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 23"	108° 46' 01"	14° 07' 58"	108° 47' 13"	D-49-38-D-a		
suối Nước Giang	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 12' 29"	108° 44' 56"	14° 11' 55"	108° 45' 32"	D-49-38-D-a		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 55"	108° 45' 36"	14° 09' 47"	108° 45' 50"	D-49-38-D-a		
suối Nước Trót	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-D-a		
	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 08"	108° 45' 22"					D-49-38-C-b		
núi Pa Cao	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 11' 51"	108° 42' 29"			14° 14' 05"	108° 45' 36"	D-49-38-C-b		
	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 54"	108° 46' 08"	14° 09' 08"	108° 46' 19"	D-49-38-D-a		
Đắc Ranh	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 08' 29"	108° 45' 47"					D-49-38-D-a		
	SV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 08"	108° 46' 52"					D-49-38-D-c		
đỉnh Tà Bung	DC	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 08' 56"	108° 44' 38"	14° 10' 07"	108° 45' 47"	D-49-38-D-a		
	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh			14° 18' 09"	108° 42' 54"	14° 15' 19"	108° 45' 14"	D-49-38-A-d		
suối Trà Xôm	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-B-c		
	KX	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh	14° 15' 16"	108° 45' 11"			14° 12' 14"	108° 42' 00"	D-49-38-C-d		
Suối Xem	TV	xã Vĩnh Hào	H. Vĩnh Thạnh					14° 04' 44"	108° 47' 06"			

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
đồi Ba Trăm	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 52"	108° 50' 02"							D-49-38-D-a
núi Bồ Cà	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 12' 44"	108° 49' 23"							D-49-38-D-a
Suối Cau	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 49"	108° 49' 41"	14° 06' 55"	108° 49' 23"	D-49-38-D-c
Sông Cồn	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a
núi Đá Mài	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 55"	108° 48' 29"							D-49-38-D-c
núi Đèo Giác Dọc	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 12' 16"	108° 49' 37"							D-49-38-D-a
hồ Định Bình	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 11' 38"	108° 45' 38"							D-49-38-D-a
đập Định Bình	KX	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 24"	108° 46' 23"							D-49-38-D-a
suối Giá Vàng	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 12' 26"	108° 47' 35"	14° 11' 58"	108° 47' 49"	D-49-38-D-a
thôn Hà Ri	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 08' 59"	108° 47' 35"							D-49-38-D-a
suối Hồ Xoài	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 03"	108° 48' 50"	14° 06' 51"	108° 49' 16"	D-49-38-D-c
núi Hòn Cầm	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 33"	108° 47' 42"							D-49-38-D-c
núi Hòn Dựng	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 09"	108° 49' 30"							D-49-38-D-a
núi Hòn Gió	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 59"	108° 46' 52"							D-49-38-D-a
núi Hòn Góp	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 05"	108° 47' 53"							D-49-38-D-c
núi Hòn Sặc	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 31"	108° 48' 29"							D-49-38-D-c
núi Kôn Giá	SV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 13' 04"	108° 47' 17"							D-49-38-D-a
Suối Máng	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 12"	108° 48' 22"	14° 06' 43"	108° 47' 24"	D-49-38-D-c
suối Nước Cùn	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 10' 51"	108° 46' 44"	14° 10' 31"	108° 47' 13"	D-49-38-D-a
suối Nước Líp	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 12' 11"	108° 47' 24"	14° 11' 57"	108° 47' 38"	D-49-38-D-a
suối Nước Mách	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 11' 19"	108° 48' 40"	14° 11' 37"	108° 47' 35"	D-49-38-D-a
suối Nước Nham	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 11' 59"	108° 46' 41"	14° 11' 38"	108° 47' 20"	D-49-38-D-a
suối Nước Tấn	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 10' 01"	108° 51' 24"	14° 08' 13"	108° 47' 28"	D-49-38-D-a
suối Nước Tok	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 12' 19"	108° 48' 18"	14° 12' 02"	108° 48' 18"	D-49-38-D-a
Suối Pắc	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 13' 03"	108° 46' 59"	14° 13' 20"	108° 46' 12"	D-49-38-D-a
suối Tà Hùm	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 10' 03"	108° 49' 48"	14° 09' 20"	108° 47' 42"	D-49-38-D-a
thôn Tà Lét	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 21"	108° 47' 53"							D-49-38-D-c
suối Tà Mía	TV	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh					14° 12' 58"	108° 49' 12"	14° 08' 37"	108° 47' 28"	D-49-38-D-a
thôn Thanh Quang	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 09' 13"	108° 46' 30"							D-49-38-D-a
thôn Vĩnh Cửu	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 30"	108° 47' 49"							D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Khương	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 05"	108° 47' 24"							D-49-38-D-a
thôn Vĩnh Phúc	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 42"	108° 47' 24"							D-49-38-D-a
thôn Vĩnh Thọ	DC	xã Vĩnh Hiệp	H. Vĩnh Thạnh	14° 08' 05"	108° 47' 53"							D-49-38-D-a
Sông Cồn	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a
núi Giếng Bét	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 01' 08"	108° 50' 28"							D-49-38-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)			
suối Hà Nhe	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 38"	108° 49' 46"	14° 03' 44"	108° 51' 14"	14° 02' 00"	108° 48' 40"	D-49-38-D-c		
hồ Hà Nhe	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 34"	108° 51' 00"					D-49-38-D-c		
núi Hòn Bong	SV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 07"	108° 48' 36"					D-49-38-D-c		
làng M6	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 19"	108° 48' 54"					D-49-38-D-c		
thôn M7	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 01' 58"	108° 49' 33"					D-49-38-D-c		
thôn M8	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 15"	108° 50' 08"					D-49-38-D-c		
làng M9	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 17"	108° 50' 35"					D-49-38-D-c		
làng M10	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 01' 27"	108° 49' 01"	14° 04' 13"	108° 50' 02"	14° 03' 41"	108° 48' 31"	D-49-38-D-c		
suối Nước Gá	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-D-c		
thôn Tiên An	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh	14° 01' 43"	108° 48' 58"	14° 02' 46"	108° 51' 43"	14° 00' 51"	108° 49' 19"	D-49-38-D-c		
suối Tiên An	TV	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-D-c		
thôn Tiên Hoà	DC	xã Vĩnh Hoà	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-D-c		
đường tỉnh 637	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh			13° 59' 18"	108° 47' 49"	14° 21' 24"	108° 41' 09"	D-49-38-A-d; D-49-38-B-c		
suối A Sô	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 14' 49"	108° 47' 56"	14° 15' 24"	108° 45' 54"	14° 15' 06"	108° 45' 43"	D-49-38-B-c		
núi Bóc Bang	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 53"	108° 46' 20"					D-49-38-D-a		
núi Cha Huỳnh	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh			14° 14' 49"	108° 48' 25"	14° 16' 24"	108° 46' 21"	D-49-38-B-c		
suối Chơ Mao	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 15' 28"	108° 46' 08"					D-49-38-B-c		
núi Con Koi	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 18' 17"	108° 47' 58"					D-49-38-B-c		
núi Con Kriêng	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 19' 06"	108° 47' 49"					D-49-38-B-c		
núi Con Trại	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 48"	108° 44' 17"					D-49-38-A-d		
núi Con Vo Kiang	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a		
Sông Cồn	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 13"	108° 43' 34"					D-49-38-A-d		
làng Đắc Tra	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 11' 38"	108° 45' 38"					D-49-38-D-a; D-49-38-B-c		
hồ Định Bình	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-B-c		
làng K6	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 18' 25"	108° 45' 36"	14° 21' 46"	108° 42' 47"	14° 21' 46"	108° 43' 05"	D-49-38-A-d		
suối Klác	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 14' 34"	108° 47' 31"					D-49-38-D-a		
núi Kon Bao	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 16' 24"	108° 45' 00"					D-49-38-B-c		
núi Kon Chiên	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 51"	108° 44' 06"					D-49-38-A-b		
núi Kon Chư Liêng	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 23' 31"	108° 44' 53"					D-49-38-A-b		
núi Kon Chư Răng	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 16"	108° 41' 53"					D-49-38-A-d		
núi Kon Cơ Mát	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh							D-49-38-A-d		
suối Kon Trút	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 15' 33"	108° 45' 36"					D-49-38-B-c		
núi Kông Đuôn	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh									

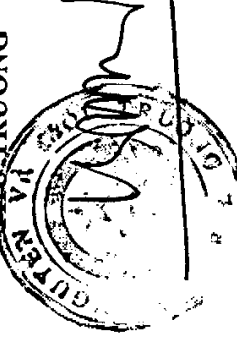
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)	Vĩ độ (độ,phút,giây)	Kinh độ (độ,phút,giây)		
núi Kổng Giá	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 13' 04"	108° 47' 17"					D-49-38-D-a	
núi Kổng Không	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 18' 33"	108° 47' 20"					D-49-38-B-c	
núi Kổng Trú	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 19' 38"	108° 48' 02"					D-49-38-B-c	
làng Kổng Trú	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 18' 53"	108° 47' 45"					D-49-38-B-c	
đường Kổng Trú	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 50"	108° 48' 07"	14° 19' 59"	108° 45' 11"
suối Nước Dơi	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 23' 03"	108° 46' 56"	14° 19' 47"	108° 45' 41"
suối Nước Giang	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 21' 53"	108° 42' 22"	14° 21' 57"	108° 43' 01"
suối Nước Lân	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 45"	108° 43' 52"	14° 18' 06"	108° 45' 36"
suối Nước Liêng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 20' 31"	108° 43' 23"	14° 21' 17"	108° 43' 37"
suối Nước Lim	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 21' 10"	108° 44' 20"	14° 20' 49"	108° 44' 10"
suối Nước Mật	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 19' 13"	108° 43' 55"	14° 19' 01"	108° 45' 14"
suối Nước Miên	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 28' 49"	108° 41' 42"	14° 22' 56"	108° 42' 43"
suối Nước Mua	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 17"	108° 43' 44"	14° 21' 35"	108° 43' 16"
suối Nước Mưa	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 21' 54"	108° 43' 59"	14° 20' 56"	108° 43' 55"
núi Nước Ray	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 16' 34"	108° 48' 12"						D-49-38-B-c
suối Nước Trinh	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 30' 32"	108° 44' 13"	14° 19' 38"	108° 45' 36"
suối Nước Trú	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 37"	108° 47' 28"	14° 19' 24"	108° 45' 43"
suối Nước Tung	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 44"	108° 43' 55"	14° 23' 00"	108° 42' 50"
làng O2	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 59"	108° 43' 54"						D-49-38-A-b
làng O3	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 36"	108° 43' 19"						D-49-38-A-b
làng O5	DC	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 19' 53"	108° 45' 40"						D-49-38-A-d
Suối Pài	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh								D-49-38-B-c
Suối Pắc	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 15' 33"	108° 45' 58"	14° 15' 46"	108° 45' 43"
suối Pờ Nao	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 13' 03"	108° 46' 59"	14° 13' 20"	108° 46' 12"
suối Tà Lãng	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 23' 11"	108° 44' 10"	14° 23' 50"	108° 43' 23"
Suối Tra	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 13' 54"	108° 48' 40"	14° 14' 29"	108° 46' 39"
suối Trà Xôm	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 20' 20"	108° 43' 41"	14° 20' 54"	108° 43' 52"
Suối Tú	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 09"	108° 42' 54"	14° 15' 19"	108° 45' 14"
Suối Tung	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 23' 30"	108° 44' 46"	14° 23' 48"	108° 43' 12"
Suối Vách	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 20' 28"	108° 42' 25"	14° 18' 09"	108° 43' 08"
núi Vĩnh Sơn	SV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 19' 55"	108° 44' 17"			14° 16' 04"	108° 48' 11"	14° 17' 23"	108° 46' 14"
Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 20"	108° 42' 50"						D-49-38-A-d
Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn 5	KX	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 56"	108° 43' 00"						D-49-38-A-d
Suối Xin	TV	xã Vĩnh Kim	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 03"	108° 46' 52"	14° 17' 43"	108° 46' 10"
											D-49-38-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối					
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)				
đường tỉnh 637	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh										D-49-38-D-c
suối Cây Đa	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh			13° 59' 18"	108° 47' 49"	14° 21' 24"	108° 41' 09"				D-49-38-D-c
Sông Côn	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh					14° 02' 42"	108° 47' 36"	14° 02' 44"	108° 48' 19"		D-49-38-D-a
núi Dặm Lùn	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 31"	108° 46' 59"			14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-38-D-c
thôn Định Quang	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 26"	108° 47' 56"								D-49-38-D-c
thôn Định Thái	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 46"	108° 47' 42"								D-49-38-D-c
thôn Định Trung	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 53"	108° 48' 06"								D-49-38-D-c
thôn Định Trường	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 52"	108° 46' 38"								D-49-38-D-c
thôn Định Xuân	DC	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 02' 00"	108° 48' 16"								D-49-38-D-c
núi Hòn Nhạn	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 15"	108° 45' 14"								D-49-38-D-c
núi Nọc Rơm	SV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 35"	108° 46' 30"								D-49-38-D-c
suối Tả Dơi	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh					14° 03' 13"	108° 46' 46"	14° 03' 17"	108° 48' 26"		D-49-38-D-c
cầu Tả Dơi	KX	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 09"	108° 48' 01"								D-49-38-D-c
Suối Xem	TV	xã Vĩnh Quang	H. Vĩnh Thạnh					14° 12' 14"	108° 42' 00"	14° 04' 44"	108° 47' 06"		D-49-38-C-d
đường tỉnh 637	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					13° 59' 18"	108° 47' 49"	14° 21' 24"	108° 41' 09"		D-49-38-A-d
đường tỉnh 637	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 06' 45"	108° 46' 56"	14° 21' 24"	108° 41' 09"		D-49-38-A-d
Suối Bớt	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 52"	108° 38' 02"	14° 22' 43"	108° 39' 54"		D-49-38-A-b
Sông Côn	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"		D-49-38-D-a
núi Con Hlang	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 24' 22"	108° 39' 50"								D-49-38-A-b
suối Con Lút	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 19' 02"	108° 38' 42"	14° 18' 18"	108° 41' 02"		D-49-38-A-d
núi Con Rú	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 24' 17"	108° 42' 22"								D-49-38-A-b
Suối Đá	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 26' 11"	108° 36' 29"	14° 26' 30"	108° 38' 35"		D-49-38-A-a
suối Đắc Sơn Lang	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 28"	108° 37' 41"	14° 19' 39"	108° 41' 17"		D-49-38-A-d
suối Đắc Trúc	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 18"	108° 41' 02"	14° 18' 09"	108° 42' 54"		D-49-38-A-d
suối Đắc Tùng	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 20' 28"	108° 42' 25"	14° 18' 09"	108° 43' 08"		D-49-38-A-d
suối Hơ Ma	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 27' 25"	108° 36' 22"	14° 27' 08"	108° 38' 10"		D-49-38-A-a
suối Hơ Ngo	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 25' 06"	108° 36' 58"	14° 23' 32"	108° 39' 18"		D-49-38-A-a
làng K2	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 01"	108° 40' 55"								D-49-38-A-d
làng K3	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 39"	108° 41' 46"								D-49-38-A-d
làng K4	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 20' 57"	108° 42' 18"								D-49-38-A-d
làng K8	DC	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 18' 58"	108° 40' 30"								D-49-38-A-d
suối Klá	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 16' 59"	108° 42' 07"	14° 17' 00"	108° 43' 41"		D-49-38-A-d
núi Kon Cơ Mát	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 16"	108° 41' 53"								D-49-38-A-d
núi Kon Đoon	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 24' 53"	108° 43' 01"								D-49-38-A-b
suối Kon Trút	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 19' 39"	108° 41' 17"	14° 18' 09"	108° 42' 54"		D-49-38-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)			
núi Kông Xrút	SV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 22"	108° 40' 16"			14° 21' 37"	108° 40' 44"	14° 19' 39"	108° 41' 17"	D-49-38-A-d
suối Lor Pin	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 27' 09"	108° 38' 12"	14° 26' 29"	108° 39' 11"	D-49-38-A-d
Suối Nga	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 25' 45"	108° 38' 20"	14° 23' 40"	108° 39' 58"	D-49-38-A-b
Suối Nư	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 28' 49"	108° 41' 42"	14° 22' 56"	108° 42' 43"	D-49-38-A-b
suối Nước Miên	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 31"	108° 42' 04"	14° 22' 58"	108° 42' 25"	D-49-38-A-b
suối Nước Phai	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 23' 51"	108° 38' 13"	14° 23' 32"	108° 40' 05"	D-49-38-A-b
Suối Phan	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 24' 14"	108° 37' 08"	14° 23' 51"	108° 38' 13"	D-49-38-A-b; D-49-38-A-a
Suối Pinh	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 21' 01"	108° 38' 10"	14° 18' 22"	108° 41' 02"	D-49-38-A-d
Suối Quyển	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 17' 07"	108° 39' 14"	14° 18' 18"	108° 41' 02"	D-49-38-A-d
Suối Riêng	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 22' 00"	108° 38' 06"	14° 21' 26"	108° 39' 32"	D-49-38-A-d
suối Sơn Lang	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh									D-49-38-A-d
cầu Sơn Lang	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 20' 29"	108° 40' 34"							D-49-38-A-d
suối Trà Xóm	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 18' 09"	108° 42' 54"	14° 15' 19"	108° 45' 14"	D-49-38-A-d
Cầu Trần	KX	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 21' 48"	108° 40' 55"							D-49-38-A-d
hồ Vĩnh Sơn A	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh	14° 22' 22"	108° 40' 44"							D-49-38-A-d
suối Xanh	TV	xã Vĩnh Sơn	H. Vĩnh Thạnh					14° 26' 29"	108° 42' 11"	14° 24' 09"	108° 43' 16"	D-49-38-A-b
thôn An Ngoại	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 32"	108° 47' 13"							D-49-38-D-c
thôn An Nội	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 22"	108° 47' 27"							D-49-38-D-c
đôi Ba Trăm	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 07' 52"	108° 50' 02"							D-49-38-D-a
Suối Cái	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 08' 38"	108° 51' 25"	14° 06' 32"	108° 48' 59"	D-49-38-D-a; D-49-38-D-c
Suối Cát	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 08' 12"	108° 51' 22"	14° 07' 56"	108° 51' 14"	D-49-38-D-a
Suối Cau	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 49"	108° 49' 41"	14° 06' 55"	108° 49' 23"	D-49-38-D-c
Sông Cồn	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 35' 46"	108° 43' 11"	13° 54' 07"	109° 13' 39"	D-49-38-D-a
hòn Độc Lập	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 20"	108° 48' 22"							D-49-38-D-c
suối Đôi Tranh	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 40"	108° 51' 18"	14° 07' 55"	108° 51' 14"	D-49-38-D-a
suối Động Yêu	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 06' 27"	108° 50' 28"	14° 06' 54"	108° 49' 34"	D-49-38-D-c
suối Hà Nhe	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 03' 44"	108° 51' 14"	14° 02' 00"	108° 48' 40"	D-49-38-D-c
suối Hồ Xoài	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 07' 03"	108° 48' 50"	14° 06' 51"	108° 49' 16"	D-49-38-D-c
núi Hòn Bồng	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 16"	108° 50' 28"							D-49-38-D-c
suối Hòn Lập	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 05' 58"	108° 48' 40"	14° 04' 00"	108° 48' 00"	D-49-38-D-c
mũi Hòn Lập	SV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 56"	108° 48' 54"							D-49-38-D-c
hồ Hòn Lập	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 12"	108° 48' 43"							D-49-38-D-c
Suối Lau	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh					14° 06' 40"	108° 48' 29"	14° 06' 23"	108° 48' 47"	D-49-38-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Toạ độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Toạ độ trung tâm		Toạ độ điểm đầu		Toạ độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	Vĩ độ (độ,phút,gây)	Kinh độ (độ,phút,gây)	
thôn M2	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 07"	108° 48' 18"					D-49-38-D-c
thôn M3	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 09"	108° 48' 31"					D-49-38-D-c
suối Nước Gà	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 04' 13"	108° 50' 02"	14° 03' 41"	108° 48' 31"	D-49-38-D-c
suối Nước Lim	TV	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh			14° 06' 06"	108° 51' 04"	14° 04' 01"	108° 48' 11"	D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Bình	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 17"	108° 48' 25"					D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Định	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 36"	108° 47' 17"					D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Hoà	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 31"	108° 48' 00"					D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Thái	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 15"	108° 47' 32"					D-49-38-D-c
thôn Vĩnh Trường	DC	xã Vĩnh Thịnh	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 33"	108° 48' 00"					D-49-38-D-c
Làng 1	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 35"	108° 45' 05"					D-49-38-D-c
Làng 2	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 38"	108° 44' 53"					D-49-38-C-d
Làng 3	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 01"	108° 44' 09"					D-49-38-C-d
Làng 4	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 52"	108° 44' 45"					D-49-38-C-d
Làng 5	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 37"	108° 44' 35"					D-49-38-C-d
Làng 6	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 11"	108° 43' 44"					D-49-38-C-d
Làng 7	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 05' 51"	108° 44' 23"					D-49-38-C-d
Làng 8	DC	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 06' 10"	108° 44' 31"					D-49-38-C-d
Suối Cải	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh			14° 03' 01"	108° 44' 20"	14° 05' 32"	108° 44' 56"	D-49-38-C-d
núi Hòn Nhạn	SV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 15"	108° 45' 14"					D-49-38-C-d
núi Hòn Sắt	SV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 03' 41"	108° 43' 59"					D-49-38-C-d
núi Soi Gà	SV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh	14° 04' 25"	108° 44' 06"					D-49-38-C-d
Suối Xem	TV	xã Vĩnh Thuận	H. Vĩnh Thạnh			14° 12' 14"	108° 42' 00"	14° 04' 44"	108° 47' 06"	D-49-38-C-d

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc